

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang hòa nhịp vào nền kinh tế thế giới như vũ bão, phát triển ngày một vững mạnh. Việt Nam không phải như trước: là một đất nước nhỏ bé, thu mình dưới hình thức “Bế quan tỏa cảng”, mà đã lột xác hướng tới nền kinh tế thị trường. Và giờ đây nước ta lại tiếp tục bước xa hơn khi ra nhập cộng đồng World Trade Organization – gọi tắt là WTO – tổ chức thương mại lớn nhất Thế Giới. Hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang trở thành một thành tố quan trọng, góp phần vào việc phục hồi tăng trưởng kinh tế của nước ta trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế toàn cầu hiện nay. Trước cơ hội mới, tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi cho hình thành rất nhiều các doanh nghiệp với các loại hình, tổ chức, lĩnh vực kinh doanh đa dạng, phong phú nhằm tạo tiền đề phát triển một nền kinh tế vững mạnh có thể cạnh tranh và có vị trí ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới. Để làm được điều này, mỗi doanh nghiệp phải tăng cường công tác quản lý, tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp của mình để có thể huy động và sử dụng tốt nguồn vốn, nâng cao chất lượng, giảm thời gian, chi phí và hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ... nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường và đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, song vẫn đảm bảo về an sinh xã hội.

Nắm bắt được thời cơ, cũng như thấy trước được tương lai mở rộng của ngành dịch vụ vận tải, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh đã đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ vận tải phục vụ vận chuyển hàng hóa hành khách. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty luôn nỗ lực tự hoàn thiện mình, mở rộng thị trường với chất lượng xe, chất lượng phục vụ ngày càng cao. Điều đó còn được thể hiện rõ nét ở kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm gần đây với lượng doanh thu ngày càng tăng và chi phí sử dụng ngày càng hiệu quả.

Để tìm hiểu về tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vận tải Trọng Khánh, em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện hạch toán kế***

toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vận tải Trọng Khánh”, nhằm đưa ra một cách chi tiết về tình hình hạch toán chi phí đầu vào cũng như kết quả đầu ra của doanh nghiệp. Bên cạnh đó em đã đưa ra những nhận xét và những giải

1: Cơ sở lí luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh pháp cụ thể với hy vọng công tác kế toán cũng như công tác quản lý tại Công ty ngày càng hoàn thiện hơn. Luận văn tốt nghiệp của em gồm ba chương:

Chương doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần TM & DV Vận tải Trọng Khánh

Chương 3: Một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần TM & DV Vận Tải Trọng Khánh

.....

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**1.1 TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1.1 Khái niệm, phân loại doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp****1.1.1.1 Doanh thu và các loại doanh thu trong doanh nghiệp**

Theo chuẩn mực số 14 về doanh thu và thu nhập khác ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của bộ trưởng bộ tài chính và thông tư số 89/2002/TT-BTC thì:

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

a. Phân loại doanh thu

+ Theo nội dung, doanh thu bao gồm:

➤ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

➤ *Doanh thu bán hàng nội bộ*: Là doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp, là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ *Doanh thu hoạt động tài chính*: Là doanh thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia; chênh lệch tỷ giá do bán ngoại tệ; thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

+ Căn cứ vào nguồn hình thành, doanh thu của một doanh nghiệp kinh

doanh dịch vụ bao gồm:

➤ *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh*: Là toàn bộ tiền bán sản phẩm hàng hoá, dịch vụ mà doanh nghiệp được hưởng hoặc sẽ được hưởng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ *Doanh thu từ hoạt động tài chính*: Là những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đem lại.

➤ *Doanh thu khác*: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

+ Theo loại tiền, doanh thu bao gồm doanh thu ngoại tệ và doanh thu nội tệ.

+ Theo đối tượng tiêu dùng thì doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bên ngoài và doanh thu tiêu thụ nội bộ.

+ Ngoài ra, tùy theo từng doanh nghiệp cụ thể mà doanh thu có thể được phân chia theo loại hình dịch vụ, theo nơi tiêu thụ...

Dựa trên việc phân loại trên, doanh nghiệp và những người sử dụng thông tin kế toán của doanh nghiệp có thể nắm bắt được tình hình tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ, hiệu quả mang lại từ các khoản đầu tư và các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

b. Các phương pháp xác định doanh thu

- Doanh thu thuần: là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được

- Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán

vào doanh thu

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính
- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT
- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT)
- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu)
- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công

c. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền đã thu được hoặc sẽ thu được từ việc phát sinh doanh thu

**** Ghi nhận doanh thu bán hàng***

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn được tất cả 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro, lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**** Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ***

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch

cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- + xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- + Xác định được chi phí phát sinh giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

d. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần

- ***Chiết khấu thương mại***: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- ***Giảm giá hàng bán***: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

- ***Hàng bán bị trả lại***: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại

- **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp

sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- **Thuế xuất khẩu:** Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này

- **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** là thể tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với doanh thu xác định trong kì

					<i>Thuế TTDB,</i>
	<i>DT</i>	<i>Chiết</i>	<i>DT BH</i>	<i>Giảm</i>	<i>thuế XK phải</i>
<i>Doanh thu</i>	<i>= bán</i>	<i>- khấu</i>	<i>- bị trả</i>	<i>giá</i>	<i>- nộp, thuế</i>
<i>thuần</i>	<i>hàng</i>	<i>TM</i>	<i>lại</i>	<i>hàng</i>	<i>GTGT trực</i>
				<i>bán</i>	<i>tiếp</i>

1.1.1.2 Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trong doanh nghiệp

Chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

- Chi phí về lao động sống là những chi phí về tiền lương, thưởng, phụ cấp và các khoản trích theo lương của người lao động.

- Chi phí lao động vật hóa là các chi phí về sử dụng các yếu tố tư liệu lao động, đối tượng lao động dưới các hình thái vật chất, phi vật chất, tài chính và phi tài chính.

Các loại chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm

trị giá mua của

hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ

Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi

phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo

- Chi phí nhân viên bán hàng: Phản ánh khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

- Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc gìn giữ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí đóng gói sản phẩm hàng hóa, chi phí vật liệu nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như: nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- Chi phí bảo hành sản phẩm: Phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí bảo hành, sửa chữa công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài cho việc sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

- Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu

bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí hội nghị khách hàng, vé cầu phà, chi cho khách hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản

lý hành chính và chi phí chung khác. Cụ thể:

- Các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) BHXH, BHYT, KPCĐ của ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ... (Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

- Khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

- Thuế, phí và lệ phí: Các chi phí về thuế phí lệ phí như tiền thuê đất, thuế môn bài, chi phí bằng tiền khác...

- Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác QLDN, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (Không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào CPQLDN, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

Chi phí hoạt động tài chính: Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...

Chi phí khác: Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,...

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Bao gồm: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu

nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa lợi nhuận khác và chi phí khác .

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ

Cùng với xu hướng đa phương hoá và quốc tế hoá nền kinh tế, nhu cầu thông tin ngày càng đòi hỏi một cách cấp thiết. Kế toán với tư cách là một công cụ cung

cấp thông tin hữu hiệu cho các nhà quản lý lại càng trở lên quan trọng hơn bao giờ hết. Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh là việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp...Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

Dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách ở Việt Nam hiện nay đang là ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân. Vận tải nước nhà đang có những bước phát triển vượt bậc và vươn xa trên thị trường rộng lớn trên thế

giới. Để bền vững và phát triển, việc quản lý và sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả ngày càng được chú trọng. Để làm tốt việc đó, kế toán đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã góp phần không nhỏ vào việc theo dõi kết quả đầu ra, sử dụng hiệu quả chi phí đầu vào cũng như việc quản lý và điều hành quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp dịch vụ vận tải.

Thật vậy, việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề quan trọng, mang tính chất cấp thiết và không thể thiếu đối với một doanh nghiệp. Qua quá trình cung cấp dịch vụ, sản phẩm dịch vụ chuyển sang hình thái tiền tệ và kết thúc một vòng luân chuyển vốn. Qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp có thể theo dõi một cách chính xác, đầy đủ về toàn bộ quá trình hoạt động và kịp thời đưa ra những quyết định kinh tế để tăng doanh thu đầu ra, giảm chi phí đầu vào, tạo ra lợi nhuận, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Đối với nền kinh tế, kết quả của quá trình cung cấp dịch vụ vận tải tạo ra nguồn thu tương đối lớn cho Ngân sách Nhà nước, để thực hiện được các chính

sách kinh tế - chính trị - văn hoá. Mặt khác, trong giai đoạn hiện nay, khi quá trình hội nhập đang phát triển mạnh mẽ thì việc giao thương, trao đổi hàng hóa càng diễn ra mạnh mẽ và trở nên cần thiết. Chính vì những ý nghĩa quan trọng đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng hoàn thiện công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Chính vì vậy nhiệm vụ đòi hỏi đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là:

- Tổ chức, ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ tình hình các khoản doanh thu và chi phí của doanh nghiệp
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tham gia kiểm kê, đánh giá và lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản

phẩm dịch vụ và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ, kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc

- Ghi chép, theo dõi, phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kì

- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan, đồng thời định kì tiến hành phân tích kinh tế Báo cáo kết quả kinh doanh. Từ đó tham mưu cho ban lãnh đạo về các giải pháp nhằm tối thiểu hóa chi phí và tối đa hóa lợi nhuận trong doanh nghiệp

1.2 NỘI DUNG HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

* Chứng từ kế toán sử dụng

- Hoá đơn thông thường Mẫu số 02 GTKT-3LL (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Hoá đơn giá trị gia tăng Mẫu số 01 GTTT-3LL (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng , bảng sao kê của ngân hàng....

- Các chứng từ kế toán liên quan khác : hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ, phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

- Bảng thanh toán hàng đại lí kí gửi (Mẫu 14-BH)

- Tờ khai thuế GTGT

* Tài khoản kế toán sử dụng

Ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính thì các tài khoản thuộc loại doanh thu bao gồm:

- Nhóm TK 51 – Doanh thu, có 3 tài khoản:

- + Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ
- Nhóm TK 52, có 1 tài khoản:
 - + Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại
- Nhóm TK 53, có 2 tài khoản:
 - + Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại
 - + Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: Tài khoản này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và các khoản giảm trừ doanh thu trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD từ các giao dịch và nghiệp vụ cung cấp dịch vụ. Tổng số doanh thu bán hàng ghi nhận ở đây có thể là tổng giá thành toán (với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng như đối với các đối tượng không chịu thuế GTGT) hoặc giá bán không có thuế GTGT (với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

- Tài khoản 511 gồm các tài khoản chi tiết:
 - + TK 5111 “Doanh thu bán hàng hoá”: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.
 - + TK 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ”: Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.
 - + TK 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”: Phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước
 - + TK 5117 “Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư”: Phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư, doanh thu bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”: Tài khoản này phản ánh doanh thu và các khoản ghi giảm doanh thu về số hàng hoá dịch vụ tiêu thụ nội bộ

giữa các đơn vị chi nhánh trực thuộc cùng một công ty. Ngoài ra, tài khoản này còn sử dụng để theo dõi các khoản được coi là tiêu thụ nội bộ khác như sử dụng hàng hoá, dịch vụ vào trả lương, thưởng cho người lao động.

- Tài khoản 512 bao gồm các tài khoản chi tiết:

+ TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá;

+ TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm;

+ TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ;

Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”: Tài khoản này dùng để theo dõi khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

- Tài khoản 521 chi tiết thành 3 tài khoản:

+ Tài khoản 5211 “Chiết khấu hàng hoá”;

+ Tài khoản 5212 “Chiết khấu thành phẩm”;

+ Tài khoản 5213 “Chiết khấu dịch vụ”.

Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”: Tài khoản này dùng để theo dõi doanh thu của số hàng hoá, sản phẩm dịch vụ đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại. Đây là tài khoản điều chỉnh của tài khoản 511, tài khoản 512 để tính toán doanh thu thuần về tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ.

Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”: Tài khoản này dùng để theo dõi toàn

bộ các khoản giảm giá hàng bán chấp nhận cho khách hàng trên giá bán đã thoả thuận về lượng hàng hoá, sản phẩm dịch vụ đã tiêu thụ do lỗi thuộc về người bán.

Tài khoản 333 “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước”: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

*** Sổ sách kế toán sử dụng**

- Sổ nhật ký chung

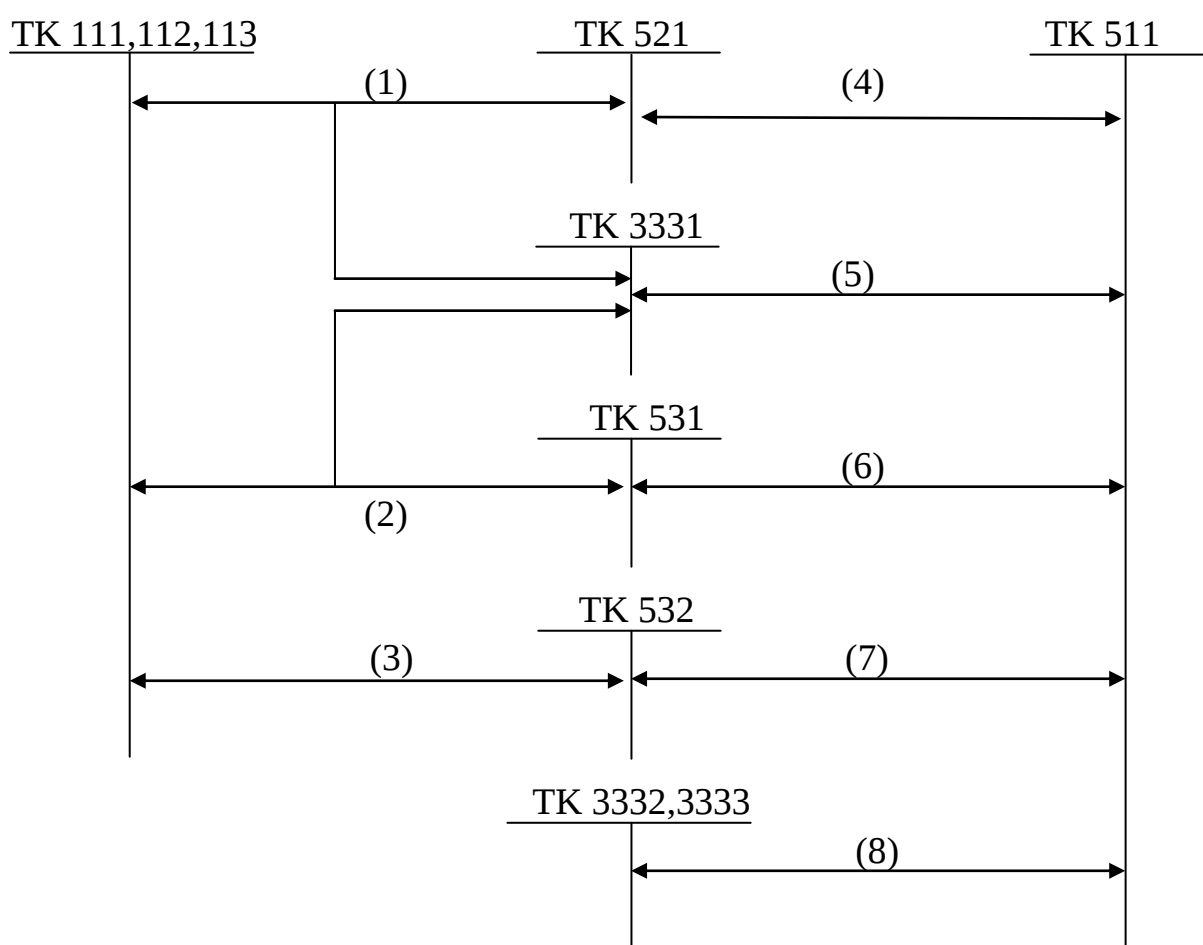
- Sổ cái các tài khoản 511, 512, 521, 531, 532, 533
- Sổ chi tiết các TK 511, 512, 521, 532
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

*** Quy trình hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

❖ Hạch toán doanh thu bán hàng

TH1: Bán hàng thu tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán

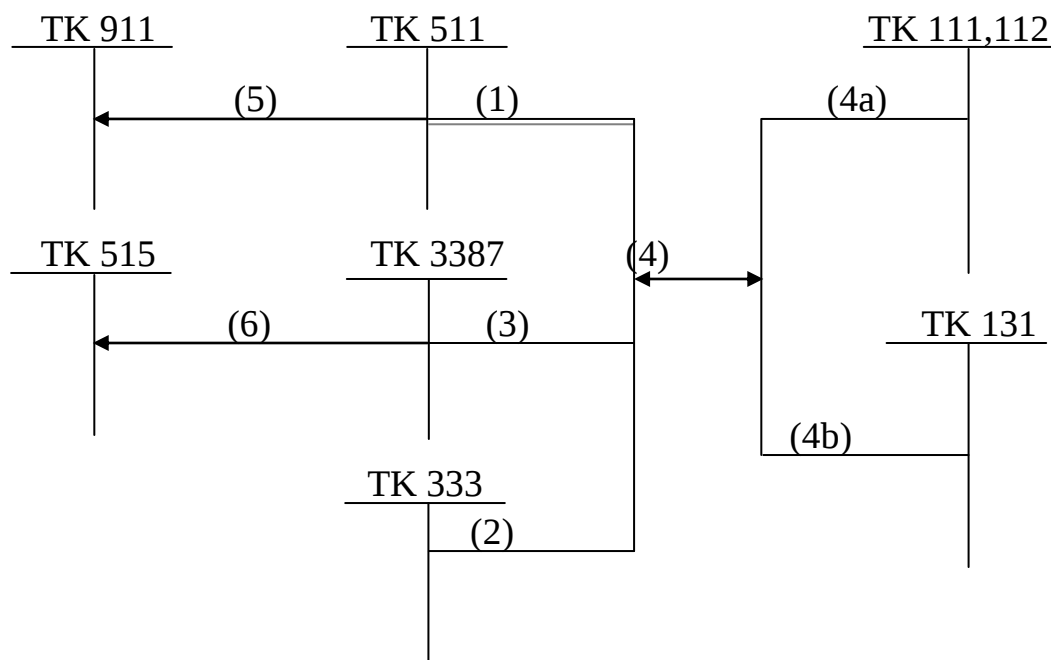
Sơ đồ 1.1 Hạch toán doanh thu bán hàng thu tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán



- Ghi chú:**
- (1) Chiết khấu TM thực tế phát sinh
 - (2) DT hàng bán bị trả lại thực tế
 - (3) Giảm giá hàng bán thực tế phát sinh
 - (4) Cuối kì kết chuyển CKTM để xác định KQKD
 - (5) Cuối kì kết chuyển thuế GTGT phải nộp để xác định KQKD
 - (6) Cuối kì kết chuyển doanh thu hàng bán bị trả lại để xác định KQKD
 - (7) Cuối kì kết chuyển giảm giá hàng bán để xác định KQKD
 - (8) Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu

TH2: Bán hàng trả góp, trả chậm

Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

Sơ đồ 1. 2 Hạch toán doanh thu bán hàng trả góp, trả chậm

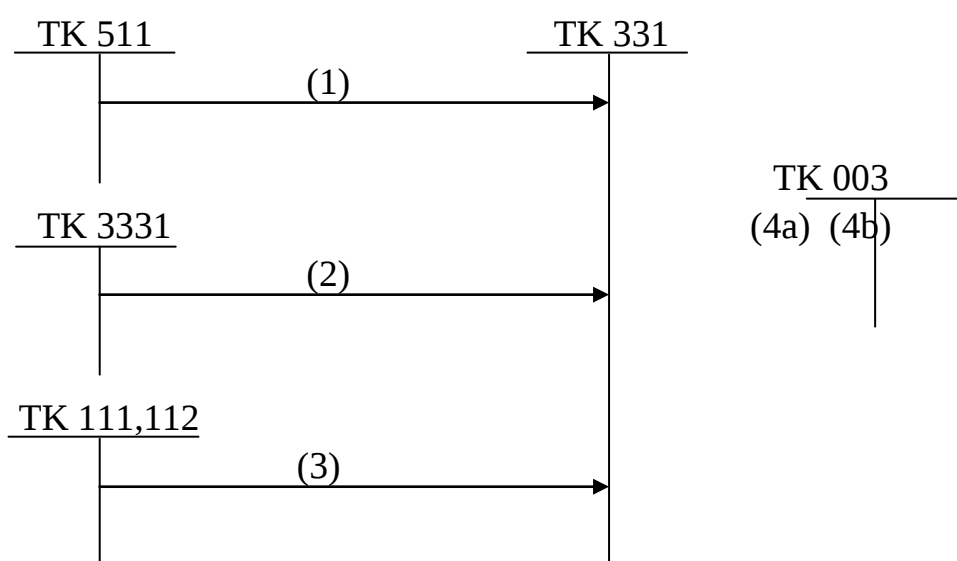
- Ghi chú:**
- (1) Doanh thu bán hàng
 - (2) Thuế GTGT đầu ra
 - (3) Lãi do bán trả góp
 - (4) Thu tiền bán hàng
 - (4a) Số tiền thu lần đầu
 - (4b) Số tiền còn phải thu
 - (5) Kết chuyển doanh thu để xác định KQKD
 - (6) Kết chuyển số lãi được hưởng

TH3: Bán hàng qua đại lý ký gửi hàng

Trường hợp doanh nghiệp bán hàng đại lý hoặc nhận xuất khẩu uỷ thác cho 1 doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp sẽ thu được doanh thu là số tiền hoa hồng được hưởng. Nếu doanh nghiệp là đại lý bán hàng thì doanh nghiệp không phải kê khai nộp thuế GTGT các khoản doanh thu này. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp tiến

hành xuất khẩu ủy thác cho doanh nghiệp khác thì số tiền hoa hồng được hưởng lại là đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%. Bên nhận ủy thác sẽ được ghi nhận số thuế tính trên hoa hồng ủy thác vào số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Khi nhận hàng của đơn vị giao cho đại lý, giao ủy thác, kế toán ghi vào Nợ TK 003. Khi bán được hàng hoặc trả lại hàng cho doanh nghiệp ủy thác thì kế toán ghi vào Có TK 003.

Sơ đồ 1.3 Hạch toán doanh thu bán hàng qua đại lý kí gửi

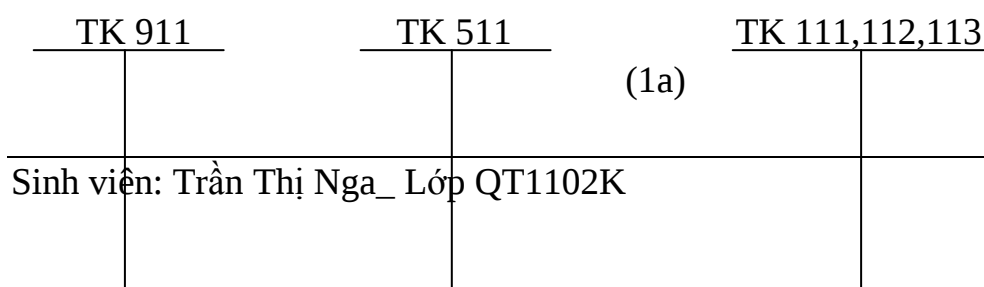


Ghi chú:

- (1) Hoa hồng làm đại lý, hoa hồng xuất khẩu ủy thác
- (2) Thuế GTGT trên oa hồng xuất khẩu ủy thác
- (3) Thanh toán tiền cho đơn vị chủ hàng
- (4a) Nhận hàng
- 4b) Thanh toán tiền hàng, trả lại hàng

TH4: Nếu doanh nghiệp bán hàng thông qua đại lý khi doanh nghiệp nhận tiền hàng do đơn vị đại lý thanh toán, doanh nghiệp cho đại lý gửi một khoản tiền hoa hồng và khoản tiền này sẽ được tính vào chi phí bán hàng (TK 6417)

Sơ đồ 1.4 Hạch toán doanh thu do hưởng hoa hồng đại lý





Ghi chú: (1a) Doanh thu trong TH đại lý thanh toán cho DN theo toàn bộ tiền hàng đã bán

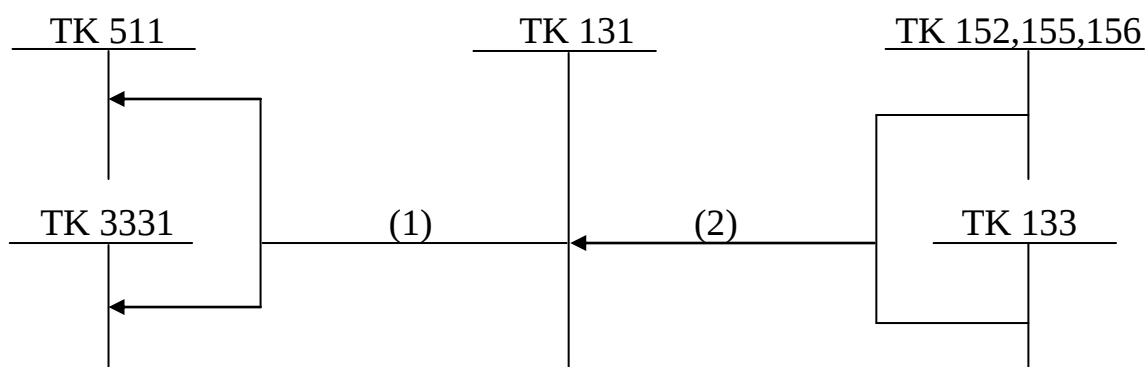
(1b) Thuế GTGT đầu ra phải nộp

(2) Doanh thu thanh toán tiền hoa hồng cho đại lý

(3) Kết chuyển doanh thu để xác định KQKD

TH5: Nếu doanh nghiệp bán hàng cho đại lý theo phương thức hàng đổi hàng, khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

Sơ đồ 1.5 Hạch toán doanh thu theo phương pháp hàng đổi hàng

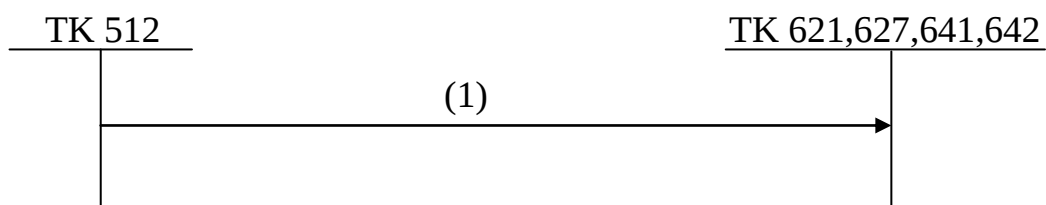


Ghi chú: (1) Xuất hàng trao đổi

(2) Nhập hàng của khách

TH6: Trường hợp doanh nghiệp dùng hàng hoá, vật tư sử dụng nội bộ cho sản xuất kinh doanh thuộc diện chịu thuế GTGT kế toán xác định doanh thu của số hàng này tương ứng với chi phí sản xuất hoặc giá vốn hàng bán để ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh

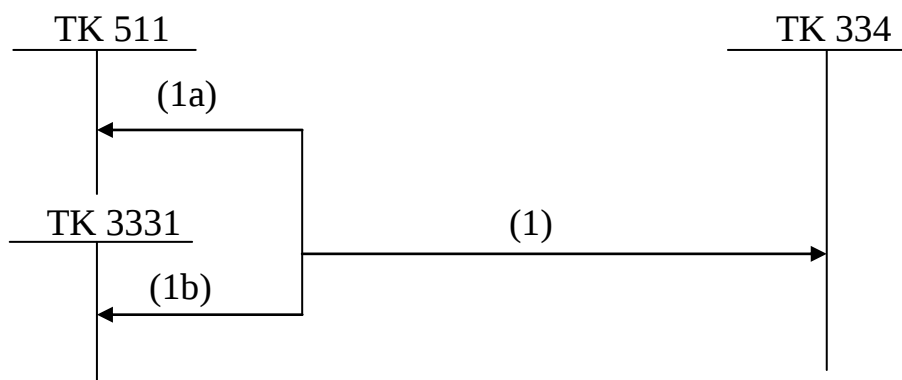
Sơ đồ 1.6 Hạch toán doanh thu xuất nội bộ



Ghi chú: (1) Doanh thu bán sản phẩm phục vụ cho sản xuất KD
hội chợ, triển lãm, biểu tặng

TH7: Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hoá để trả lương cho cán bộ công nhân viên thì kế toán hạch toán theo Sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7 Hạch toán doanh thu dùng để trả lương cho CNV

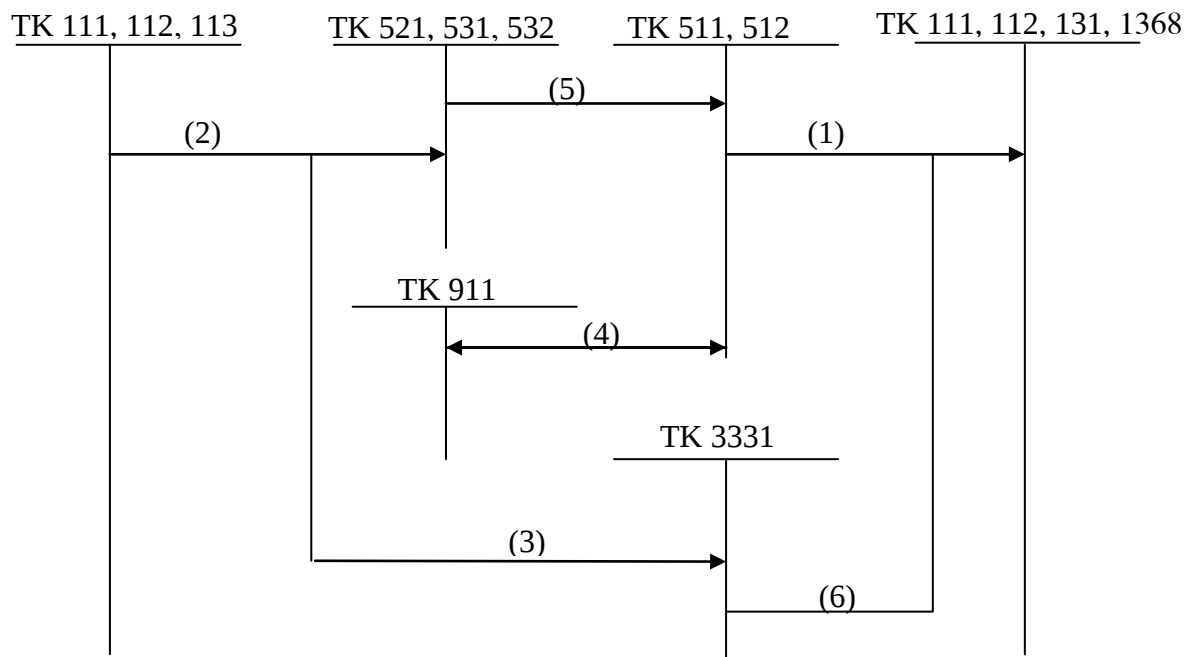


Ghi chú: (1) Doanh thu sản phẩm khi trả lương cho cán bộ công nhân viên
(1a) Doanh thu trả lương cho công nhân viên
(1b) Thuế GTGT đầu ra phải nộp

Đến cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả. Đồng thời phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp

❖ *Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ(Sơ đồ 1.8)*

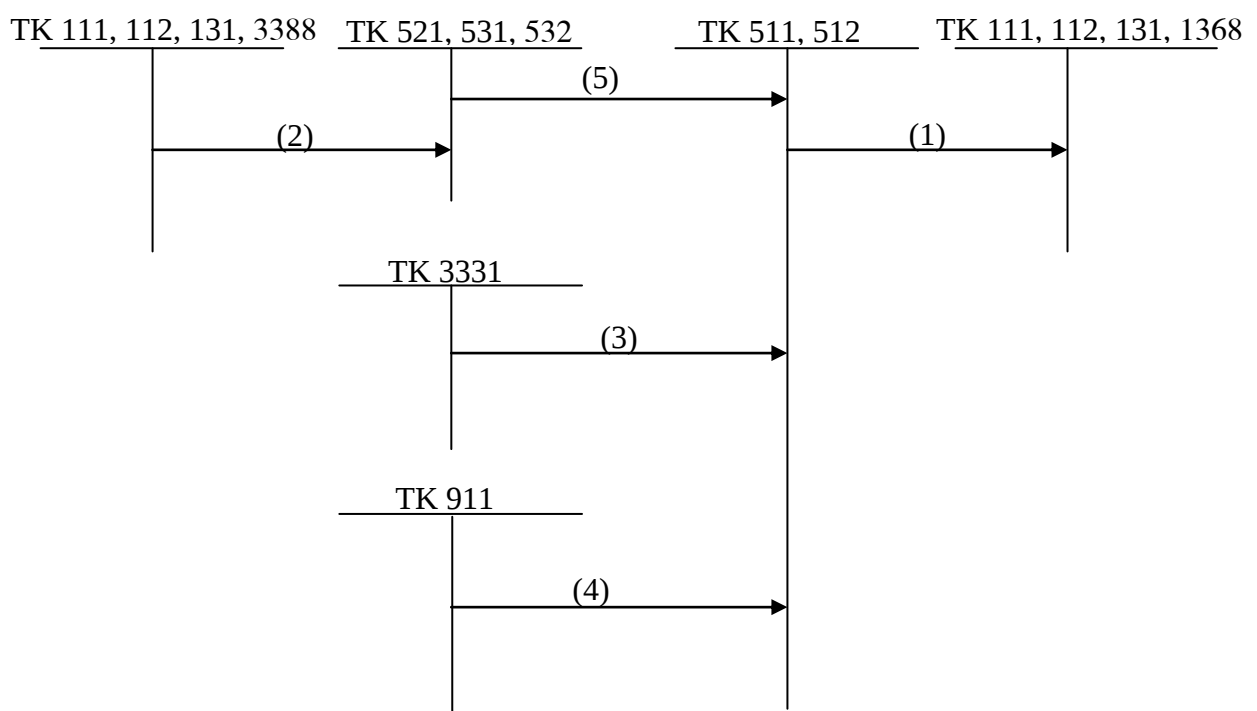
Sơ đồ 1.8 *Hạch toán doanh thu với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ*



Ghi chú:

- (1) Doanh thu tiêu thụ theo giá bán không có thuế GTGT
- (2) Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán ngoài thuế
- (3) Thuế GTGT đầu ra tương ứng
- (4) Kết chuyển doanh thu thuần
- (5) Kết chuyển các khoản giảm trừ
- (6) Thuế GTGT đầu ra phải nộp

Sơ đồ 1.9 *Hạch toán doanh thu với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*



- Ghi chú:**
- (1) Doanh thu tiêu thụ hàng hóa
 - (2) Các khoản giảm trừ doanh thu
 - (3) Thuế GTGT phải nộp
 - (4) Kết chuyển doanh thu thuần
 - (5) Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2 Hạch toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

a. Hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Bảng kê mua hàng
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng...

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá, thành phẩm kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá. Đồng thời phải ghi nhận về số lượng hiện vật, kho hàng sử dụng Thẻ kho

Khi bán dịch vụ cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng Bảng tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá để lập Báo cáo bán hàng.

*** Tài khoản sử dụng: 632**

- Các tài khoản khác liên quan: 155, 156, 157, 911

*** Nội dung và kết cấu tài khoản:**

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” phản ánh trị giá vốn của hàng hoá, sản phẩm dịch vụ đã được xuất bán, hoàn thành trong kỳ.

Bên nợ:

- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong

kỳ.

- Các khoản khác được tính vào trị giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Sổ trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

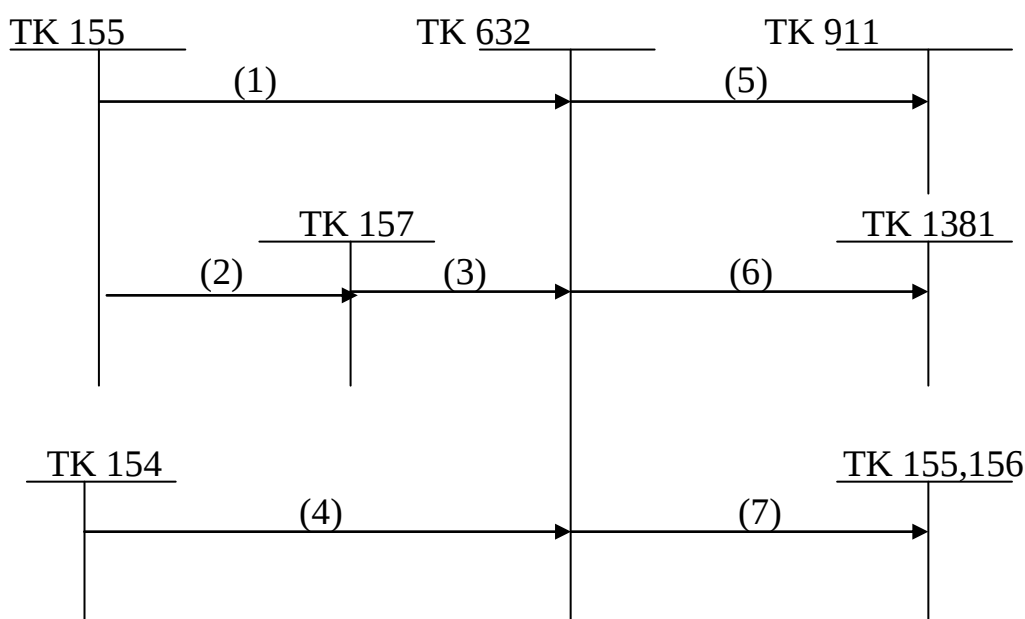
Bên có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ.
- Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển giá vốn của hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

Tài khoản 632 không có số dư

*** *Trình tự hạch toán:***

Sơ đồ 1.9a Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



Ghi chú:

- (1) Trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ xuất bán
- (2) Thành phẩm, hàng hóa xuất kho gửi đi bán
- (3) Giá vốn của hàng gửi bán
- (4) Cuối kì kết chuyển giá thành dịch vụ hoàn thành tiêu thụ trong kì

(5) Kết chuyển giá vốn hàng bán đã tiêu thụ

(6) Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ nội bộ hay nhập kho chờ xử lý

(7) Thành phẩm, hàng hóa đã bán bị trả lại

b. Hạch toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ

Tài khoản 611 “mua hàng”: tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 6111: Mua nguyên vật liệu

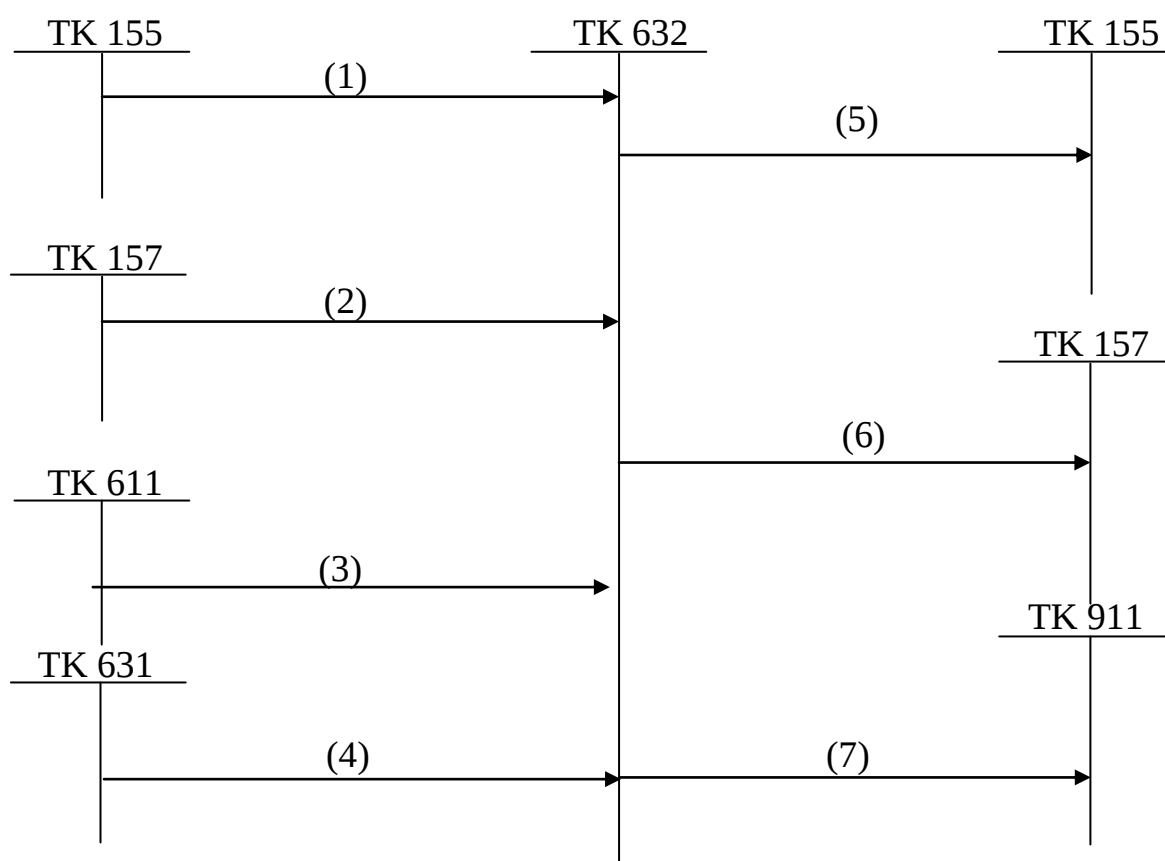
+ Tài khoản 6112: Mua hàng hóa

Tài khoản 631: “giá thành sản xuất”

- Chứng từ sử dụng trong phương pháp này là phiếu xuất kho kiêm hoá đơn bán hàng, trên chứng từ bán hàng có chữ ký của khách hàng nhận hàng và các chứng từ liên quan khác như phiếu thu, giấy báo có, giấy nhận nợ do khách hàng đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán

- Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 1.9b Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức KKĐK



Ghi chú:

- (1) Đầu kì kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kì
- (2) Đầu kì kết chuyển thành phẩm đã gửi bán nhưng chưa xác định tiêu thụ đầu kì
- (3) Cuối kì xác định và kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán được xác định là tiêu thụ
- (4) Cuối kì xác định và kết chuyển giá thành dịch vụ đã hoàn thành
- (5) Cuối kì kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kì
- (6) Cuối kì kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kì
- (7) Cuối kì kết chuyển giá vốn hàng bán của thành phẩm hàng hóa dịch vụ

1.2.2.2 Hạch toán kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Hạch toán chi phí bán hàng

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kế toán tập hợp đến cuối kỳ để thực hiện kết chuyển hoặc phân bổ xác định kết quả kinh doanh. Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp, cuối kỳ sản xuất kinh doanh và tùy thuộc vào doanh thu tiêu thụ trong kỳ để kế toán kết chuyển hoặc phân bổ chi phí bán hàng

Bên nợ: Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa ,dịch vụ

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định

- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

Tuỳ theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ tài khoản 911.

Các chứng từ sổ sách ghi chép:

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị tạm thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...
- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.
- Bảng trích khấu hao.

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 641.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ được căn cứ vào mức độ (quy mô) phát sinh chi phí, vào doanh thu bán hàng ghi và vào chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp sao cho bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào tài khoản 142 (1422- Chi phí chờ kết chuyển). Số chi phí này sẽ được kết chuyển, một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

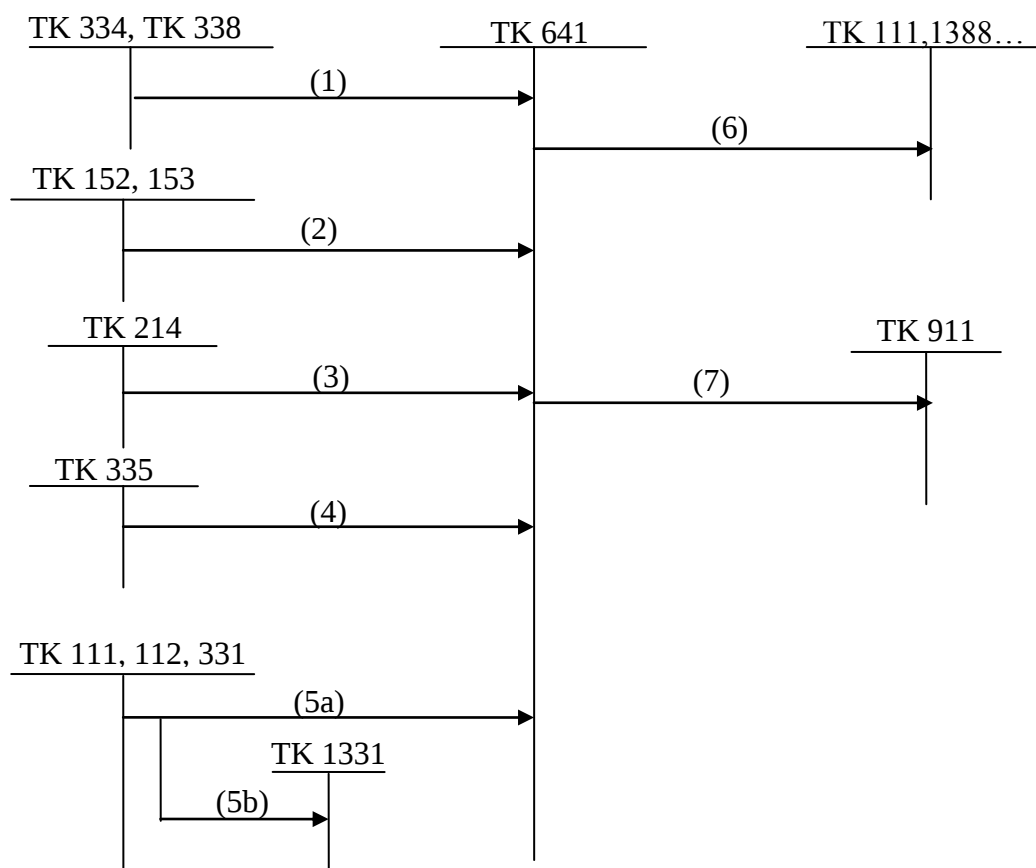
Công thức phân bổ:

$$\begin{array}{lcl}
 \text{Chi phí BH phân} & \begin{array}{c} \text{Chi phí BH chưa} \\ \text{phân bổ đầu kỳ} \end{array} & + \begin{array}{c} \text{Chi phí BH phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} \\
 \text{bổ cho hàng còn} & = & \frac{\text{Trị giá hàng xuất} + \text{Trị giá hàng còn}}{\text{trong kỳ} + \text{lại cuối kỳ}} * \begin{array}{c} \text{Trị giá} \\ \text{hàng còn} \\ \text{lại cuối kỳ} \end{array} \\
 \text{lại cuối kỳ} & &
 \end{array}$$

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH phân bổ} \\
 \text{cho hàng đã bán}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH} \\
 \text{chưa phân bổ} \\
 \text{đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí phát} \\
 \text{sinh trong kỳ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí BH} \\
 \text{còn lại cuối} \\
 \text{kỳ}
 \end{array}$$

* **Phương pháp hạch toán** : được thể hiện qua Sơ đồ 1.10

Sơ đồ 1.10. Hạch toán chi phí bán hàng



- Ghi chú:**
- (1) Chi phí nhân viên bán hàng
 - (2) Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ cho bán hàng
 - (3) Chi phí khấu hao TSCĐ
 - (4) Trích trước chi phí phải trả theo kế hoạch vào CPBH
 - (5a) Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - (5b) Thuế GTGT khấu trừ
 - (6) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng
 - (7) Kết chuyển chi phí bán hàng để xác định KQKD

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp. Tài khoản 642 không có số dư và gồm có các tài khoản cấp 2 sau:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên bộ phận quản lý
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Tài khoản 6425: Chi phí thuế, phí và lệ phí
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6428: Chi phí chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tuỳ theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở thêm một số tài khoản cấp 2 để phản ánh các nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Chi phí quản lý doanh nghiệp tuỳ theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

Các chứng từ sử dụng:

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, séc thanh toán, uỷ nhiệm chi...
- Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương, bảo hiểm xã hội.
- Bảng trích khấu hao.

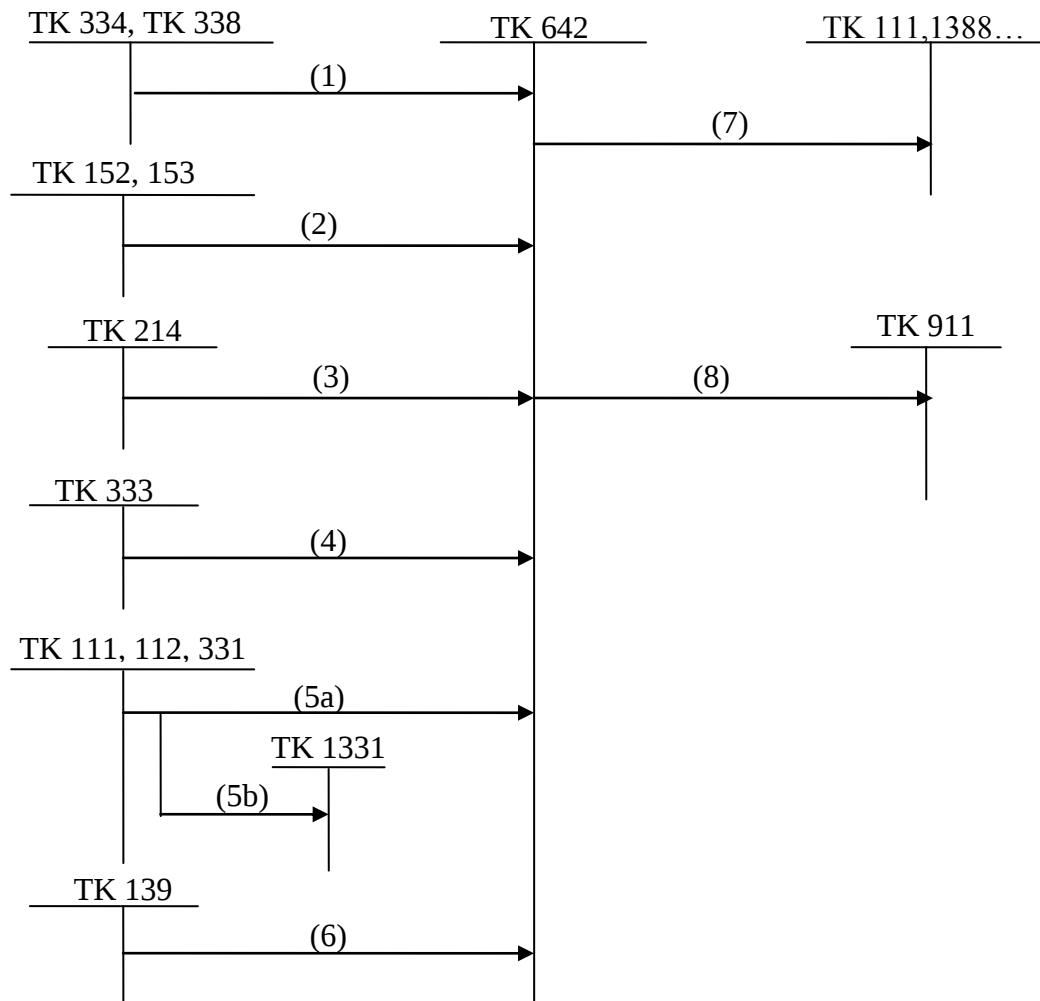
Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 642

Cuối kỳ hạch toán, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – xác định kết quả kinh doanh. Trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài hạn, trong kỳ có ít hoặc không có sản phẩm tiêu thụ, để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, kế toán kết chuyển một phần chi phí quản lý sang tài khoản 142 (1422) để chờ phân

bổ trong những kỳ tiếp theo

Trình tự hạch toán (Sơ đồ 1.11)

Sơ đồ 1.11 *Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp*



- Ghi chú:**
- (1) Chi phí nhân viên văn phòng
 - (2) Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ
 - (3) Chi phí khấu hao
 - (4) Thuế, phí, lệ phí phải nộp
 - (5a) Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - (5b) Thuế GTGT khấu trừ
 - (6) Chi phí dự phòng phải thu khó đòi
 - (7) Giá trị ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp
 - (8) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp xác định KQKD

1.2.2.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

a. Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính": Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh

thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do bên mua hàng hoá, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác. Doanh thu được ghi nhận vào TK 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

- Lãi tỷ giá hối đoái

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ

- Hóa đơn GTGT

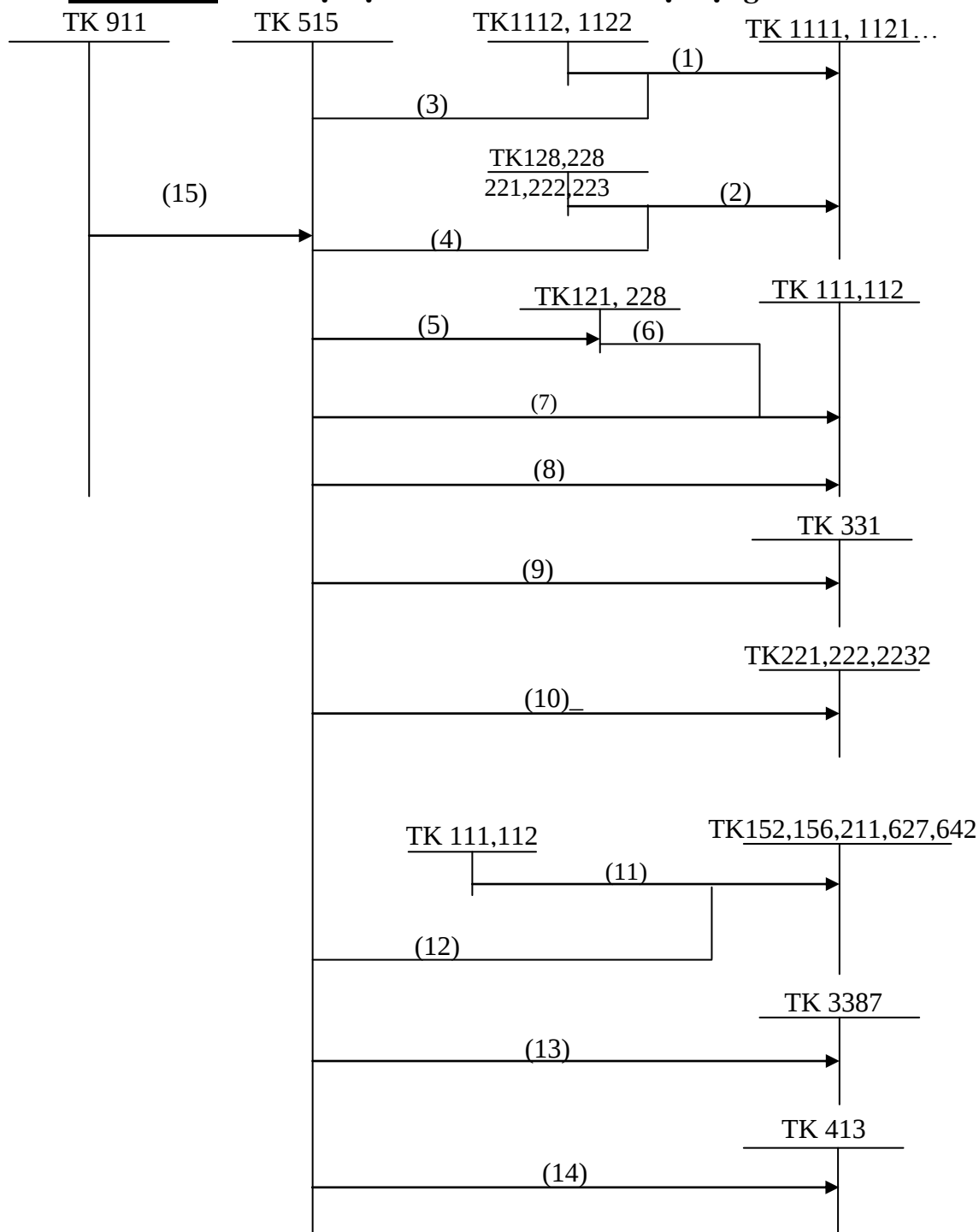
- Phiếu thu

- Các hợp đồng vay vốn

- Các chứng từ liên quan khác.

Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính (Sơ đồ 1.12)

Khi phát sinh doanh thu tài chính: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do bên mua hàng hoá, dịch vụ; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác,...kế toán hạch toán vào tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”. Cuối kì kế toán kết chuyển sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định lãi, lỗ.

Sơ đồ 1.12 *Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính*

- Ghi chú :**
- (1) Bán ngoại tệ
 - (2) Bán các chứng khoán đầu tư
 - (3) Lãi bán ngoại tệ
 - (4) Lãi bán chứng khoán đầu tư
 - (5) Dùng lãi CP, TP mua bổ sung CP, TP
 - (6) Giá gốc
 - (7) Thanh toán chứng khoán đến hạn

- (8) Thu lãi tiền gửi, lãi tiền vay, lãi CP, TP
- (9) Chiết khấu thanh toán mua hàng được hưởng
- (10) Cổ tức, lợi nhuận được chia; bổ sung vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, công ty liên kết
- (11) Mua vật tư, hàng hóa, tài sản bằng ngoại tệ
- (12) Lãi chênh lệch tỉ giá
- (13) Phân bổ dần lãi vay do bán hàng trả chậm, lãi nhận trước
- (14) Kết chuyển tỉ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kì
- (15) Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính cuối kì

b. Chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí HĐTC bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí. Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí kinh doanh bất động sản
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác
- Chi phí tài chính khác

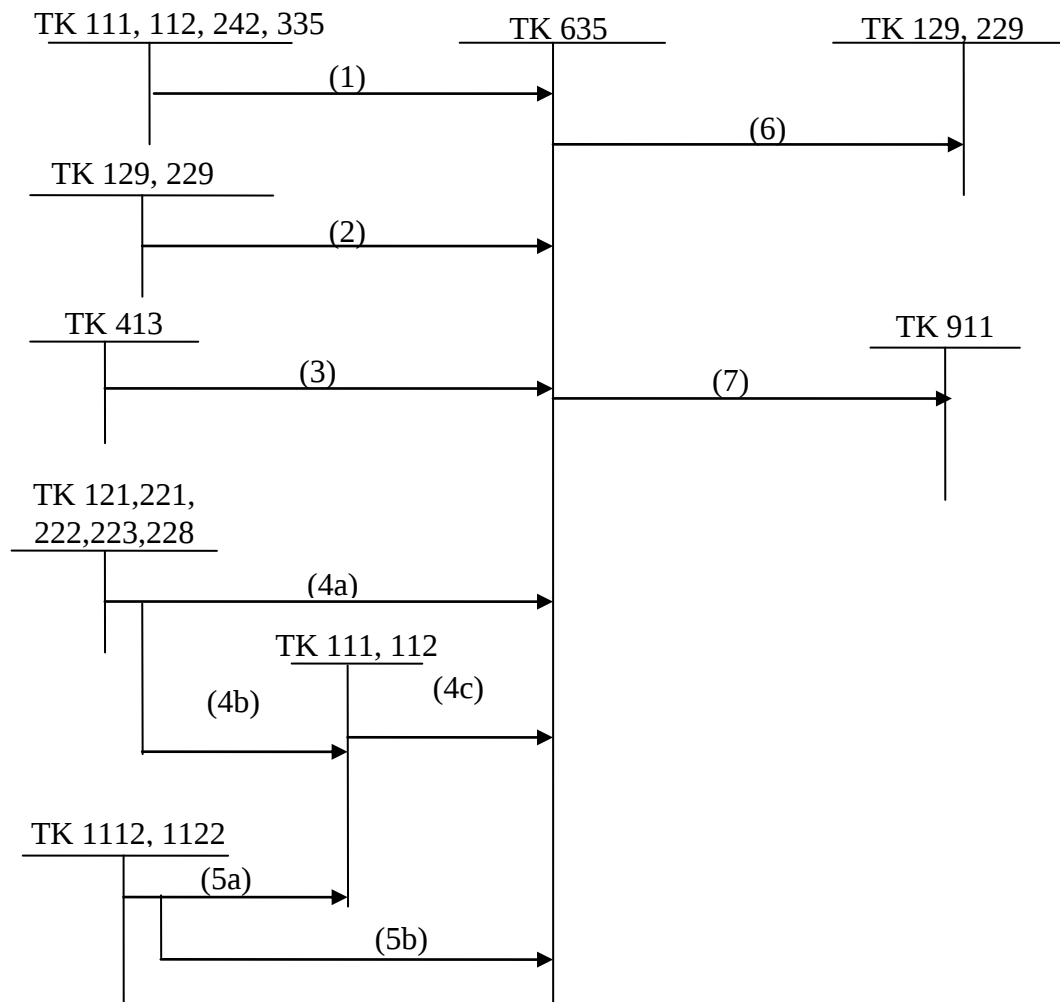
Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có ngân hàng
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi

- Các hợp đồng vay vốn
- Các chứng từ liên quan khác

Trình tự hạch toán (Sơ đồ 1.13)

Sơ đồ 1.13 Trình tự hạch toán chi phí tài chính



- Ghi chú:**
- (1) Trả tiền lãi vay, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp
 - (2) Dự phòng giảm giá đầu tư
 - (3) K/c lỗ CL tỷ giá do đánh giá lại các KM có gốc ngoại tệ cuối kỳ
 - (4a) Lỗ về các khoản đầu tư
 - (4b) Thu tiền về bán các khoản đầu tư
 - (4c) CP hoạt động liên doanh, liên kết
 - (5a) Bán ngoại tệ
 - (5b) Lỗ về bán ngoại tệ
 - (6) Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư
 - (7) Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính

1.2.2.4 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

a. Thu nhập khác**Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 711 “Tài khoản thu nhập khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

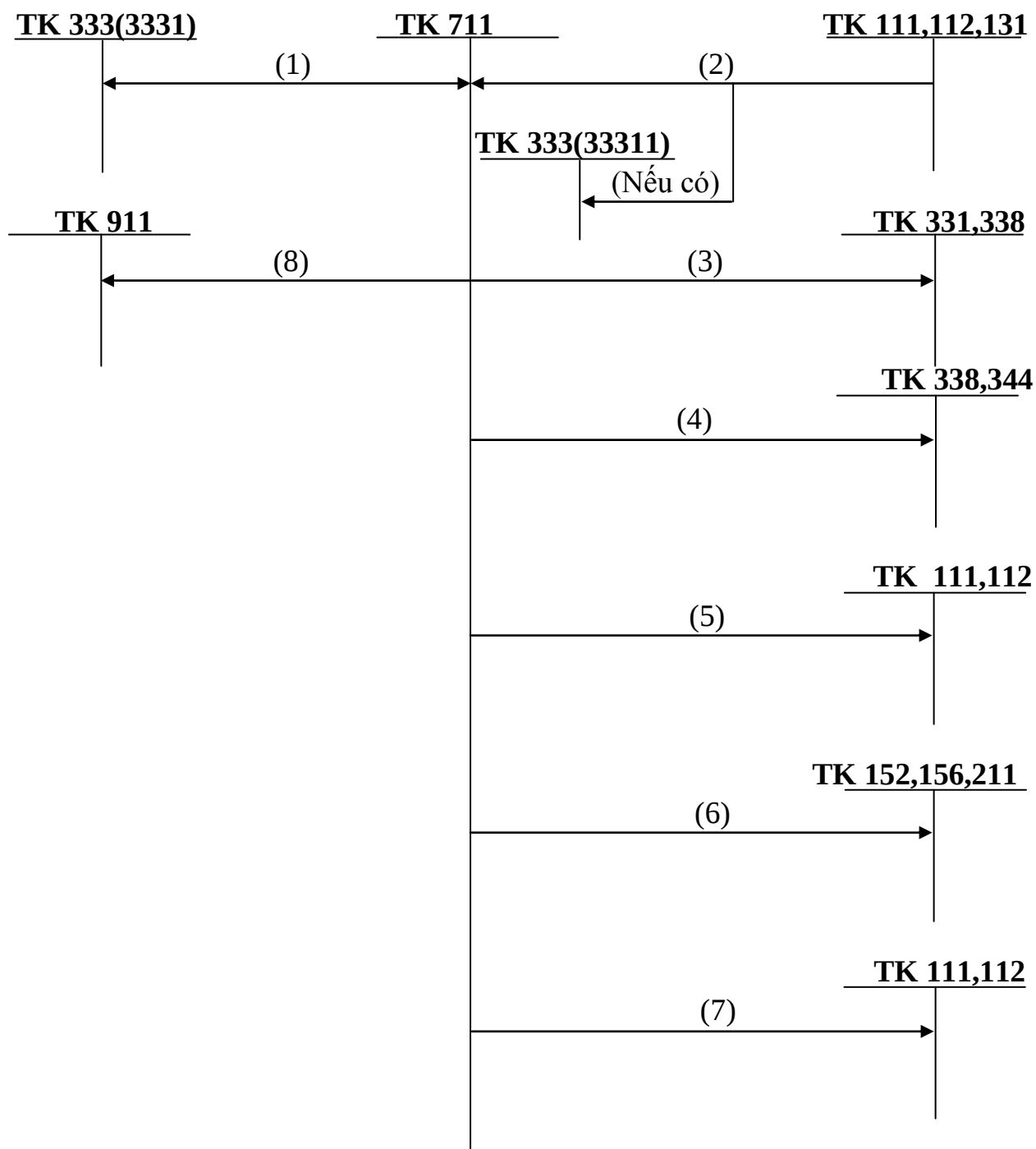
- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

Trình tự hạch toán (Sơ đồ 1.14)

Khi có phát sinh các khoản: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản thuế được NSNN

hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên... kế toán hạch toán vào TK711 “Doanh thu khác”. Cuối kì kết chuyển sang TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Sơ đồ 1.14 Trình tự hạch toán doanh thu khác



Ghi chú:

(1) Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số thu nhập khác

- (2) Thu nhập thanh lý nhượng bán TSCĐ
- (3) Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ, quyết định xóa ghi vào thu nhập khác
- (4) Tiền phạt khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ của người ký cược, ký quỹ
- (5) Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, và các khoản khác liên quan đến bán hàng và cung cấp dịch vụ không tính trong doanh thu
- (6) Được tài trợ, biếu tặng vật tư, hàng hóa, TSCĐ
- (7) Các khoản hoàn thuế XK, NK, thuế TTĐB được tính vào thu nhập khác
- (8) Cuối kì kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì

c. Chi phí khác

Tài khoản sử dụng

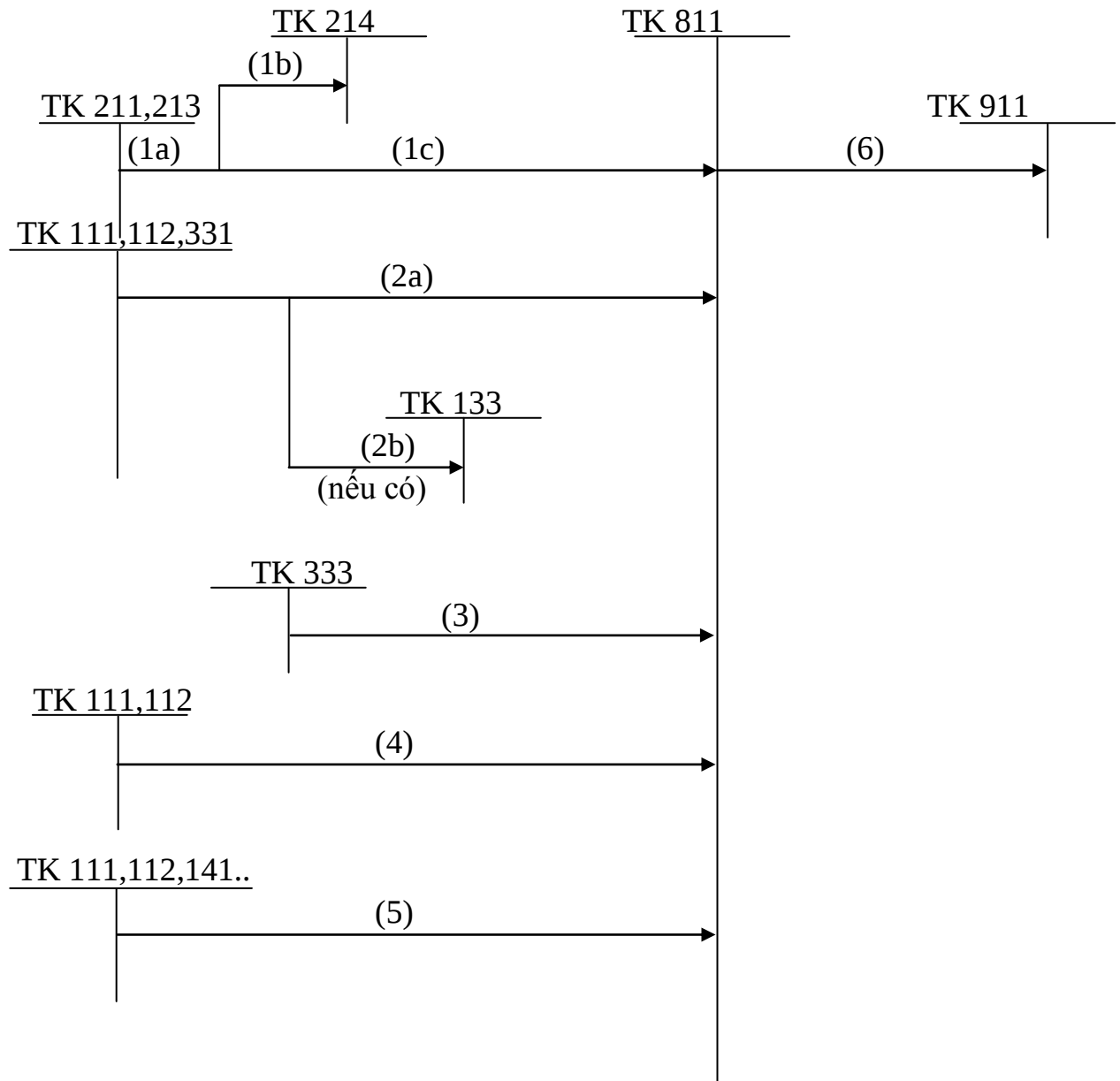
Tài khoản 811 “Chi phí khác”: Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác

Trình tự hạch toán (Sơ đồ 1.15)

Khi phát sinh các chi phí: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Các khoản chi phí khác... kế toán sẽ hạch toán vào TK811 “ Chi phí khác”. Cuối kì kết chuyển sang TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định lãi lỗ

Sơ đồ 1.15 Trình tự hạch toán chi phí khác**Ghi chú:**

- (1a) Nguyên giá TSCĐ
- (1b) Giá trị hao mòn TSCĐ
- (1c) Ghi giảm TSCĐ dùng cho hoạt động SXKD khi thanh lý nhượng bán(Giá trị còn lại)
- (2a) Chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý nhượng bán TSCĐ
- (2b) Thuế GTGT
- (3) Các khoản tiền bị phạt thuế, truy nộp thuế
- (4) Các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng, hoặc vi phạm pháp luật

(5) Các khoản chi phí khác phát sinh, như chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh, chi phí thu hồi nợ

(6) Cuối kì kết chuyển chi phí khác phát sinh trong kì

1.3.2 Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là khoản chênh lệch giữa doanh thu và chi phí kinh doanh theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận trước thuế} = & \text{Doanh thu thuần BH và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} \\ & + \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính} + \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \end{aligned}$$

* **Kết quả từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp từ bán hàng, cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần từ bán hàng, cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng cung cấp dịch vụ = Lợi nhuận gộp từ bán hàng, cung cấp dịch vụ - Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý doanh nghiệp

* **Kết quả từ hoạt động tài chính**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính – chi phí tài chính

* **Kết quả từ hoạt động khác**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác – chi phí cho hoạt động khác

Tài khoản kế toán sử dụng

Để thực hiện việc xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng các tài khoản doanh thu, chi phí ở trên và các tài khoản sau:

TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” : TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” : TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

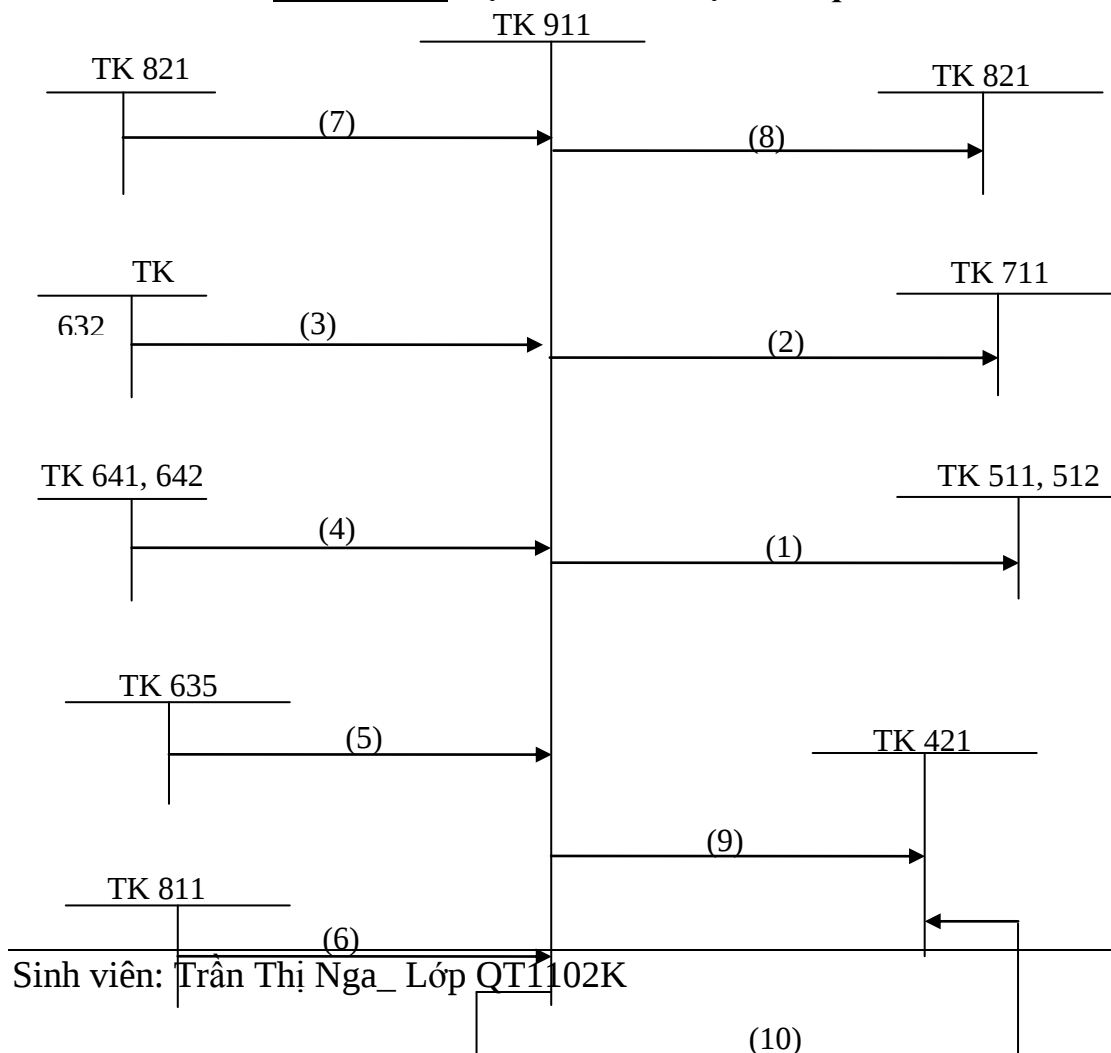
TK 821”Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” : Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản 911, 421, 821 ...
- Sổ chi tiết các TK 911, 421, 821...
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

Trình tự hạch toán xác định kết quả sản xuất kinh doanh (Sơ đồ 1.16)

Sơ đồ 1.16 Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



- Ghi chú:**
- (1) Kết chuyển doanh thu thuần
 - (2) Kết chuyển Thu nhập thuần khác
 - (3) Kết chuyển Giá vốn
 - (4) Kết chuyển chi phí BH và chi phí QLDN
 - (5) Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính
 - (6) Kết chuyển chi phí khác
 - (7) Kết chuyển CP thuế TNDN (Nợ TK 821 > Có TK 821)
 - (8) Kết chuyển CP thuế TNDN (Nợ TK 821 < Có TK 821)
 - (9) Kết chuyển lỗ về tiêu thụ
 - (10) Kết chuyển lãi về tiêu thụ

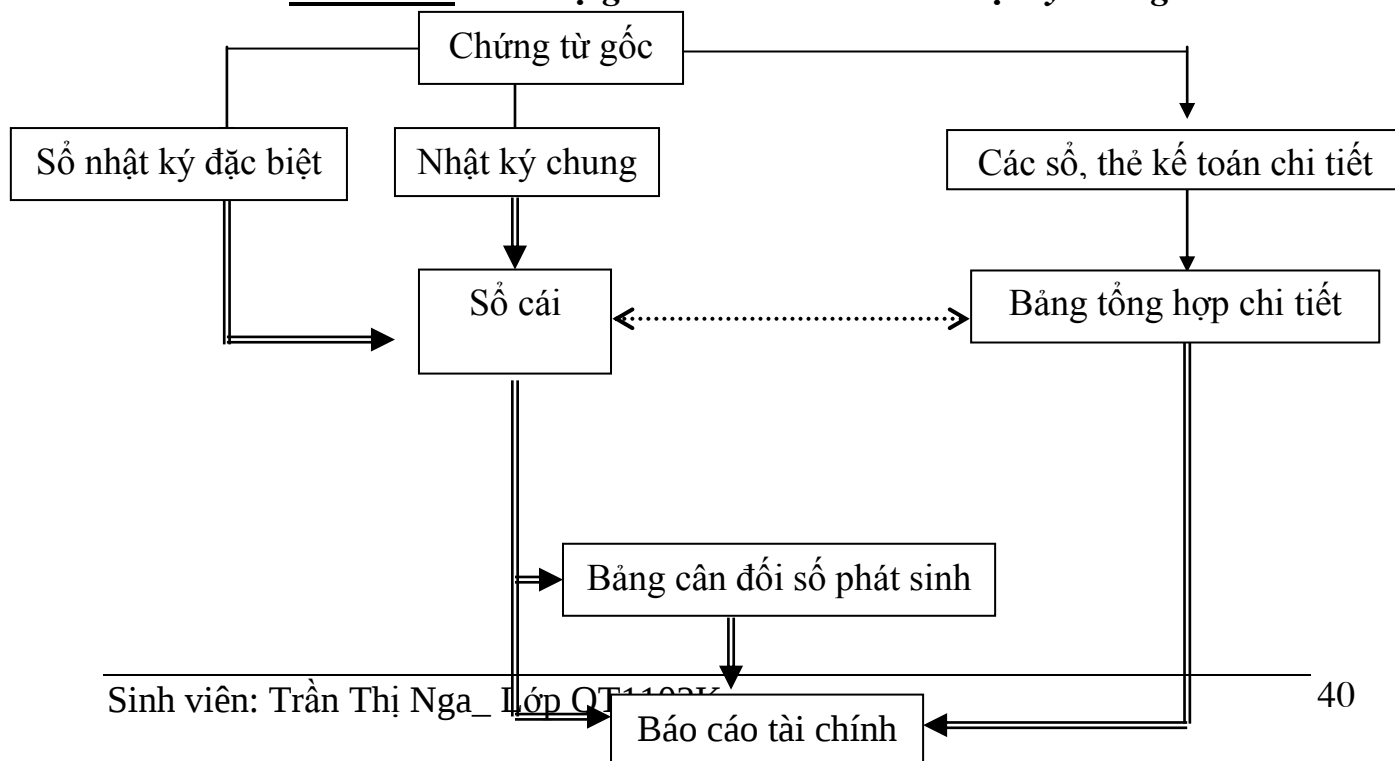
1.3 HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán như sau:

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Và được thể hiện qua sơ đồ 1.17

Sơ đồ 1.17 *Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung*



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng, cuối kì

◄-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

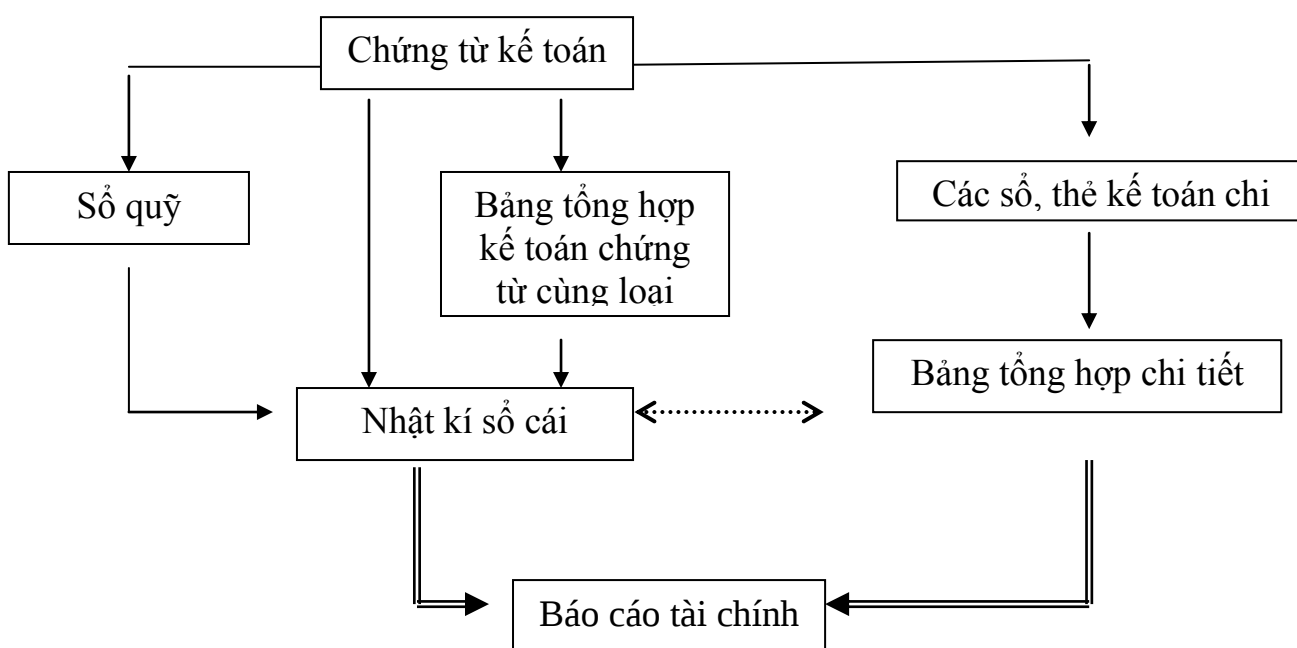
Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại. Và được thể hiện qua trình tự sau:

Sơ đồ 1.18 *Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký – Sổ cái*



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng

◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

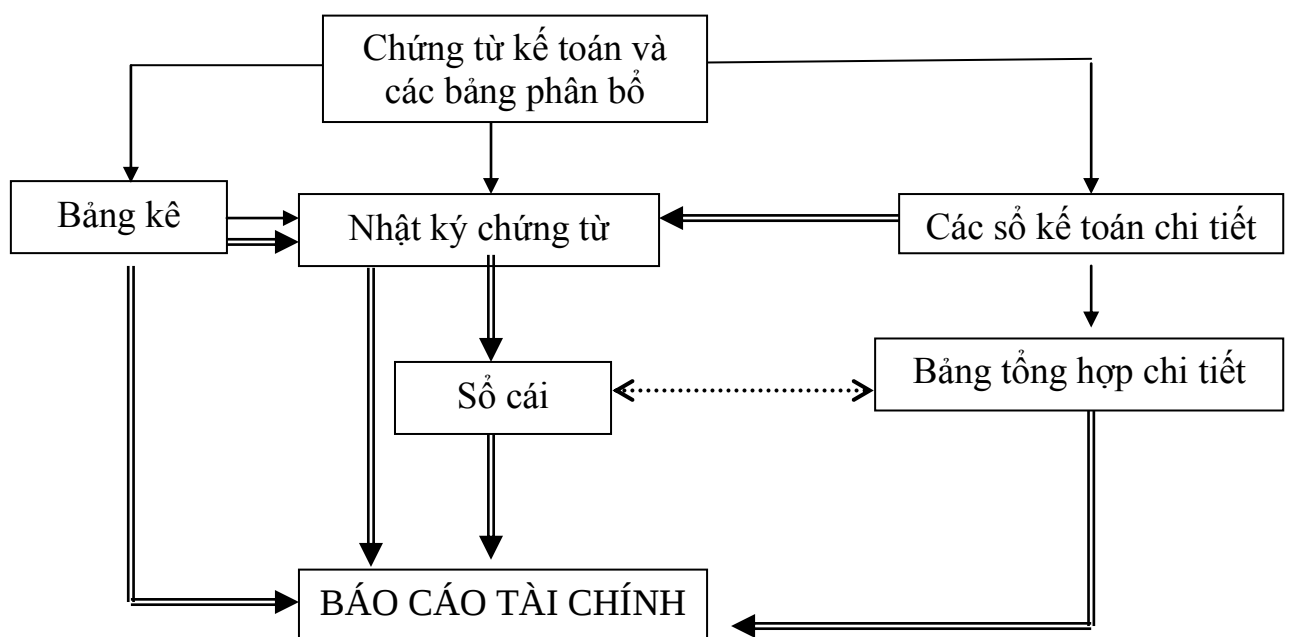
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính

Việc ghi chép thông qua trình tự sau:

Sơ đồ 1.19 *Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký- chứng từ*



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng
 - <-.-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ

- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.3.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

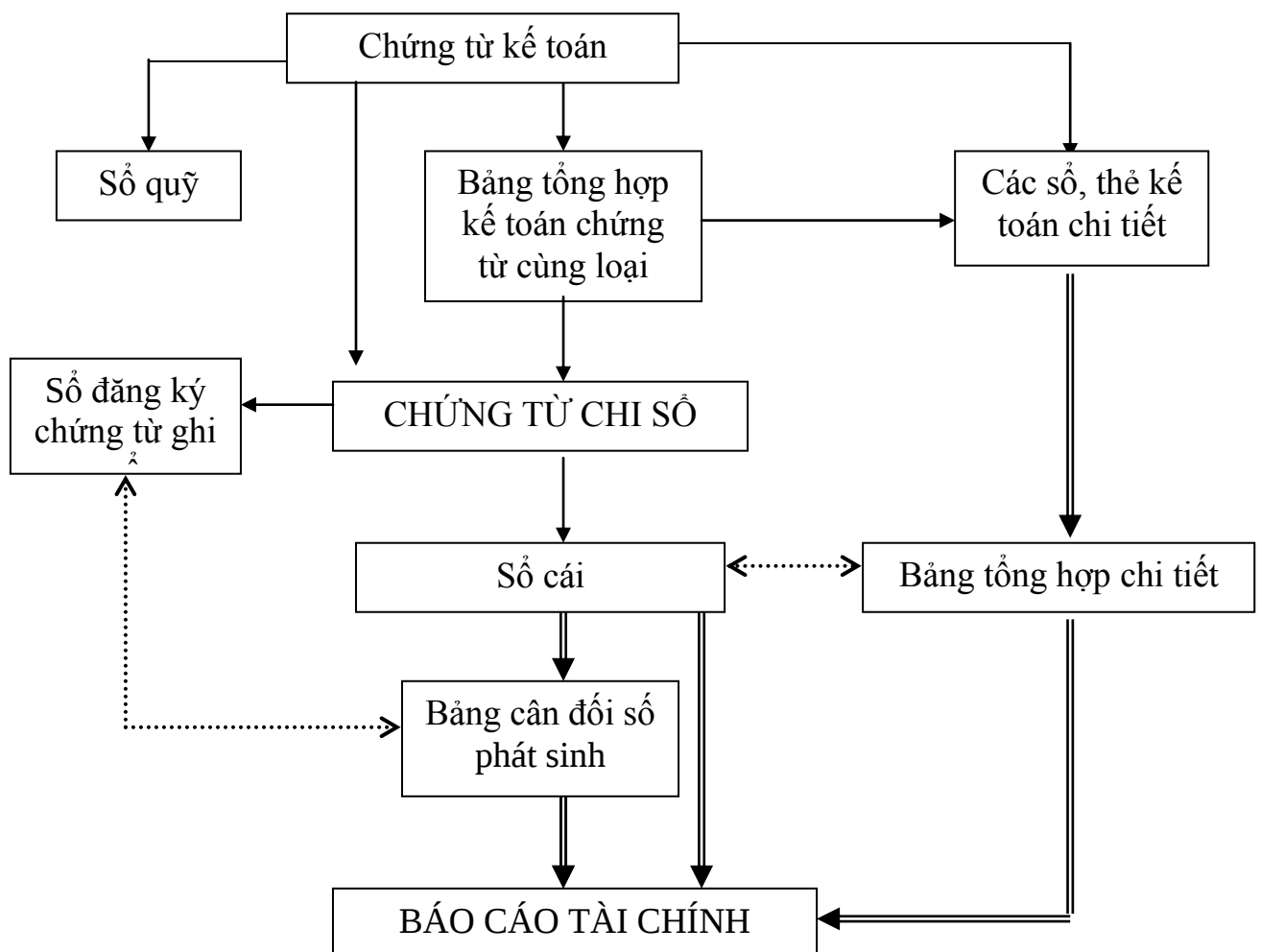
Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Việc ghi sổ được tuân theo trình tự sau:

Sơ đồ 1.20 *Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ*



Ghi chú: $\longrightarrow$ Ghi hàng ngày
 $\Longrightarrow$ Ghi cuối kì
 $\longleftrightarrow$ Đối chiếu

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.3.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định

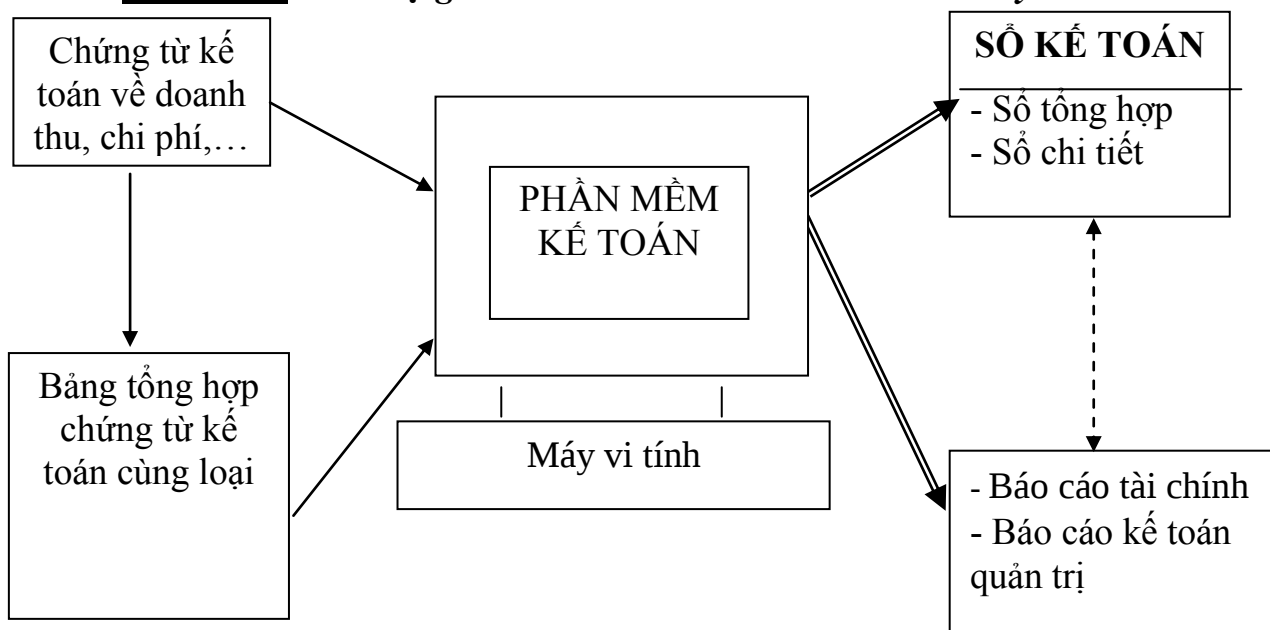
1.3.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.21 *Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy vi tính***Ghi chú:**

- > Nhập số liệu hàng ngày
 =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

1.3.5.3 Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

Như chúng ta đã biết, chức năng cơ bản của kế toán là cung cấp thông tin về tài chính trong doanh nghiệp cho các nhà quản lý. Việc thực hiện chức năng này có tốt hay không, trước hết phụ thuộc vào tính thường xuyên, kịp thời và chính xác của thông tin.

Ngày nay theo đà phát triển của công nghệ thông tin, việc đưa máy tính vào sử dụng trong công tác kế toán đã tương đối phổ biến. Tin học hóa công tác kế toán không chỉ giải quyết được vấn đề xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, thuận lợi mà nó còn làm tăng năng suất lao động của bộ máy kế toán. Tạo cơ sở để đơn giản bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán.

Tuy nhiên, khi tổ chức bộ máy kế toán bằng máy tính, người làm công tác kế toán phải nắm được các yếu tố sau:

-

Tất

cả các phần mềm ứng dụng: Excel, Quattropro, Lotus, Foxpro, Access, ...đều

có thể ứng dụng vào công tác kế toán cho bất kì doanh nghiệp đang sử dụng hình thức sổ kế toán: Chứng từ ghi sổ, Nhật ký chung, Nhật ký sổ cái. Do đó doanh nghiệp có thể căn cứ vào tình hình thực tế về quy mô, trình độ của nhân viên để quyết định sử dụng phần mềm ứng dụng và hình thức sổ kế toán cho phù hợp.

-

Phải

thiết lập hệ thống mã hóa các tài khoản và các đối tượng kế toán chi tiết thống nhất cho toàn doanh nghiệp.

-

Chọn

lựa phương pháp để nhập dữ liệu kế toán(Nhập số liệu khi lập chứng từ gốc, nhập số liệu khi chấm dứt quá trình luân chuyển chứng từ tức lag nhập số liệu vào bảng tính...) Bất kì nhập số liệu theo phương pháp nào cũng phải thiết lập cho được cơ sở dữ liệu- nơi chứa toàn bộ thông tin kế toán của doanh nghiệp.

-

Khi

đã có cơ sở dữ liệu, khả năng truy xuất của tất cả các loại phần mềm ứng dụng là rất khả quan. Các bảng biểu kế toán: Bảng kê, chứng từ ghi sổ, sổ cái, sổ chi tiết, nhập xuất tồn, bảng tổng hợp công nợ ... được truy xuất tương đối dễ dàng. Đặc biệt một số báo cáo kế toán quản trị cũng có thể ứng dụng khả năng của phần mềm để truy xuất.

-

Cuối

cùng cần chú ý đến số lượng nhân viên kế toán và trình độ nghiệp vụ kế toán, vi tính của nhân viên kế toán, việc phân công và phối hợp giữa các bộ phận kế toán khác nhau cũng như giữa các bộ phận khác có liên quan trong doanh nghiệp.

Trong các hình thức sổ kế toán, hình thức Nhật ký Chung là có thể ứng dụng tin học dễ dàng và tiện lợi nhất. Với hình thức sổ kế toán này trình tự hạch toán khi vận dụng máy vi tính được khái quát như sau:

+ Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc nhân viên kế toán tiến hành phân loại, kiểm tra và mã hóa các thông tin kế toán bao gồm: mã hóa chứng từ, mã hóa tài khoản và mã hóa các đối tượng kế toán

+ Các chứng từ đã được mã hóa sẽ được nhập vào cơ sở dữ liệu dực theo chương trình nhập số liệu của máy tính. Ở đây cần yêu cầu khi lập trình phải nhập đủ yếu tố ghi trên chứng từ vào cơ sở dữ liệu.

+ Khi cơ sở dữ liệu đã có đầy đủ các thông tin, máy tính có thể tự động truy xuất số liệu theo chương trình kế toán cài đặt để vào sổ nhật kí chung, sổ cái, sổ kế toán chi tiết theo từng đối tượng được mã hóa và số liệu trên các báo cáo đến thời điểm nhập liệu.

+Cuối tháng kế toán tiến hành lập bảng cân đối thử và các bút toán phân bổ, kết chuyển, điều chỉnh, khóa sổ kế toán . Sau đó in bảng biểu, sổ kế toán tổng hợp chi tiết và các báo cáo .Trình tự ghi sổ qua *Sơ đồ 1.21*

Tóm lại, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán ở các doanh nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý và là một nhu cầu khách quan có tính hiệu quả lâu dài.

Chương 2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

2.1 GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp

Trọng Khánh là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao nhận, vận tải. Với đội ngũ cán bộ có trình độ dày dặn kinh nghiệm, từng trải. Qua nhiều giai đoạn thăng trầm trong lịch sử phát triển ngành giao thông vận tải Trọng Khánh đã thực hiện nhiều hợp đồng kinh tế quan trọng. Nay đang có khát vọng trở thành doanh nghiệp đi đầu về giao nhận vận tải ở Việt Nam. Những nhiệm vụ liên quan, những bài học đắt giá, những kinh nghiệm thành công và những ý tưởng kinh doanh sáng tạo cần phải được đúc kết lại thành những triết lý ngắn gọn, dễ đọc, dễ hiểu, để cho toàn bộ cán bộ và nhân viên của công ty tự hào về truyền thống, thấu hiểu về tư tưởng kinh doanh và tự nguyện thực hành các tư tưởng (các chuẩn mực) kinh doanh chung của công ty 1 cách tự giác.

* Quá trình phát triển của công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh.

- Năm 2004: Doanh nghiệp bắt đầu thành lập

+ Tên giao dịch là công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh.

+ Do ông Nguyễn Mạnh Quý làm chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.

+ Trụ sở chính tại: Km10 – thôn Ro Nha – xã Tân Tiến – huyện An Dương – thành phố Hải Phòng.

+ Vốn điều lệ: 5 tỉ VNĐ

+ Mã số thuế: 0200695091

+ Số đăng ký kinh doanh: 0203002591

+ Lĩnh vực kinh doanh chính là nhận vận chuyển vật tư, thiết bị,... cho các công trình xây dựng và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thép trong địa phận Hải Phòng với 1 chiếc xe tải và 2 chiếc xe Container.

- Từ năm 2005 - nay: Đáp ứng nhu cầu vận chuyển ngày càng lớn của thị trường, công ty đã mở rộng nhận các hợp đồng vận chuyển cho các công ty tỉnh ở hầu hết các tỉnh ở miền Bắc: Hà Nội, Quảng Ninh, Hưng Yên, Thái Bình, Hải Dương,...và một số tỉnh ở miền Trung, Nam. Hiện nay công ty đã có 11 xe Container và 6 xe tải. Ngoài ra, công ty còn cho thuê xe khách từ 4 – 24 chỗ ngồi.

2.1.2 Loại hình doanh nghiệp

Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần: vốn điều lệ của công ty do nhiều thành viên góp vốn, Công ty có quyền và nghĩa vụ như Luật thương mại đã quy định về công ty cổ phần.

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động

**** Thuận lợi:***

- Có vị trí địa lí thuận lợi: Hải Phòng có cảng nên vận tải là một ngành nghề tương đối phát triển. Công ty lại có trụ sở gần khu công nghiệp Nomura, gần các công ty cần vận tải lớn: công ty cổ phần thép Hàn Việt, Việt Nhật, Cửu Long, Hải Phòng, VINASTEEL, công ty ống thép, công ty sản xuất thép Úc SSE, công ty thép Nam Đô...là 1 thuận lợi lớn để công ty có thể kí được các hợp đồng lớn với các đối tác lớn.
- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực: thường xuyên cho lái xe đi đào tạo lại về nghiệp vụ lái xe, cách xử lí các tình huống trong quá trình làm việc. Cộng với đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình, sáng tạo, tận tình trong công việc.
- Kịp thời nắm bắt thị trường, từng bước nắm được lòng tin của khách hàng.
- Phương pháp quản lí khoa học tạo điều kiện cho nhân viên phát huy được khả năng của mình, tránh được những tiêu cực không mong muốn: công ty đã áp dụng phần mềm định vị GPS là phần mềm chạy trên nền Web, giúp công ty có thể theo dõi quá trình chuyển động của các xe được gắn chip của công ty. Ngoài ra, công ty còn sử dụng các phần mềm: hỗ trợ kê khai thuế, phần mềm cài đặt máy in, máy fax...

- Chi phí tiền công ở Việt Nam tương đối thấp.

*** *Khó khăn:***

- Công ty gặp khó khăn trong việc huy động vốn để mở rộng quy mô sản xuất.
- Trong khu vực còn có rất nhiều các đối thủ cạnh tranh có tầm cỡ: Công ty cổ phần vận tải I TRACO, công ty thương mại-vận tải Hải Phòng...
- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào trong doanh nghiệp

2.1.4 Đặc điểm sản phẩm

- Sản phẩm chính của công ty là sự chuyên trở người và hàng hóa. Cụ thể là:
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải bốc dỡ.(xe tải, container)
 - Kinh doanh thép.
 - Cho thuê xe từ 4- 48 chỗ ngồi
 - Cung ứng xe khách cho khách hàng có nhu cầu.
- Chất lượng sản phẩm của công ty được đo bằng: Tốc độ chuyên trở, sự tiện nghi và an toàn cho hành khách, hàng hóa.
- Để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải, công ty dùng các tiêu chí: Khối lượng vận chuyển(tức số hành khách hay số lượng hàng hóa vận chuyển), khối lượng luân chuyển(tính bằng người/km và tấn/km) và cự li vận chuyển trung bình(tính bằng km)

2.1.5 Những tư tưởng chủ đạo trong quản trị và thực hành kinh doanh của Công ty Cổ phần TM & DV Vận tải Trọng Khánh

a. Quan hệ với khách hàng(người sử dụng dịch vụ của Trọng Khánh)

- Mọi yêu cầu của khách hàng đều phải được hệ thống của Trọng Khánh xem xét có biện pháp đáp ứng.
- Thấu hiểu yêu cầu của khách hàng: luôn luôn nghiên cứu sâu sắc các biện pháp đáp ứng cao hơn khách hàng mong đợi.
- Liên tục đổi mới công nghệ, hạ giá thành dịch vụ, hoàn chỉnh công nghệ
- Lấy lợi ích của khách hàng làm trọng tâm phục vụ

b. Quan hệ với nhà cung ứng (Là người cung cấp năng lực thiết bị cho TRACO)

- Trọng Khánh luôn sử dụng $\geq 100\%$ năng lực thiết bị của các nhà cung ứng;

năng lực thiết bị của nhà cung ứng và phương án tổ chức vận tải khoa học của Trọng Khánh sẽ tạo ra những sản phẩm tối ưu cho xã hội.

- Hợp tác ổn định chân thành với các nhà cung ứng
- Lấy năng suất vận tải, mức độ thuận tiện trong thanh toán làm thước đo chất lượng hợp tác

c. Quan hệ trong nội bộ doanh nghiệp

Hoạt động giao nhận vận tải của Trọng Khánh đòi hỏi năng lực tổ chức rất cao. Hàm lượng lao động trí tuệ chiếm tỉ lệ cao nhất trong giá trị sản phẩm của Trọng Khánh, nó đòi hỏi Trọng Khánh phải thu hút và sử dụng hợp lý những tài năng của xã hội

- Trọng Khánh luôn tạo môi trường tốt để đón nhận và phát triển tài năng. mọi sự cống hiến của các tài năng đều được Trọng Khánh trân trọng, coi đó là động lực cao nhất để Trọng Khánh phát triển và trường tồn

- Lao động của Trọng Khánh phải đảm bảo tính chuyên nghiệp: mỗi vị trí làm việc của cán bộ công nhân đều có chuẩn mực về tính chuyên nghiệp trong đó không thể thiếu hiểu biết về pháp luật

- Làm việc ở Trọng Khánh phải tận tâm: lấy đức trung thành với lợi ích của Trọng Khánh bằng sự chuyên tâm; lấy lòng tận tụy, tâm huyết để đánh giá Mọi hoạt động của Trọng Khánh đều phải có hiệu quả. thể hiện trên 4 mặt: cho khách hàng, cho doanh nghiệp, cho xã hội, cho bản thân.

d. Quan hệ với pháp luật

- Trọng Khánh luôn luôn thực hành kinh doanh theo quy định của pháp luật: mọi hoạt động của Trọng Khánh phải thực hành trong khuôn khổ luật pháp. Trọng Khánh đánh giá năng lực của cán bộ quản lý bằng cả hai thước đo: là mức độ chấp hành pháp luật và hiệu quả kinh doanh mà người đó tạo ra.

e. Quan hệ với cộng đồng

- Quan hệ với địa phương nơi cư trú:
- Quan hệ với xã hội
- Quan hệ với đối thủ cạnh tranh
- Quan hệ với đơn vị có liên quan

2.1.6 Biểu tượng của doanh nghiệp

LOGO TRỌNG KHÁNH:

Chữ TK (biểu tượng cho tên Công ty) màu đỏ nằm ở trung tâm trên nền quả địa cầu, xung quanh có những tia sáng mặt trời (phần còn lại là màu trắng của nền), thể hiện Trọng Khánh luôn luôn cố gắng xây dựng thương hiệu. không ngừng phát triển thị trường trên toàn Thế Giới.

Mục tiêu năm 2011:

- Phát huy những thành tựu đã đạt được trong những năm qua, khai thác có hiệu quả các nguồn lực hiện có của công ty nhằm phát huy thế mạnh, phát triển dịch vụ dựa trên những dịch vụ truyền thống của công ty.

- Đưa các loại hình dịch vụ mới vào thực hiện mà thị trường có nhu cầu: ít nhất là 3- 4 loại hình dịch vụ.

- Tập trung hoàn thành kế hoạch, có tăng trưởng và có hiệu quả.

Phương hướng hoạt động của công ty:

+ Tăng cường, mở rộng thị trường nhất là thị trường du lịch các khu danh lam thắng cảnh nổi tiếng đất nước, du lịch sinh thái, du lịch nước ngoài..

+ Tăng cường công tác nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật để nâng cao chất lượng dịch vụ.

+ Bổ sung thêm đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý, đồng thời nâng cao năng lực về trình độ kỹ thuật và quản lý của đội ngũ cán bộ công ty.

+ Đổi mới hoạt động quản lý, điều hành, tìm mọi giải pháp để khắc phục những mặt yếu kém để đảm bảo SXKD có chất lượng và đạt hiệu quả cao.

+ Thu nhập bình quân người lao động phần đầu 5.000.000 đồng/tháng.

Kế hoạch tiến bộ kỹ thuật:

Công ty tiếp tục cải tiến kỹ thuật trong việc bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện nhằm thay thế các phụ tùng linh kiện ngoại nhập giảm chi phí, tiếp tục nâng cao chất lượng phương tiện; tăng cường công tác an toàn lao động...

Trong những năm qua công ty Trọng Khánh đã phát huy được một số điểm mạnh của mình, đã tạo được uy tín nhất định trên thị trường, cố gắng phát triển toàn diện các hoạt động, quyết tâm đẩy mạnh phong trào thi đua, xây dựng đơn vị

trở thành điểm sáng của khối các doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh.

2.1.7 Quy trình và tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Công ty tìm kiếm đối tác, tiếp cận và đưa ra các điều kiện có lợi cho cả 2 để cùng đi tới kí hợp đồng. Công ty kí hợp đồng vận chuyển với các chủ hàng: tùy thuộc vào trọng tải hàng để có chủng loại xe phù hợp, đưa ra các điều lệ chung để các bên thực hiện: trong đó có các điều khoản có lợi cho các bên nếu thực hiện đúng, và phải bồi thường thiệt hại khi 1 trong các bên vi phạm...

2.1.8 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty

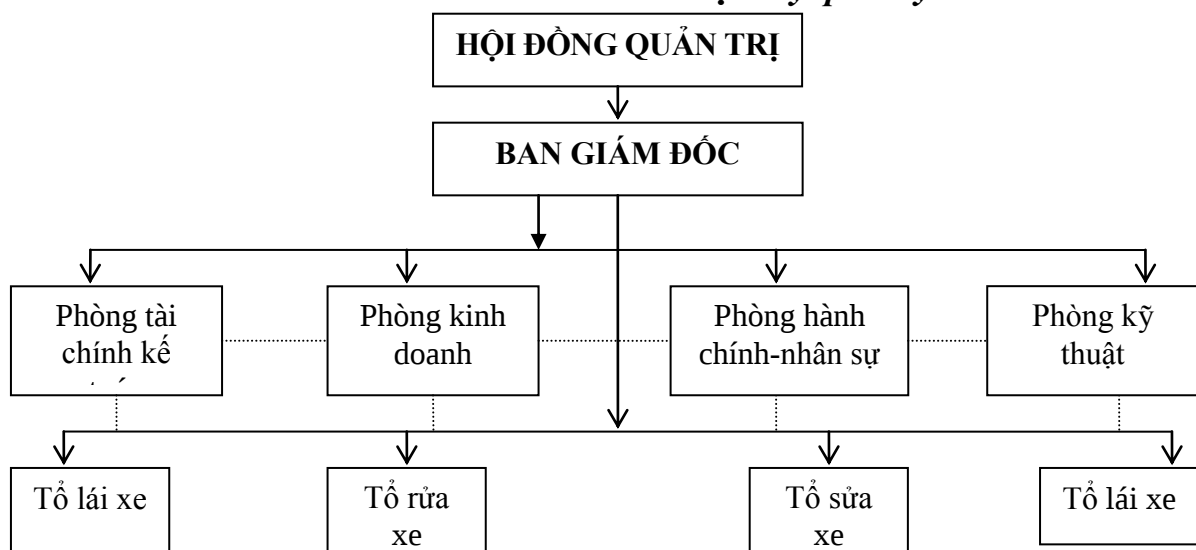
Đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là kinh doanh dịch vụ vận chuyển. Sản phẩm chủ yếu là dịch vụ, không mang hình thái vật chất cụ thể như hàng hoá thông dụng khác và quá trình sản xuất ra sản phẩm đồng thời là quá trình tiêu thụ. Sản phẩm của hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm các dịch vụ vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp trong địa bàn và các địa bàn lân cận và cho thuê xe cho những khách hàng có yêu cầu.... Sản phẩm của hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển được tạo ra nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp sản xuất, thương mại và khách hàng cá nhân đồng thời phải phù hợp với khả năng thanh toán hay mức giá mà khách hàng hay đối tác có thể chấp nhận được. Đoạn thị trường mà Công ty lựa chọn là các doanh nghiệp trong khu vực thành phố Hải Phòng: chủ yếu là KCN NOMURA, cảng Hải Phòng, các doanh nghiệp lân cận. Ngoài ra, Công ty còn đáp ứng nhu cầu vận chuyển của các doanh nghiệp thuộc các tỉnh, thành phố trong khu vực miền Bắc. Cách hoạt động chính của công ty là ban đầu Công ty tìm kiếm đối tác, tiếp cận và đưa ra các điều kiện có lợi cho cả 2, sau đó là đi đến kí kết hợp đồng. Công ty kí hợp đồng vận chuyển với các chủ hàng: tùy thuộc vào trọng tải hàng để có chủng loại xe phù hợp, đưa ra các điều lệ chung để các bên thực hiện: trong đó có các điều khoản có lợi cho các bên nếu thực hiện đúng, và phải bồi thường thiệt hại khi 1 trong các bên vi phạm... nhằm đảm bảo phương châm hợp tác cả 2 cùng có lợi. Ngoài ra, Công ty còn tiếp tục phát triển và mở rộng sản xuất kinh doanh theo kịp với sự phát triển về khoa học kỹ thuật và công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ và hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng được nhu

cầu của khách hàng, đảm bảo đủ sức cạnh tranh trên thị trường hiện nay bằng cách: cải tiến kỹ thuật trong việc bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện nhằm thay thế các phụ tùng linh kiện ngoại nhập giảm chi phí, tiếp tục nâng cao chất lượng phương tiện; tăng cường công tác an toàn lao động... Ngoài sự đầu tư trang thiết bị và máy móc, công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên có điều kiện học tập nâng cao tay nghề, ngoại ngữ và trình độ nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công ty luôn khuyến khích động viên người lao động tự nghiên cứu tìm tòi, học hỏi phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm làm chủ máy móc thiết bị hiện đại, giảm những chi phí có thể và nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng năng suất lao động. Đến nay công ty đã có một đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, giàu kinh nghiệm, tay nghề cao, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu dịch vụ và làm chủ phương tiện hiện đại. Đồng thời công ty liên tục phát động các phong trào thi đua tăng năng suất lao động, tiết kiệm nhiên liệu. Thông qua các đợt thi đua công ty đã liên tục có những luồng gió mới thổi vào, với khí thế lao động sôi nổi và điều quan trọng là ý thức lao động, tác phong công nghiệp được cán bộ công nhân viên thực hiện rất tốt, hàng loạt các sáng kiến cải tiến được áp dụng làm lợi cho đơn vị hàng triệu đồng.

2.1.9 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý (Sơ đồ 2.1)

Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý



Tổng Giám đốc: là người phụ trách chung, là đại diện của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về hoạt động của công ty hoạch định phương hướng, mục tiêu dài hạn cũng như ngắn hạn cho cả công ty. Giám đốc kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các đơn vị, trưởng các đơn vị trực thuộc kịp thời sửa chữa những sai sót, hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ được giao.

Phó giám đốc: là người trợ giúp cho Giám đốc, thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc giao hay ủy quyền khi vắng mặt.

Phòng hành chính - nhân sự:

Chức năng trong công ty: động viên toàn bộ cán bộ công nhân viên đoàn kết, hăng hái say sưa lao động, hoàn thành mọi chức năng nhiệm vụ được giao; có nhiệm vụ quản lý hồ sơ, lý lịch của cán bộ nhân viên theo phân cấp đúng quy định; tham mưu và làm thủ tục tiếp nhận cán bộ công nhân viên, đi đến quản lý và giải quyết các mặt công tác trong công ty có liên quan đến công tác hành chính, quản lý văn thư, quản lý con dấu theo đúng chế độ quy định, chịu trách nhiệm an ninh, an toàn bên trong công ty .

Phòng kinh doanh:

Là phòng tham mưu cho Ban giám đốc về kế hoạch kinh doanh, lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp nhất; điều hoà kế hoạch sản xuất chung của công ty thích ứng với tình hình thực tế thị trường; nghiên cứu ký kết hợp đồng với các đối tác. Phòng kinh doanh còn có Ban thị trường, theo quy định Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh: Các đơn vị thành lập bộ phận thị trường và khai thác chuyên trách tìm hiểu nghiên cứu thị trường vận tải, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác các sản phẩm, dịch vụ, thương mại phục vụ cho các đơn vị kinh doanh của công ty. Cụ thể:

➤ Xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của công ty. Trên cơ sở kế hoạch của các phòng, của các đơn vị thành viên tổng hợp và xây dựng kế hoạch tổng thể của công ty bao gồm các lĩnh vực: kinh doanh, tài chính, lao động, xây dựng và đầu tư và các kế hoạch liên quan đến hoạt động của công ty.

➤ Tham khảo ý kiến của các phòng có liên quan để phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch lưu thông, các kế hoạch khác của công ty trình Tổng

Giám đốc.

- Dự báo thường xuyên về cung cầu, giá cả hàng hoá thị trường trong phạm vi toàn quốc nhằm phục vụ cho kinh doanh của công ty.
- Tổ chức quản lý công tác thông tin kinh tế, báo cáo thống kê trong toàn bộ Tổng công ty để tổng hợp báo cáo thường xuyên theo định kỳ lên Giám đốc hoặc báo cáo đột xuất khi Tổng Giám đốc yêu cầu và báo cáo lên cấp trên theo quy định.
- Bảo đảm bí mật các thông tin kinh tế đối với những người không có trách nhiệm để tránh thiệt hại cho hoạt động kinh doanh của công ty.
- Thực hiện các Hợp đồng kinh tế
- Căn cứ kế hoạch của công ty triển khai thực hiện kế hoạch của công ty để đảm bảo bình ổn các hoạt động kinh doanh
- Phối hợp với các công ty khác trong khu vực kinh doanh nhằm mở rộng thị trường, thực hiện chiến lược “Be bờ tát cá”.
- Làm báo cáo sơ kết, tổng kết định kì cho công ty.

Phòng kỹ thuật: Gồm có 3 người chịu trách nhiệm về mọi mặt kỹ thuật, cải tiến đời xe, quy trình công nghệ, cố vấn kỹ thuật cho Ban Giám đốc.

Các tổ lái xe, tổ rửa xe, tổ sửa xe: thực hiện lái xe, rửa xe, sửa xe theo nhiệm vụ được giao, với tinh thần làm việc có trách nhiệm cao.

2.1.10 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

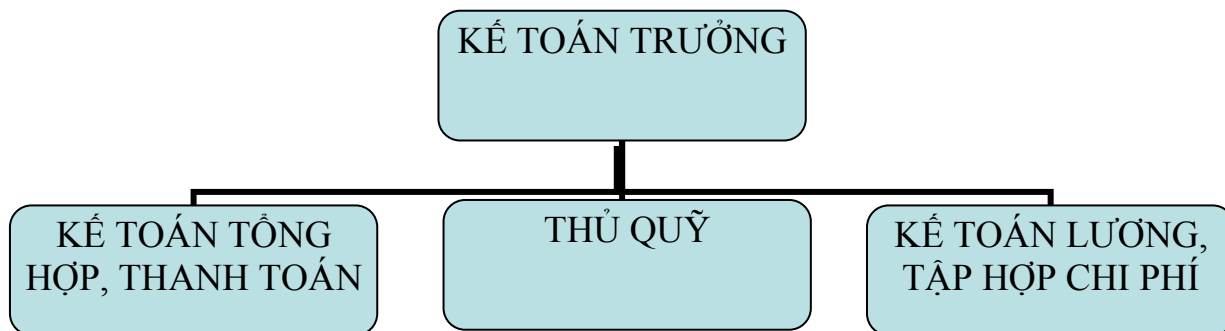
2.1.10.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty Cổ gồm bốn thành viên. Đứng đầu là kế toán trưởng (trưởng phòng kế toán), trực tiếp chỉ đạo điều hành và chịu trách nhiệm chung, các thành viên khác chịu trách nhiệm về các phần hành kế toán khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau tạo thành một hệ thống kế toán đồng bộ, được thể hiện qua *sơ đồ 2.2*

Nhiệm vụ cụ thể của từng kế toán :

*** Kế toán trưởng**

- Là người chịu trách nhiệm chung về công tác tổ chức quản lý kế toán của CTY, là người điều hành chung bộ máy kế toán và trực tiếp giúp Giám đốc trong việc cân đối khả năng tài chính, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Bao gồm từ

Sơ đồ 2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

khâu huy động và tiếp nhận vốn từ cấp trên, quản lý sử dụng và hoàn trả vốn vay từ ngành hàng các cơ sở tín dụng, đồng thời đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ với ngân hàng Nhà nước.

- Chịu trách nhiệm tổ chức từng phần việc kế toán cho kế toán viên, hướng dẫn lập chứng từ, hồ sơ về tài chính đúng quy định của Nhà nước chịu trách nhiệm về phần tổ chức, quản lý sổ sách kế toán, kiểm tra sổ sách kế toán theo từng loại nghiệp vụ đảm bảo tính chính xác của các số liệu kế toán trước khi tổng hợp kế toán kiểm tra, đánh giá Báo cáo tài chính.

*** Kế toán tổng hợp, thanh toán :** Là người phụ trách về công tác hạch toán kế toán, chịu trách nhiệm:

- + Lập báo cáo tài chính tháng, quý, năm.
- + Kế toán công nợ khác.
- + Theo dõi hạch toán các quỹ.
- + Tập hợp kiểm kê định kỳ tài sản, công nợ, tiền vốn của công ty.
- + Hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ trẻ chưa có kinh nghiệm làm việc;
- + Tổng hợp kê khai thuế hàng tháng, lập báo cáo thuế (thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu) theo quy định của Nhà nước;
- + Lập hồ sơ hoàn thuế;
- + Tham gia quản lý, tập hợp báo cáo công nợ, đôn đốc việc thu hồi nợ theo quy định của công ty;
- + Xử lý số liệu công nợ, phân loại tuổi nợ theo chế độ tài chính của Nhà nước ban hành;
- + Giúp Tổng giám đốc trong công ty quản lý vốn;

+ Theo dõi việc giải tỏa cưỡng chế thuế (nếu có phát sinh).

+ Hướng dẫn cho khách hàng làm thủ tục thu chi thanh toán, hàng tuần vào thứ 6 trình Giám đốc ký về các khoản đề xuất thanh toán của khách hàng; Đồng thời kế toán thanh toán còn có nhiệm vụ vào sổ quỹ, viết hoá đơn tài chính, viết uỷ nhiệm chi... và kiểm tra thanh quyết toán.

*** *Thủ quỹ***

Thực hiện các công việc liên quan đến thu chi tiền mặt tại công ty; Có nhiệm vụ chi tiền sau khi đã được Giám đốc, Kế toán trưởng duyệt chi, thanh toán đồng thời lên các phương án vay vốn, làm bảo lãnh, thực hiện hợp đồng; Quản lý quỹ tiền mặt như thu, chi, vào sổ quỹ theo phiếu thu, phiếu chi và lập báo cáo hàng ngày về kết quả giao dịch với khách hàng, báo cáo quỹ.

*** *Kế toán lương, tập hợp chi phí***

+ Theo dõi các hoá đơn thuế GTGT đầu vào và đầu ra, cuối tháng làm báo cáo quyết toán thuế; Hạch toán tăng, giảm tài sản cố định, công cụ lao động; Hạch toán khấu hao hàng tháng; Phân bổ công cụ lao động theo tính chất hàng hoá; Kiểm kê tài sản và công cụ lao động định kỳ theo quy định của Nhà nước.

+ Theo dõi quá trình làm việc của người lao động về thời gian, kết quả lao động, tính ra lương và các khoản trích theo lương, theo dõi các khoản tạm ứng, các khoản trừ vào lương và thanh toán lương cho người lao động; Tham mưu giúp Giám đốc quản lý trong các lĩnh vực công tác tổ chức bộ máy, quản lý cán bộ và nhân lực, tổ chức lao động và tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, kỷ luật.

+ Tập hợp từng loại chi phí, phân bổ các loại chi phí sản xuất từ các chứng từ theo đúng đối tượng, cung cấp số liệu thông tin tổng hợp về khoản mục chi phí.

+ Cung cấp Báo cáo tổng hợp chi phí sản xuất.

2.1.10.2 *Đặc điểm vận dụng hệ thống chứng từ*

Công ty thực hiện chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, với nguyên tắc:

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đều lập chứng từ kế toán; Chứng từ kế toán chỉ lập 1 lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; Nội dung chứng từ kế toán phải đầy đủ các chỉ tiêu,

phải rõ ràng, trung thực với nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; Chữ viết trên chứng từ phải rõ ràng, không tẩy xóa, không viết tắt; Số tiền viết bằng chữ phải khớp, đúng với số tiền viết bằng số.

Chứng từ kế toán phải được lập đủ số liên theo quy định cho mỗi chứng từ; Đối với chứng từ lập nhiều liên phải được lập một lần cho tất cả các liên theo cùng một nội dung bằng máy tính, máy chữ hoặc viết lòng bằng giấy than; Trường hợp đặc biệt phải lập nhiều liên nhưng không thể viết một lần tất cả các liên chứng từ thì có thể viết hai lần nhưng phải đảm bảo thống nhất nội dung và tính pháp lý của tất cả các liên chứng từ. Các chứng từ kế toán được lập bằng máy vi tính phải đảm bảo nội dung quy định cho chứng từ kế toán.

❖ Các chứng từ sử dụng là các chứng từ thông dụng như sau:

- Phiếu thu 01-TT; Phiếu chi 02-TT;
- Giấy đề nghị tạm ứng 03-TT;
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng 04-TT;
- Biên lai thu tiền 06-TT;
- Giấy báo có; Giấy báo nợ;
- Biên bản giao nhận TSCĐ 01-TSCĐ;
- Bảng chấm công 01a-LĐTL;
- Bảng thanh toán tiền lương 02-LĐTL;
- Hoá đơn giá trị gia tăng 01GTKT-3LL; ...

Trình tự luân chuyển và kiểm tra chứng từ kế toán:

Tất cả các chứng từ kế toán do doanh nghiệp lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung vào bộ phận kế toán doanh nghiệp. Bộ phận kế toán kiểm tra những chứng từ kế toán đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh tính pháp lý của chứng từ thì mới dùng những chứng từ đó để ghi sổ kế toán.

2.1.10.3 Đặc điểm vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Tài khoản kế toán dùng để phân loại và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế, tài chính theo nội dung kinh tế. Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp bao gồm các tài khoản cấp 1, tài khoản cấp 2, tài khoản trong Bảng cân đối kế toán và tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán theo quy định theo Quyết định số 15/2003/QĐ-BTC, chỉ có một số thay đổi sau: Công ty có chi tiết thêm một số tài khoản thành

tài khoản cấp 3, cấp 4 để phục vụ cho việc kiểm tra, hạch toán từng đối tượng cụ thể.

Do công ty đưa tin học vào công tác kế toán nên đã hạn chế được những sai sót trong việc ghi chép vì số liệu chỉ cần nhập vào máy. Chỉ cần nhập một lần từ chứng từ gốc, lưu trữ được khối lượng thông tin lớn, tự động lên các sổ kế toán và lập các bảng biểu tính toán trên các sổ trên giảm được khối lượng công việc tính toán cho các kế toán viên.

2.1.10.4 Đặc điểm vận dụng hệ thống sổ kế toán

Công ty ghi sổ kế toán bằng máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc hình thức Nhật ký chung; Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01/N và kết thúc vào ngày 31/12/N, kỳ hạch toán theo từng tháng.

❖ Các loại sổ kế toán công ty đang sử dụng

Sổ kế toán tổng hợp:

Sổ nhật ký chung, sổ cái tổng hợp, sổ tổng hợp chi tiết, nhật ký thu tiền, nhật ký chi tiền, nhật ký mua hàng, nhật ký bán hàng...

Sổ kế toán chi tiết:

Sổ quỹ tiền mặt; sổ tiền gửi ngân hàng; sổ theo dõi tiền mặt, tiền gửi bằng ngoại tệ; sổ chi tiết thanh toán với người mua; sổ chi tiết thanh toán với người bán; sổ theo dõi tài sản cố định; sổ chi tiết vật liệu sản phẩm, hàng hoá; sổ theo dõi thuế giá trị gia tăng; sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết chi phí theo nhân viên lái xe....

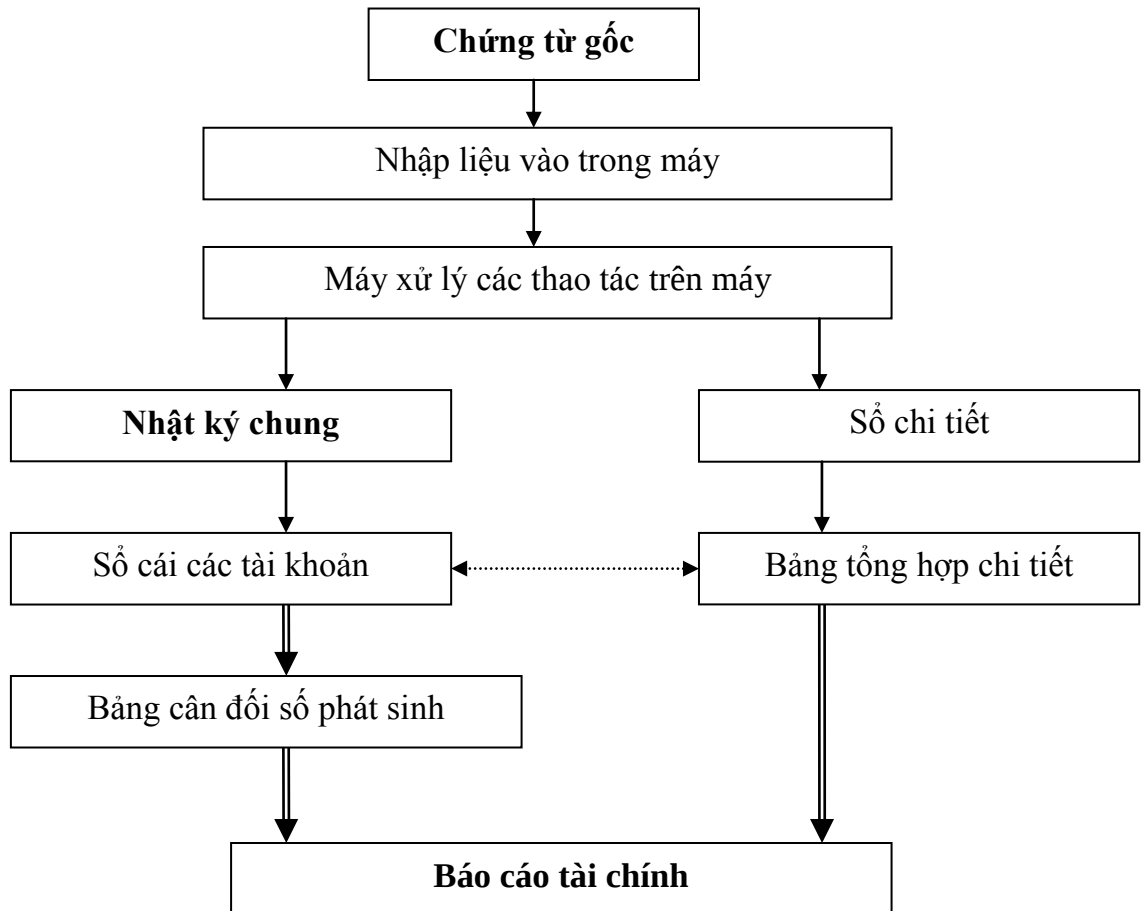
❖ Trình tự ghi sổ kế toán

Để đảm bảo tuân thủ đúng quy định của chế độ kế toán và phù hợp với đặc thù quản lý, kinh doanh công ty thực hiện tổ chức hạch toán kế toán theo hình thức nhật ký chung. Mặt khác, với tình hình phát triển hiện nay của công ty để phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép và đáp ứng yêu cầu của quản lý, công ty đã áp dụng kế toán máy. Quy trình ghi sổ được khái quát theo sơ đồ 2.3

Để thực hiện công tác kế toán tại công ty, phòng kế toán được trang bị 5 máy tính; các thao tác ghi sổ từ các chứng từ lên sổ chi tiết đều do kế toán phụ trách thực hiện. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp

chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Công ty sử dụng phần mềm kế toán CASH

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày.
- ====→ Ghi cuối tháng, cuối năm.
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra cuối tháng.

Sau đó thông qua kế toán máy các số liệu được tổng hợp theo từng phân hành, cuối cùng máy tính sẽ cung cấp các báo cáo mà kế toán viên cần. Do áp dụng kế toán máy nên khâu quan trọng nhất là nhập dữ liệu vào máy tính qua phần mềm kế toán. Ngay sau khi nhập số liệu, kế toán viên có thể có được các sổ tổng hợp, sổ chi tiết hoặc các báo cáo tài chính mình cần.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào

sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Sổ nhật ký chung...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy, thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

2.1.1.5 Đặc điểm vận dụng hệ thống báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

Cuối mỗi tháng, quý kế toán tổng hợp tiến hành lập Báo cáo tài chính, báo cáo của công ty được lập theo mẫu của Bộ Tài chính (theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính năm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của công ty ở bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung. Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện kịp thời các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hiện nay trong công ty sử dụng hệ thống báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính: Do kế toán tổng hợp lập vào mỗi tháng, mỗi quý, mỗi năm tài chính; Báo cáo tài chính của công ty phải nộp cho các cơ quan có chức năng như cơ quan thuế, cơ quan tài chính,...

Mẫu báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán theo mẫu số B01 – DN;
- + Báo cáo kết quả kinh doanh theo mẫu số B02 – DN;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính theo mẫu số B04 – DN;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo mẫu số B03 – DN.

Các loại báo cáo trên được lập hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

- Báo cáo quản trị: được lập vào cuối năm, cuối quý, cuối tháng hoặc bất thường theo cầu của Tổng giám đốc hoặc của Tổng công ty. Các loại báo cáo phục vụ quản trị bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo công nợ của khách hàng, Báo cáo chi tiết kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, Báo cáo chi phí theo nhóm xe, Báo cáo tổng hợp doanh thu theo xe, Báo cáo kết quả kinh doanh xe công ty...

2.1.10.6 Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp áp dụng

Hiện tại công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẠN TÀI TRỌNG KHÁNH

2.2.1 Hạch toán doanh thu tại công ty

2.2.1.1 Đặc điểm và phân loại doanh thu tại công ty

❖ Đặc điểm doanh thu

Công ty CP TM & DV VT Trọng Khánh với ngành nghề kinh doanh là dịch

vụ vận tải, sản phẩm của hoạt động kinh doanh chủ yếu là các dịch vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách. Các sản phẩm dịch vụ này có đặc điểm là không mang hình thái vật chất cụ thể giống như các hàng hoá thông thường khác. Hơn thế nữa, quá trình sản xuất sản phẩm cũng đồng thời là quá trình tiêu thụ sản phẩm. Quá trình sản xuất và quá trình tiêu thụ là hai quá trình không thể tách rời nhau vì khách hàng mua sắm sản phẩm dịch vụ vận chuyển trước khi họ nhìn thấy những kết quả của những sản phẩm dịch vụ đó và các dịch vụ được thực hiện trực tiếp với khách hàng, hàng hóa.

Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Đặc điểm của cung cấp dịch vụ là việc thực hiện các điều khoản, công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán. Do đó, doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận tại ngày kết thúc chương trình thực hiện dịch vụ, khi kế toán nhận được đầy đủ hoá đơn chứng từ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đảm bảo doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Trường hợp không thể thu hồi được khoản doanh thu mà kế toán đã ghi nhận thì kế toán thường ghi tăng vào chi phí chứ không ghi giảm doanh thu.

❖ **Phân loại doanh thu**

Bên cạnh loại hình kinh doanh chủ yếu là dịch vụ vận chuyển Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh còn kinh doanh vật tư thép cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thép khi có yêu cầu và doanh thu từ hoạt động tài chính. Chính vì thế, kế toán quản lý doanh thu theo hai loại chính là Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và Doanh thu hoạt động tài chính.

- Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được chi tiết thành:

+ *Doanh thu cung cấp dịch vụ trong hoạt động vận chuyển*(gồm doanh thu xe công ty và doanh thu xe cộng tác viên) : là khái niệm để chỉ giá trị của số lượng dịch vụ vận chuyển thực hiện trong kỳ đã cung cấp cho khách hàng. Doanh thu thực hiện được bao gồm toàn bộ phần thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ vận

chuyển của doanh nghiệp, khoản thu này có thể trực tiếp bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hay có thể doanh nghiệp đang bị chiếm dụng vốn.

Để quản lý chặt chẽ về doanh thu, công nợ khách hàng và phục vụ cho các quyết định quản trị, doanh nghiệp còn chi tiết doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển theo đối tượng khách hàng vận chuyển: khách hàng lẻ và khách hàng là các doanh nghiệp. Với hai loại đối tượng khách hàng khác nhau này công ty có các chính sách ưu đãi khác nhau, được theo dõi riêng và có cách tính doanh thu khác nhau. Ví dụ: Khách hàng thường xuyên là các doanh nghiệp thì được hưởng các khoản hoa hồng, ưu đãi về thời gian dự nợ.

+ *Doanh thu bán hàng*: là tổng giá trị hàng hoá mà công ty thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ hoạt động cung cấp hàng hoá đó cho khách hàng. Thép và vật liệu xây dựng là hai mặt hàng không thể thiếu và không kém phần quan trọng trong kinh doanh vận chuyển cho các doanh nghiệp sản xuất và xây dựng, sản lượng tiêu thụ không nhỏ. Đặc biệt với chiến lược kinh doanh là nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng hiện nay thì việc tách riêng loại hàng hoá này để theo dõi chi tiết về doanh thu và giá vốn là hoàn toàn cần thiết, như vậy công ty không những tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mà còn cho thấy việc theo dõi và quản lý tài sản là rất chặt chẽ và có khoa học.

- Theo quy chế của Công ty, doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Doanh thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, thu nhập từ cho thuê tài sản, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác. Nhưng thực tế tại Công ty, doanh thu tài chính chủ yếu phát sinh từ lãi tiền gửi, thu nhập từ cho thuê tài sản (thuê xe tự lái) và lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng trong hạch toán doanh thu

❖ Chứng từ sử dụng

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Doanh thu xe công ty: Chứng từ gồm Phiếu xác nhận dịch vụ, Hợp đồng vận chuyển, Hoá đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo nợ của Ngân hàng, Bảng báo giá, Biên bản giao nhận, Bảng kê chi tiết (Bảng xác nhận công nợ), ...

+ Doanh thu xe cộng tác viên: Chứng từ gồm Phiếu đặt xe cộng tác viên, Hợp đồng vận tải, Hóa đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo nợ của Ngân hàng

+ Doanh thu bán hàng hoá (thép, VLXD): Chứng từ gồm Phiếu đặt hàng, Hoá đơn GTGT, phiếu thu, Giấy báo Nợ của Ngân hàng

-Doanh thu hoạt động tài chính: Chứng từ gồm Giấy báo nợ của ngân hàng, Phiếu thu tiền gửi ngân hàng.

❖ Tài khoản sử dụng

Để hạch toán doanh thu công ty sử dụng các tài khoản sau:

-TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản 511 gồm các tài khoản chi tiết:

+ TK 5111: Doanh thu xe công ty

+ TK 5112: Doanh thu xe cộng tác viên

+ TK 5113: Doanh thu bán hàng

-TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán doanh thu, doanh nghiệp còn sử dụng các tài khoản: TK 131 “Phải thu khách hàng”, TK 3331 “Thuế giá trị gia tăng phải nộp”, TK 111 “Tiền mặt”, TK 121 “Tiền gửi ngân hàng”, TK 3387 “Doanh thu chưa thực hiện”...

2.2.1.3 *Trình tự hạch toán doanh thu*

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Doanh thu xe công ty

Khi khách hàng có nhu cầu vận chuyển sẽ đến công ty đặt xe, tùy thuộc vào đối tượng khách hàng và quãng đường vận chuyển, công ty sẽ gửi đến khách hàng Bảng báo giá, sau khi thống nhất hai bên cùng làm hợp đồng vận chuyển. Khi vận chuyển xong có Biên bản giao nhận xác định doanh nghiệp đã thực hiện xong dịch vụ vận chuyển. Sau đó, doanh nghiệp lập Bảng kê chi tiết (hay Bảng xác nhận công nợ, xuất kèm hóa đơn GTGT, Giấy đề nghị thanh toán, phiếu thu(nếu số tiền nhỏ hơn 20.000.000đ), Giấy báo nợ (nếu số tiền lớn hơn 20.000.000đ). Tổng số tiền thanh toán cũng như phương thức thanh toán sẽ được thoả thuận trên “Hợp đồng vận chuyển đối với khách hàng thường xuyên, hoặc “Phiếu xác nhận dịch vụ” với khách hàng là khách lẻ. Thông thường đối với khách hàng là khách hàng thường xuyên thuộc Công ty, xí nghiệp thì công ty áp dụng phương thức thanh

toán chậm và thời gian thanh toán thoả thuận tùy theo thời gian thực hiện dịch vụ. Còn đối với các đoàn khách hàng là khách lẻ thì công ty áp dụng phương thức thanh toán ngay một lần khi ký kết hợp đồng.

Cụ thể khi hoàn thành vận chuyển kế toán tiến hành ghi như sau:

- *Đối với khách hàng là khách lẻ, cá nhân, hộ gia đình:* Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ ‘Phiếu xác nhận dịch vụ’, kế toán lập Hoá đơn GTGT và máy tính tự động cập nhật vào Nhật ký bán hàng, Sổ chi tiết tài khoản doanh thu và Sổ cái tài khoản doanh thu trong phần mềm kế toán.

- *Đối với khách hàng là các doanh nghiệp, xí nghiệp thường xuyên:* Sau khi ký kết Hợp đồng Vận chuyển hành khách, kế toán viết Hoá đơn GTGT, máy tính tự cập nhật vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.6), Sổ chi tiết TK 5111 (Biểu 2.2) và Sổ cái tài khoản 511 (Biểu 2.5). Khi hoàn thành dịch vụ, kế toán kiểm tra lại doanh thu theo hợp đồng và tính lại tiền ngoài giờ, số Km vượt ngoài hợp đồng.

Để hiểu một cách cụ thể và chi tiết về công tác hạch toán thực tế doanh thu tại công ty Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh, em xin đưa ra một số nghiệp vụ mà doanh nghiệp đã thực hiện như sau:

Ngày 20 tháng 01 năm 2011, khách hàng lẻ Công ty TNHH công nghiệp nặng xây dựng Hàn- Việt(Hanvico) có yêu cầu đặt xe 24 chỗ trong hai ngày (ngày 21 tháng 01 và ngày 22 tháng 01 năm 2011), Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh ký kết với khách hàng “Phiếu xác nhận dịch vụ” (Mẫu 2.1).

Mẫu 2.1 Phiếu xác nhận dịch vụ**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ**

QUYỀN SỐ: .../2008

VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

HV: 0080311

ĐC: Km10 - Ro Nha - Tân Tiến - An Dương - HP

Số: 058901

Tel: 0313 749730**MST:0200695091****PHIẾU XÁC NHẬN DỊCH VỤ****(Kiêm Hợp Đồng vận tải hành khách đường bộ bằng ô tô)****1. Thông tin thuê xe:**

Số khách: 24

Code đoàn:

- Tên hành khách: *Hàn-Việt*- Ngày đi: *21/01/2011* Ngày về: *22/01/2011*- Giờ / địa điểm đón HD / khách: *06 h tại cổng công ty TNHH công nghiệp nặng xây dựng Hàn- Việt(Hanvico).*

- Yêu cầu đặc biệt khác:

CHƯƠNG TRÌNH VẬN CHUYỂN

<i>Phần lái xe ghi</i>					<i>Phần điều hành ghi</i>		
Ngày	Địa điểm	Phát sinh	Km đầu	Km cuối	Km tổng	Đơn giá	Thành tiền
21/01/11	Cty Hàn Việt				100	12.000	1.200.000
22/01/11	Cát Bà				130	12.000	1 560.000

Ghi chú :

.....

.....

NHẬN XÉT CỦA KHÁCH HÀNG

Chất lượng phương tiện – Car's quality	☐ Tốt/Good	☐ TB/Average	☐ Kém/Bad
Chất lượng lái xe – Driver's quality	☐ Tốt/Good	☐ TB/Average	☐ Kém/Bad

Ý kiến khác – other ideas:

Báo cáo kết thúc chương trình:

- ☐ Không đi đủ tour ☐ Có phát sinh ☐ KH đã xác nhận phát sinh
☐ Đã giao hoá đơn ☐ Số tiền đã trả:
☐ KH đã phản nản ☐ Đường xá kém ☐ Trục trặc khác
- Các trục trặc trong Tour (nếu có)
- Lý do:

Lái xe - Driver	Khách hàng – Passenger (ký và ghi rõ họ tên)	Ngày 20 tháng 01 năm 2011
Họ tên: <i>Tôn Quang Vỹ</i>		Xác nhận của n/v điều hành
Loại xe: 24C		(ký và ghi rõ họ tên)
Số xe: 16LD 0258	Tên/name: Ng.Thị Chi	Tên: Ng.Văn Cường

Lưu ý:

- Phiếu xác nhận dịch vụ kèm Hợp đồng là phần không thể tách rời của Phiếu ghi nhận yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp lái xe không có Phiếu ghi nhận vì lý do bất khả kháng, Hợp đồng này sẽ được thay thế bằng mẫu Phiếu xác nhận dịch vụ trong trường hợp khẩn cấp.

- Hợp đồng phải được giữ sạch sẽ được điền đầy đủ thông tin và được nộp về Đội xe đúng hạn chậm nhất 24h sau khi kết thúc chương trình.

- Lái xe có trách nhiệm thông báo ngay mọi phát sinh, thay đổi so với chương trình dự kiến cho điều hành duyệt trước khi thực hiện.

- Nhận xét và chữ ký khách hàng là nội dung bắt buộc phải có, trong trường hợp bất khả kháng thì lái xe phải nêu rõ lý do trong phần Ghi chú.

- Xin liên lạc đường dây nóng (Service) 0982428868 – (Sales) 0906007777 để nhận được sự trợ giúp nếu không liên lạc được với điều hành.

Trên cơ sở chứng từ đó, kế toán viết “Hoá đơn GTGT” (Mẫu 2.2) và vào Bảng kê Hoá đơn, Chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra (Biểu 2.1).

2.2 Hoá đơn giá trị gia tăng Cước vận chuyển

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Ngày 23 tháng 01 năm 2011
 Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

Ký hiệu: GK/2010B

Số: 058901

Đơn vị bán hàng: Công ty CP TM & DVVT Trọng Khánh

Địa chỉ: km10 Do Nha Tân Tiến An Dương

Số tài khoản:

Điện thoại: 0313 749730

MS: 0200695091.

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH công nghiệp nặng xây dựng Hàn- Việt(Hanvico).

Địa chỉ: Km92 Quốc lộ 5-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM.....MS.....0200695091.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Thuê xe 24 chỗ đi Cát Bà	Chiếc	1	2.760.000	2.760.000
Cộng tiền hàng					2.760.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			276.000
Tổng cộng tiền thanh toán					3.036.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn					

Người mua hàng

Người bán hàng

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Căn cứ hợp đồng vận chuyển, hóa đơn GTGT, kế toán mở chương trình kế

toán máy, vào mục “Bán hàng”, chọn “Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ”, chọn “Ngày hạch toán: 01/01/2011”, chọn “Doanh thu xe công ty”, nhập tên khách hàng, diễn giải, kèm theo: 01 Hóa đơn GTGT..., chọn “Bán hàng thu tiền ngay”, xuất hiện bảng tính giá. Sau khi điền đầy đủ các thông tin vào bảng, chọn “Lưu”, chọn “thoát” để quay trở lại màn hình làm việc. Vào “Quỹ”, chọn “Phiếu thu”, chọn “Đối tượng”, chọn “Lý do chi”, chọn “Lưu”, vào “In”, chọn “In phiếu thu”(Mẫu 2.3) . Sau đó kế toán chọn “Thoát” để quay trở về màn hình làm việc. Vào mục “Báo cáo”, chọn “Sổ sách kế toán”, chọn “Sổ cái”, xuất hiện “Danh mục tài khoản”, chọn “Tài khoản 511”, nhấn nút “Xem”, xuất hiện “Sổ cái tài khoản 511”(Biểu số 2.5). Hàng ngày sau mỗi nghiệp vụ vận chuyển hoàn thành và được ghi vào máy

Mẫu 2.3 Phiếu thu số 34

Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng
CÔNG TY CP TM VÀ DVVT TRỌNG KHÁNH

Số: 34

PHIẾU THU

Nợ: 111
Có: 3331
Có: 511

Ngày 23 tháng 01 năm 2011

Người nộp: Công ty TNHH công nghiệp nặng xây dựng Hàn- Việt(Hanvico).

Nội dung: Cho thuê xe 24 chỗ đi Cát Bà

Số tiền: 3.036.000 đồng

Viết bằng chữ: Ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn.

Kèm theo : HĐ 0058901

Đã nhận đủ số tiền: Ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng chẵn

Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(kí tên, đóng dấu)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)	(kí, họ tên)

Biểu 2.1 Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra (Trích quý I năm 2011)Công ty CP TM & DV VT **BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ DỊCH VỤ BÁN RA**

Trọng Khánh

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)

MST: 0200695091

Kỳ tính thuế: Quý I năm 2011

Mẫu số: 01-1/GTGT
 (Ban hành theo Thông tư số
 60/2010/TT-BTC ngày 14/6/2010
 của BTC.)

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán (chưa có thuế)	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số HD	Ngày tháng						
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:									
Không phát sinh									
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:									
Không phát sinh									
3. Hàng hoá, dịch vụ thuế suất GTGT 5%:									
Không phát sinh									
				Tổng					
4. Hàng hoá, dịch vụ thuế suất GTGT 10%:									
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
07	GK/2010B	058901	23/01/11	Cty Hàn-Việt	0200109075	Thuê xe 24 chỗ	2.760.000	10%	276.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
				Tổng			904.622.454		90.462.245

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra: **904.622.454**Tổng Thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra: **90.462.245**

Người lập

Hải Phòng, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người nộp thuế hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế hợp pháp

Biểu 2.2 Sổ chi tiết TK 5111 “Doanh thu xe công ty”(Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 5111						
(Quý I năm 2011)						
Đơn vị: đồng						
Ngày	Chứng từ số	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
.....						
23/01	58901	Cty TNHH Hàn Việt	Thuê xe 24 chỗ	1111		2.760.000
.....						
30/03	KS008		Kết chuyển sang 911	911	904.622.454	
		Tổng			904.622.454	904.622.454

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

❖ **Doanh thu xe cộng tác viên**

Khi phát sinh khách hàng với mục đích vận chuyển mà công ty chưa huy động kịp xe thì việc sử dụng đến xe của cộng tác viên là hoàn toàn cần thiết.

Sau khi thực hiện xong dịch vụ Cộng tác viên sẽ viết hóa đơn GTGT(liên 2) , số tiền (chưa thuế GTGT) ghi trên hóa đơn làm căn cứ để ghi nhận giá vốn xe cộng tác viên.Còn bên công ty sau khi làm Hợp đồng vận chuyển với khách hàng(Mẫu 2.4) Khi hoàn thành dịch vụ vận chuyển, Công ty viết hóa đơn GTGT(kèm theo Phiếu thu). Hóa đơn GTGT(liên 3)(Mẫu 2.6) được dùng làm căn cứ phản ánh doanh thu xe cộng tác viên

Mẫu 2.4 Hợp đồng vận chuyển hành khách**Công ty Cổ phần vận****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****tải I TRACO***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số:23/HĐKT

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH

- Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11 kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2006.

- Căn cứ Nghị định số 110/2006/NĐ-CP ngày 28/09/2006 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô.

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 02 năm 2011 tại trụ sở Công ty Công ty cổ phần I TRACO. Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng - Quận Hồng Bàng - Hải phòng

Chúng tôi gồm:**Bên A:** Công ty cổ phần TRACO

Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng - Quận Hồng Bàng - Hải phòng

Đại diện: Ông Nguyễn Đức Quang

Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế:

Bên B: Công ty CP TM &DV VT Trọng Khánh

Địa chỉ: : Km10-Ro Nha-Tân Tiến-An Dương-Hải Phòng

Đại diện: Ông Nguyễn Mạnh Quý

Điện thoại: 0313 749730

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng nhau thống nhất các điều khoản sau:

Điều I: Bên A đồng ý cho bên B thuê xe tải 3,5 tấn để trở vật tư PCLB từ kho vật tư dự trữ tỉnh Thái Bình về kho dự trữ Cầu Rào, TP Hải Phòng cho Chi cục phòng chống lụt bão và quản lí đê điều Hải Phòng

- Số lượng: 01 chiếc

- Thời gian: 02 ngày, từ ngày 03/02 đến ngày 04/02/2011

- Yêu cầu: Bên B cho xe đến đúng giờ quy định, đảm bảo về xe chất lượng tốt, đúng chủng loại và hoạt động theo đúng tiến trình quy định.

Điều II: Giá xe: 4.500.000/chuyến(chưa thuế GTGT)

Tổng giá trị vận chuyển: 9.900.000 đồng (Chín triệu chín trăm đồng chẵn)

Sau khi hoàn thành dịch vụ Trọng Khánh sẽ thanh toán tiền theo hình thức tiền mặt.

Hợp đồng này được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện. Nếu bên nào tự ý huỷ bỏ Hợp đồng (Phải báo trước 24h) hoặc vi phạm những điều khoản ghi trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại 100% giá trị hợp đồng cho phía bên kia.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2.5 Phiếu đặt xe cộng tác viên

Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng

Công ty CP TM & DV VT Trọng Khánh

PHIẾU ĐẶT XE CỘNG TÁC VIÊN

Số: 14

Tên khách hàng: Ông Nguyễn Đức

Loại xe: xe tải 3,5 tấn

Quang

Số lượng: 01

Từ ngày: 03/02/2011

Chất lượng xe:

Tới ngày: 04/02/2011

Tên lái xe:

Số điện thoại:

Ngày tháng	Lịch trình dự kiến	Lịch trình thực hiện	Thành tiền
03/02/2011	Thái Bình-Cầu Rào(HP)	Thái Bình-Cầu	11.000.000
04/02/2011		Rào(HP)	
Tổng giá trị dịch vụ:			11.000.000
Doanh thu Công ty :			1.100.000
Tổng Doanh thu xe cộng tác viên:			11.000.000

Ngày 02 tháng 02 năm 2011

Xác nhận của chủ xe
(ký, họ tên)

Người đặt xe
(ký, họ tên)

Mẫu 2.6 Hoá đơn giá trị gia tăng Cước vận chuyển**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ngày 04 tháng 02 năm 2011

Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

Ký hiệu: GK/2010B

Số: 093776

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần TRACO

Địa chỉ: 45 Đinh Tiên Hoàng - Quận Hồng Bàng - Hải phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: 0313 749730

MS:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty CP TM & DVVT Trọng Khánh

Địa chỉ: km10 Do Nha Tân Tiến An Dương

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: TM.....MS: 0200695091.

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Cước vận chuyển từ Thái Bình Về Cầu Rào(HP)	Chuyến	2	4.500.000	9.000.000
Cộng tiền hàng					9.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			900.000
Tổng cộng tiền thanh toán					9.900.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm đồng chẵn					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Mẫu 2.7 Hợp đồng kinh tế số 16**Công ty CP TM &
DVVT Trọng Khánh****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Số:16/HĐKT

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

- Căn cứ vào pháp lệnh hợp đồng kinh tế ngày 25 tháng 09 năm 1989 của Hội đồng nhà nước

- Căn cứ vào nhu cầu của khách hàng và khả năng chở hàng của công ty.

Hôm nay, ngày 02 tháng 02 năm 2011 tại trụ sở Công ty Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh.

Địa chỉ: Km10-Ro Nha-Tân Tiến-An Dương-Hải Phòng

Chúng tôi gồm:**Bên A: Công ty CP TM & DV VT Trọng Khánh**

Địa chỉ: Km10-Ro Nha-Tân Tiến-An Dương-Hải Phòng

Đại diện: **Ông Nguyễn Mạnh Quý**

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 0313 749730

Fax: 04.749733

Mã số thuế: 0200695091

Bên B: Ông Dương Văn Gắng

Địa chỉ: Số 692 đại lộ Tôn Đức Thắng-An Đông-An Dương-Hải Phòng

Số TK: 311010000036

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng nhau thống nhất các điều khoản sau:

Điều I: Bên A nận chở hàng co bên B bằng xe tải 3,5 tấn thuê chở vật tư PCLB từ kho dự trữ tỉnh Thái Bình về kho dự trữ Cầu Rào(TP Hải Phòng) cho Chi cục phòng chống lụt bão và quản lí đê điều Hải Phòng

- Thời gian thực hiện: 02 ngày, từ ngày 03/02 đến ngày 04/02/2011

Chuyến 1: ngày 03/02/2011

Chuyến 2: ngày 04/02/2011

- Yêu cầu: Bên A cho xe đến đúng giờ quy định, đảm bảo về xe chất lượng tốt, đúng chủng loại và hoạt động theo đúng tiến trình quy định.

Điều II: Giá xe: 5.000.000/chuyến(chưa thuế GTGT)

Tổng giá trị vận chuyển: 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng chẵn)

Số tiền trên sẽ thanh toán cho bên A bằng hình thức tiền mặt sau khi vận chuyển hoàn thành

Điều III: Trách nhiệm của mỗi bên

Bên A: Chở hàng an toàn đúng thời gian và địa điểm như đã thỏa thuận

Bên B: Thanh toán đầy đủ tiền vận chuyển sau khi chấm dứt hợp đồng

Điều IV: Cam kết chung

Hai bên cùng nhau thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận. Hợp đồng này được làm thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện. Nếu bên nào tự ý huỷ bỏ Hợp đồng (Phải báo trước 24h) hoặc vi phạm những điều khoản ghi trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại 100% giá trị hợp đồng cho phía bên kia.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 2.8 Hoá đơn giá trị gia tăng Cước vận chuyển**HOÁ ĐƠN****GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ngày 04 tháng 02 năm 2011

Liên 3: Nội bộ

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

Ký hiệu: GK/2010B

Số: 058924

Đơn vị bán hàng: Công ty CP TM & DVVT Trọng Khánh

Địa chỉ: km10 Do Nha Tân Tiến An Dương

Số tài khoản:

Điện thoại: 0313 749730

MS: 0200695091.

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Chi cục phòng chống lụt bão và quản lí đê điều Hải Phòng

Địa chỉ: Số 692 đại lộ Tôn Đức Thắng-An Đông-An Dương-Hải Phòng

Số tài khoản: 311010000036

Hình thức thanh toán: TM.....MS.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Cước vận chuyển từ Thái Bình Về Cầu Rào(HP)	Chuyển	2	5.000.000	10.000.000
Cộng tiền hàng					10.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					11.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu đồng chẵn					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Mẫu 2.9 Phiếu thu số 47

Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng
CÔNG TY CP TM VÀ DVVT TRỌNG KHÁNH

Số: 47**PHIẾU THU**

Nợ: 111

Có: 5112

Có: 3331

Ngày 04 tháng 02 năm 2011

Người nộp: Chi cục phòng chống lụt bão và quản lý đê điều Hải Phòng**Nội dung:** Vận chuyển hàng từ Thái Bình về Cầu Rào(HP)**Số tiền:** 11.000.000 đồng**Viết bằng chữ:** Mười một triệu đồng chẵn.**Kèm theo :** HĐ 058924**Đã nhận đủ số tiền:** Mười một triệu đồng chẵn

Kế toán trưởng (kí tên, đóng dấu)	Người lập phiếu (kí, họ tên)	Người nhận tiền (kí, họ tên)	Thủ quỹ (kí, họ tên)
---	--	--	--------------------------------

Đối với các loại sổ cần lập chi tiết cho từng đối tượng thì kế toán vào mục “Báo cáo”, chọn “Sổ chi tiết”, chọn “Tài khoản 511”, chọn “Đối tượng: Doanh thu xe cộng tác viên”, chọn “Xem”. Sau đó ấn “Thoát”.

Biểu 2.3 Sổ chi tiết TK 5112 “Doanh thu xe cộng tác viên”(trích số quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DVVT TRỌNG KHÁNH						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 5112						
(Quý I năm 2011)						
Đơn vị: đồng						
Ngày	Chứng từ số	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
.....	...					
03/02	HĐ	Chi cục PCLB&QLĐĐ HP	Cước vận chuyển từ TB-HP	1111		10.000.000
.....						
30/03	KS009		Kết chuyển sang 911	911	235.250.000	
		Tổng			235.250.000	235.250.000

Kế toán trưởng
(kí, họ tên)

Người lập sổ
(Kí, họ tên)

❖ **Doanh thu bán hàng hoá (thép, vật liệu xây dựng)**

Hàng ngày kế toán căn cứ vào Phiếu ghi nhận yêu cầu của khách hàng đính kèm Phiếu xác nhận dịch vụ (Mẫu 2.1) để lập Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 2.2), máy tính tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký bán hàng, vào Sổ chi tiết TK 5113 “Doanh thu cung cấp dịch vụ hàng hoá (thép, vật liệu xây dựng)” (Biểu 2.4) và Sổ Cái TK 511 (Biểu 2.5).

Ví dụ 2: Ngày 13/02/2011 Công ty bán thép lưới cho Công ty TNHH Thành Đạt theo hoá đơn GTGT số 0058921 với số tiền là 22.299.750 đ, thuế suất thuế GTGT 10%.

Thủ kho viết phiếu xuất kho với số lượng theo yêu cầu của khách hàng
Từ phiếu xuất kho kế toán viết Hoá đơn GTGT thành ba liên

Mẫu 2.10 Hoá đơn GTGT 0058921

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 13 tháng 02 năm 2011	Mẫu số: 01 GTKT-3LL GK/2011B 0058921
--	--

Đơn vị bán hàng: Công ty CP thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh

Địa chỉ: km10 Do Nha Tân Tiến An Dương

Số tài khoản:

Điện thoại: MST: 0200695091

Họ tên người mua hàng: Anh Dương

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thành Đạt

Địa chỉ: : 536-Thanh Sơn-Uông Bí-Quảng Ninh

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: CK MST: 5700500166

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép lưới G	Kg	795	25.500	20.272.500

	Cộng tiền hàng	20.272.500
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT	2.027.250
	Tổng cộng tiền thanh toán	22.299.750

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Người mua hàng (Ký và ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)		

Khách hàng thanh toán bằng hình thức chuyển khoản công ty ủy nhiệm cho
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng

Mẫu 2.11 Ủy nhiệm chi số 05**Mẫu số 08/KT****ỦY NHIỆM THU SỐ:...05...***Ngày 13 tháng 02 năm 2011*

Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Thành Đạt

Số tài khoản: 3361110000325

Tại Ngân hàng: NH Á Châu Tỉnh, Tp: Quảng Ninh

Tên đơn vị bán hàng: Cty CP TM & DVVT Trọng Khánh

Số tài khoản: 32110000251274

Tại Ngân hàng: NH đầu tư phát triển Tỉnh, Tp: Hải Phòng

Hợp đồng số (HĐ): 58921. Ngày 13 tháng 02 năm 2011

Số lượng các loại chứng từ kèm theo: 01 HĐ GTGT

Số tiền chuyển (bằng chữ): *Hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm lăm mươi ngàn đồng chẵn*

..... Bằng số: 22.299.750 đ

Số ngày chậm trả.....

Số tiền phạt chậm trả (bằng chữ).....

..... Bằng số.....

Tổng số tiền chuyển (bằng chữ) *Hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm lăm mươi ngàn đồng chẵn*

Bằng số: 22.299.750 đ

Lý do thu: Thu tiền bán thép cho công ty TNHH Thành Đạt

ĐƠN VỊ BÁN*(Ký tên, đóng dấu)*PHẦN NGÂN
HÀNG GHI
TÀI KHOẢN NỢ

TÀI KHOẢN CÓ

Sau khi gửi ủy nhiệm chi nhờ Ngân hàng thu hộ, nhận thu hộ thành công Ngân hàng gửi Giấy báo Nợ về cho doanh nghiệp để thông báo Ngân hàng đã thực hiện thành công và thông báo về số dư nợ của công ty tại Ngân hàng

Mẫu 2.12 Giấy báo nợ số 132363370

Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam	GIẤY BÁO NỢ	Số	132363370
		Ngày	13/02/2011
		Giờ	
Chi nhánh	Chi nhánh Hải Phòng		
Mã số thuế	0200101661		
Mã số khách hàng:	Công ty CP thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh 00035793		
SốTK/Tên	Ông Nguyễn Mạnh Quý		
TK:	32110000251274		
Mã giao dịch: NHAP VAO GOC TK TIEN GỬI			
Nội dung: Thu tiền bán thép của Công ty TNHH Thành Đạt			
Số tiền bằng chữ:	Số tiền: 22.299.750 VND		
Hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm lăm mươi đồng chẵn			
	Số dư :598.683.456 VND		
GLAO DỊCH VIÊN/NV NGHIỆP VỤ		KIỂM SOÁT	

Biểu 2.4 Sổ chi tiết TK 5113 “Doanh thu bán hàng hóa”(Trích sổ quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DVVT TRỌNG KHÁNH						
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 5113						
(Quý I năm 2011)						
Đơn vị: đồng						
Ngày	Chứng từ số	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
.....	...					
13/02	58921	Công ty TNHH Thành Đạt	Bán thép lưới	1121		20.272.500
.....						
30/03	KS004		Kết chuyển sang 911	911	965.520.000	
		Tổng			965.520.000	965.520.000

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

Đối với các loại sổ cần lập chi tiết cho từng đối tượng thì kế toán vào mục “Báo cáo”, chọn “Sổ chi tiết”, chọn “Tài khoản 511”, chọn “Đối tượng: Doanh thu hàng hóa”, chọn “Xem”, xuất hiện “Sổ chi tiết tài khoản 5113 “Doanh thu hàng hóa”(Biểu số 2.4) . Sau đó ấn “Thoát”

Biểu 2.5 Sổ Cái TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”(Trích số quý I năm 2011)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TK 511

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			Số dư đầu kì			
			Số phát sinh trong kì			
.....						
23/01	58901	Cty TNHH Hàn Việt	Cho thuê xe 24 chỗ	1111		2.760.000
.....						
03/02	HĐ 23	Chi cục PCLB&QLĐĐ P	Cước vận chuyển từ TB-HP	1111		10.000.000
.....						
13/02	58921	Công ty TNHH Thành Đạt	Bán thép lưới	1121		20.272.500
.....						
30/03	KS004		Kết chuyển sang 911	911	2.105.392.454	
			Cộng Phát Sinh		2.105.392.454	2.105.392.454
			Số dư cuối kì			

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Máy tính sẽ tự động vào Sổ Nhật ký chung(Biểu số 2.6). Muốn xem “Sổ nhật ký chung” vào “Báo cáo”, chọn “Sổ tổng hợp”, chọn “Nhật ký chung”, chọn “Ngày hạch toán”, chọn “Xem”.

Biểu số 2.6 Sổ Nhật ký chung (Trích sổ Nhật ký chung quý I năm 2011)

Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

CÔNG TY TM & DVVT TRỌNG KHÁNH

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Quý I năm 2011

CHỨNG TỪ		LOẠI CT	DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
						
23/01	58901	HĐ GTGT	Tiền Việt Nam Doanh thu xe công ty Thuế GTGT đầu ra phải nộp Cho Cty TNHH Hàn Việt thuê xe 24 chỗ	1111 5111 3331	3.036.000	2.760.000 276.000
						
03/02	093776	HĐ GTGT	Giá vốn hàng bán Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ Tiền Việt Nam Thuê xe Công tác viên	6322 133 1111	9.000.000 900.000	9.900.000
03/02	058924	HĐ GTGT	Tiền Việt nam Doanh thu xe cộng tác viên Thuế GTGT đầu ra	1111 5112 3331	11.000.000	10.000.000 1.000.000

			Đặt xe cộng tác viên			
...	...	...	...	...	...	...
13/02	58921	HĐ	Tiền gửi ngân hàng	1121	22.299.750	
		GTGT	Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	5113		20.272.500
			Thuế GTGT đầu ra	3331		2.027.250
...	...					
29/02	425	GBN	Tiền gửi Ngân hàng ACB	11212	1.188.278	
			Lãi tiền cho vay, tiền gửi Ngân hàng	5151		1.188.278
			Lãi tiền gửi ngân hàng			
.....	...					
			Cộng chuyển trang sau			
			...			...
			Tổng cộng			

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Quý I năm 2011 Công ty không có nghiệp vụ phát sinh làm giảm doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Định kỳ, kế toán căn cứ vào “Giấy báo Nợ” (Mẫu 2.13) của ngân hàng về số lãi tiền gửi ngân hàng và đối chiếu với số lãi tính toán được dựa trên tỷ lệ lãi và số tiền gốc để cập nhật dữ liệu vào Phiếu thu tiền gửi ngân hàng (Mẫu 2.14) trong phần mềm kế toán, máy tính tự động cập nhật vào Sổ chi tiết TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”, Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.6) và Sổ cái TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”(Biểu 2.7)

Mẫu 2.13 Giấy Báo Nợ số 425

ACB- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	GIẤY BÁO NỢ CREDIT ADVICE	Số (No.) 425 Ngày (date) 28/02/2011 Giờ (time)
Chi nhánh (Branch name): Chi nhánh hải Phòng Mã số thuế (Branch VAT code): 0301452948		
Mã số khách hàng: 00035793 Công ty CP thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh Client No. Số TK/Tên TK: Ông Nguyễn Mạnh Quý 00570406003004 A/C No / A/C Name Mã giao dịch: CRIN – NHAP LAI VAO GOC TK TIEN GUI Tran Type Nội dung: Narrative		
Số tiền bằng chữ: Credit amount in words		Số tiền (Credit amount in figures & ccy code): 1.188.278 VND
Một triệu một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng		
		Số dư (Ledger Balance & ccy): 598.683.456 VND
GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ User ID EOD5763		KIỂM SOÁT Supervisor ID

Mẫu 2.14 Phiếu thu tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH		
Số phiếu: CQT 02/2011		
Tài khoản Nợ: 11212		
PHIẾU THU TIỀN GỬI NGÂN HÀNG <i>Ngày 28 tháng 02 năm 2011</i>		
Người nộp		
tiền:	ACB-Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	
Đơn vị:	Công ty CP thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh	
Địa chỉ:	K10-Ro Nha-Tân Tiến-An Dương-Hải Phòng	
Về khoản:	Lãi tiền gửi NH ACB nhập vốn T02/2011	
Nội dung	Tài khoản	Số tiền
Thu lãi tiền gửi NH ACB nhập vốn	5151 – Lãi tiền cho vay, tiền gửi Ngân hàng	1.188.278 VNĐ
Tổng cộng số tiền: 1.188.278 vnd		
<i>Một triệu một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng</i>		
Kèm theo: 01 chứng từ gốc		
KẾ TOÁN TRƯỞNG <i>(Ký, họ tên)</i>		NGƯỜI LẬP BIỂU <i>(Ký, họ tên)</i>
		<i>Ngày 28 tháng 02 năm 2011</i> THỦ QUỸ <i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu 2.7 Sổ cái TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TK 515

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
			Số ĐDK			
			Số PS			
...						...
28/02	GBN 425	Ngân hàng ACB	Thu tiền lãi gửi NH ACB	11212		1.188.278
...						...
28/02		Kết chuyển	515->911	911	4.574.300	
			Cộng PS		4.574.300	4.574.300
			Số DCK			

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người lập sổ

(Ký, họ tên)

2.2.2 Hạch toán chi phí tại công ty

2.2.2.1 Đặc điểm và phân loại chi phí tại Công ty

Xuất phát từ đặc điểm hoạt động kinh doanh ngành thương mại vận tải, kế toán chi phí trong Công ty cũng mang một số đặc điểm riêng khác với kế toán chi phí ở các đơn vị sản xuất. Nội dung hạch toán chi phí chủ yếu của Công ty là hạch toán các nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ vận chuyển.

Tương ứng với từng loại doanh thu ở trên, Công ty phân chia chi phí phát sinh thành:

Chi phí dịch vụ vận chuyển: Đặc điểm của kinh doanh dịch vụ vận chuyển là không tạo ra sản phẩm hàng hoá mà tạo ra dịch vụ phục vụ khách hàng, trong quá trình kinh doanh dịch vụ, người lao động sử dụng tư liệu lao động và kỹ thuật của mình cùng một số loại vật liệu, nhiên liệu, công cụ để tạo ra sản phẩm lao vụ. Công

ty phân chia chi phí dịch vụ vận chuyển thành:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là các chi phí trực tiếp bỏ ra để thực hiện dịch vụ như chi phí xăng dầu, phí cầu phà, phí bến bãi.
- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ), tiền thưởng trong lương của lái xe, công nhân sửa chữa xe;
- Các chi phí sản xuất chung gồm:
 - Chi phí khấu hao phương tiện vận tải,
 - Chi phí vật tư để thay thế, bảo dưỡng xe;
 - Chi phí sửa chữa phương tiện vận chuyển;
 - Tiền mua bảo hiểm xe;
 - Các chi phí trực tiếp khác: Thiệt hại đâm bổ và khoản bồi thường ...

Chi phí mua bán hàng hoá thép, VLXD: Bao gồm giá mua hàng(GVHB), chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua mặt hàng này.

Chi phí hoạt động tài chính: Chủ yếu gồm các khoản chi phí đi vay, chi phí chuyển tiền tại ngân hàng, lỗ do mua bán ngoại tệ...

Ngoài ra còn có Chi phí quản lý doanh nghiệp: Bao gồm các khoản chi phí nhân viên văn phòng, chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong văn phòng...

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Chi phí dịch vụ vận chuyển:
 - + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Hoá đơn mua hàng; Hoá đơn phí đường bộ; Hoá đơn phí bến bãi; Hóa đơn mua xăng dầu; Bảng ghi nhận hoạt động xe hàng ngày.
 - + Chi phí nhân công trực tiếp: Giấy đề nghị tạm ứng; Bảng chấm công; Bảng tính doanh thu lái xe; Bảng tổng hợp tiền lương lái xe, phụ xe; Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội.
 - + Chi phí sản xuất chung: Các hoá đơn mua hàng hoá vật tư; Phiếu xuất kho; Bảng kê chứng từ xuất kho; Bảng ghi nhận hoạt động xe hàng ngày; Bảng tính và

phân bổ khấu hao tài sản cố định.

- Chi phí mua bán hàng hoá thép, VLXD: Hợp đồng mua hàng hoá; Hóa đơn GTGT

- Chi phí hoạt động tài chính: Hóa đơn thu phí của ngân hàng; Hợp đồng vay nợ; Phiếu chi tiền gửi ngân hàng...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Hóa đơn mua hàng hoá vật tư; Bảng tổng hợp tiền lương nhân viên văn phòng; Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương; Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành như sau: Nhân viên điều hành chuyển “Bảng theo dõi hoạt động xe” cho phụ trách đội xe; phụ trách đội xe chuyển cho lái xe; kết thúc dịch vụ vận chuyển lái xe phải lập “Bảng theo dõi hoạt động hàng ngày” nộp cùng chứng từ gốc (hóa đơn mua xăng dầu, phí cầu phà bến bãi...) cho phụ trách đội xe. Phụ trách đội xe chuyển lên cho phòng kế toán, kế toán kiểm tra, đối chiếu, rồi cập nhật vào Nhật ký chung (Biểu 2.30), Sổ chi tiết các tài khoản chi phí, lưu trữ chứng từ và cuối tháng vào Bảng cân đối số phát sinh, lập Báo cáo tài chính.

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” được chi tiết thành:

TK 6321 “Giá vốn xe công ty”

TK 6322 “Giá vốn xe cộng tác viên”

TK 6323 “Giá vốn hàng hoá ”

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính” được chi tiết thành:

TK 6351 “Chênh lệch lỗ tỷ giá phát sinh trong kỳ”;

TK 6352 “Chi phí lãi vay”: chi tiết theo từng ngân hàng, theo cá nhân.

TK 6354 “Phí chuyển khoản”;

TK 6356 “Lỗ do bán ngoại tệ”.

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản 642 được chi tiết theo các khoản như: chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng văn phòng, chi phí nhân viên văn phòng, cán bộ quản lý....

Ngoài ra trong hạch toán chi phí doanh nghiệp còn sử dụng một số tài khoản khác như TK 133 “Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ”, TK 331 “Phải trả người bán”, TK 334 “Phải trả công nhân viên”, TK 338 “Phải trả phải nộp khác”...

2.2.2.3 *Trình tự hạch toán chi phí tại Công ty*

A - *Giá vốn hàng bán*

❖ **Giá vốn hàng bán “Tài khoản 632”:** do đặc thù hoạt động, Công ty chia ra làm 3 tài khoản cấp 4:

TK 6321 “Giá vốn xe công ty”

TK 6322 “Giá vốn xe cộng tác viên”

TK 6323 “Giá vốn hàng hoá ”

a. *Giá vốn xe công ty*

Doanh nghiệp tính giá vốn theo phương pháp kiểm kê định kì nên hàng ngày kế toán theo dõi chi tiết các tài khoản chi phí: Nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung dùng cho xe công ty. Cuối quý máy tính sẽ tự động kết chuyển sang TK 155, Và từ TK 155 kết chuyển sang TK 6321(do đặc thù kinh doanh Thương mại dịch vụ vận tải nên công ty không có TK 154”chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”)

Để hiểu rõ hơn dựa vào nghiệp vụ phát sinh sau:

(1) Ngày 09/01 Thay bình Ac quy 12V-150 kèm dung dịch H2S04 ở Doanh nghiệp tư nhân Hà Nam, số lượng 2 cái, Đơn giá 1.954.545 đ/cái chưa thuế(thuế suất thuế VAT 10%). Đã trả bằng tiền mặt

Mẫu 2.15 Hóa đơn GTGT số 0012929**HOÁ ĐƠN****GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Ngày 09 tháng 01 năm 2011

Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

Ký hiệu: AX/2011B

Số: **0012929**

Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp tư nhân Hà Nam

Địa chỉ: 40 Khu TT Hóa Chất – Sở Dầu – Hồng Bàng - HP

Số tài khoản:.

Điện thoại.....MS.....0200606013

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty CP TM & DVVT Trọng Khánh

Địa chỉ: km10 Do Nha Tân Tiến An Dương HP

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:..TM.....MS.....0200695091

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Bình Ac quy 12V-150 kèm dung dịch H2SO4	Chiếc	2	1 954 545	3 909 090
Cộng tiền hàng					3 909 090
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			390 910
Tổng cộng tiền thanh toán					4 300 000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn triệu ba trăm ngàn đồng chẵn</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Mẫu 2.16 Phiếu chi số 07**CTY CP TM & DVVT TRỌNG
KHÁNH**

Mã số thuế: 0200695091

Địa chỉ: km10 Do Nha Tân Tiên An

Dương HP

Mẫu số 02 – TT

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC**PHIẾU CHI**

Ngày 09/01/2011

Số : 07

Nợ 6277

Nợ 13311

Có 1111

Người nhận tiền: Anh Quý**Địa chỉ :** Lái xe 7046**Lý do :** Thanh toán tiền sửa xe 7046**Số tiền:** 4 300 000 đồng**Bằng chữ:** Bốn triệu ba trăm ngàn đồng chẵn.**Kèm theo**.....01.....chứng từ gốc**Giấy giới thiệu số:** Ngày.....//

Ngày 09 tháng 01 năm

2011

Thủ trưởng đơn vị
(ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(ký, họ tên)**Thủ quỹ**
(ký, họ tên)**Người nhận tiền**
(ký, họ tên)

(2) Ngày 13/01 mua dầu Diesel 0,05%S của công ty xăng dầu khu vực III, Số lượng 1500lit, đơn giá chưa thuế 9 545,45 đ /lit(VAT10%). Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Mẫu 2.17 Hóa đơn GTGT số 174631**CÔNG TY XĂNG DẦU KHU
VỰC III**

Cửa hàng/Trạm CHXD Quán Toan

ĐT: 031850533, Fax: 031850333

MST: 0200120833 – 1

TK: 003 100 000 1560

Ngân hàng ngoại Thương HP

HÓA ĐƠN GTGT

Liên 2: Khách hàng

Ngày: 13/01/2011

Ca: N/A

Mẫu số: 01

KV3/2011T

Ký hiệu:

KV3/2007T

174631

Người/Đơn vị mua hàng: CT CP TM & DV Vận Tải Trọng KHánh

Địa chỉ: Km 10 Ro Nha Tân Tiến AD HP

Mã số thuế: 0200695091

Chứng từ số: KV3001301-54-061310

Mã quản lí: MNK: 54/Mã giá: 20/Mã Nguồn: 30

Kho xuất: CHKV3001301

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1×2
1	Diesel 0,05%S Ghi chú	060205	LIT	1500	9 545.45	14 318 182
Thuế suất thuế GTGT: 10%			1. Cộng tiền hàng: 2. Tiền thuế GTGT: 3. LPXD: 500đ/lit 4. Tổng cộng tiền thanh toán:			14 318 182 1 431 818 750 000 16 500 000

Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn

Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người mua hàng (ký, họ tên)	Cửa hàng trưởng (ký, họ tên)
---------------------------------	--------------------------------	---------------------------------

(Sử dụng theo CV số 1214 CV/CT-HC-QT-TV-AC ngày 21/08/2007 cục thuế HP)

Mẫu 2.18 Phiếu chi số 13**CTY CP TM & DVVT TRỌNG****Mẫu số 02 – TT****KHÁNH***Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC*

Mã số thuế: 0200695091

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

Địa chỉ: Km10 - Do Nha - Tân Tiến - An

BTC

Dương – Hải Phòng

Số : 13**PHIẾU CHI**

Nợ: 621

Ngày 13 tháng 01 năm 2011

Có: 111

Người lĩnh: Công ty xăng dầu khu vực III

Nội dung: Thanh toán tiền dầu Diesel

Số tiền: 16 500 000 đồng

Viết bằng chữ: *Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.*

Kèm theo: HD 174631

Đã nhận đủ số tiền: *Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.*

Thủ trưởng đơn vị <i>(kí tên, đóng dấu)</i>	Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>

Biểu 2. 8 Sổ chi tiết TK 6211 “Chi phí xăng dầu” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6211

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
...					...	
09/01	174631	Cty xăng dầu KVIII	Chi phí mua dầu Diesel	3313	14 318 182	
...					...	
30/03	KS001		Kết chuyển sang TK155			358.992.708
			Cộng		358.992.708	358.992.708

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Xét nghiệp vụ phát sinh sau: Ngày 14/02 nhận vận chuyển Thép từ Hải Phòng đi Đông Triều/Quảng Ninh cho Công ty CPTM Hải Trường. Do Nguyễn Văn Lư lái. Tiền phí qua cầu phà tổng cộng là 70.000đ. Anh Lư lấy tiền của mình chi trả

Biểu 2.9 Sổ chi tiết TK 6212 “Chi phí cầu phà”(Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6212

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
...					...	
14/02	XC02/11	LX-Nguyễn Văn Lư	Chi phí hoạt động lái xe chi	33412	70.000	
...						
30/03		Kết chuyển	Kết chuyển sang TK155			17.650.000
			Cộng		17.650.000	17.650.000

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Ngày 23/01 Công ty nhận trở thép cho Công ty CP thép Cửu Long từ Hải Phòng đi Hà Nội. Lái xe Lưu Thành Trung cho xe vào bến đi ăn trưa. Chi phí bến bãi là 30.000đ. Anh Trung tự lấy tiền thanh toán

Biểu 2.10 Sổ chi tiết TK 6213 “Chi phí bến bãi” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6213

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
...						...
23/01		LX-Lưu Thành Trung	Chi phí hoạt động lái xe chi	33410	30.000	
...						...
29/02		Kết chuyển	Kết chuyển sang TK155			24.536.000
			Cộng		24.536.000	24.536.000

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.11 Sổ Cái TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TK 621

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
			Số ĐDK			
			Số PS			
...						
09/01	174631	Cty xăng dầu KVIII	Chi phí mua dầu Diesel	3313	14 318 182	
23/01		LX-Lưu Thành Trung	Chi phí hoạt động lái xe chi	33410	30.000	
...						
14/02	XC02/11	LX-Nguyễn Văn Lư	Chi phí hoạt động lái xe chi	33412	70.000	
...						
29/02		Kết chuyển	Kết chuyển sang TK154	154		363.014.357
		Cộng			363.014.357	363.014.357

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

❖ **Chi phí nhân công trực tiếp**

Tại Công ty chi phí nhân công trực tiếp: là các khoản phải trả cho lái xe, phụ xe về các khoản tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN).

Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp

- Đối với lái xe: Cuối tháng từ “Bảng tính lương lái xe” được tính kế toán vào “Bảng tổng hợp tiền lương lái xe” (Biểu 2.12) để tính lương cho lái xe. Căn cứ vào chứng từ đó, kế toán lập “Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội” (Biểu 2.13), nhập dữ liệu vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản 6222 (Biểu 2.14), Sổ cái TK 622 (Biểu 2.15).

- Đối với công nhân sửa chữa: Cuối tháng, căn cứ vào Bảng chấm công, Bảng phân bổ tiền lương và BHXH kế toán vào Nhật ký chung, Sổ chi tiết tài khoản 6221 và Sổ Cái TK 622.

Biểu 2.12 Bảng tổng hợp tiền lương lái xe(Trích quý I năm 2011)**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG LÁI XE**

Quý I năm 2011

XXC 02/014

ST T	Tên lái xe	Tổng CP lái xe chi	Tạm ứng Cho lái xe	Doanh thu Lương lái xe	BHXH, BHYT, KPCĐ, TCTN	LX thực nhận
1	2	3	4	5	(6)=(5)*8.5%	7=3-4+5-6
...		...				
9	Lưu Quốc Anh	600.000	500.000	4.500.000	382.500	4.217.500
10	Phạm Văn Đoàn	1.250.000	800.000	5.250.000	446.250	5.028.750
11	Lưu Thành Trung	900.000	900.000	4.695.000	399.075	4.295.925
11	Nguyễn văn Lư	875.000	1000.000	4.515.000	383.775	4.006.225
...		...				
	Cộng					118.976.000

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.13 Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội(Trích quý I năm 2011)**BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TIỀN LƯƠNG**

Quý I năm 2011

XX02/015

STT	Họ và tên	Phải trả công nhân viên			Khoản trích vào chi phí				
		Lương	Khoản giảm trừ(8.5%)	Thực nhận	BHXH (16%)	BHYT (3%)	KPCĐ (2%)	BHTN (1%)	Cộng
I	Chi phí NCTT								
1.	CN lái xe								
					...		...	...	..
1.9	Lưu Quốc Anh	4.500.000	382.500	4.217.500	674.800	126.525	84.350	42.175	927.850
1.10	Phạm Văn Đoàn	5.250.000	446.250	5.028.750	804.600	150.863	100.575	50.287	1.106.325
1.11	Lưu Thành Trung	4.695.000	399.075	4.295.925	687.348	128.878	85.919	42.959	945.104
1.12	Nguyễn văn Lư	4.515.000	383.775	4.006.225	640.996	120.187	80.124	40.062	881.369
					...		...	...	..
	Cộng								
II	Chi phí quản lí doanh nghiệp								
2.1	Vũ Thị Thảo	3.500.000	297.500	3.202.500	512.400	96.075	64.050	32.025	704.550
					...		...	...	..
	Cộng								

Người lập
(ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm...
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.14 Sổ Chi tiết TK 6222 “Chi phí lương lái xe” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TK 6222

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
...						
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí lương	3349	4.500.000	
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí BHXH	3383	674.800	
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí BHYT	3384	126.525	
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí KPCĐ	3382	84.350	
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí BHTN	3389	42.175	
...						
28/02		Kết chuyển sang TK 154		154		118.976.000
		Cộng			118.976.000	118.976.000

Biểu 2.15 Sổ Cái TK 622 “Chi phí nhân công trực tiếp” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TK 622

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
			Số ĐDK			
			Số PS			
...						...
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí lương	3349	4.500.000	
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí BHXH	3383	674.800	
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí BHYT	3384	126.525	
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí KPCĐ	3382	84.350	
28/02	XX02/015	LX-Lưu Quốc Anh	Chi phí BHTN	3389	42.175	
28/02	XX02/015	LX-Nguyễn văn Lư	Chi phí Lương	3342	4.515.000	
28/02	XX02/015	LX-Nguyễn văn Lư	Chi phí BHXH	3383	640.996	
28/02	XX02/015	LX-Nguyễn văn Lư	Chi phí BHYT	3384	120.187	
28/02	XX02/015	LX-Nguyễn văn Lư	Chi phí KPCĐ	3382	80.124	
28/02	XX02/015	LX-Nguyễn văn Lư	Chi phí BHTN	3389	40.062	
...					...	...
28/02	KS002	Kết chuyển sang TK 154		155		210.456.000
			Cộng PS		210.456.000	210.456.000
			Số DCK			

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

❖ **Chi phí sản xuất chung**

Tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh, chi phí sản xuất chung được chi tiết thành chi phí lái xe, chi phí đội xe, chi phí hoạt động.

- *Chi phí lái xe*: Căn cứ vào các Hoá đơn điện thoại, Hoá đơn sửa xe do lái xe chi, các Hoá đơn bằng tiền khác, Bảng kê chứng từ xuất kho (Biểu 2.16), kế toán cập nhật trên Nhật ký chung và Sổ chi tiết TK 6271 “Chi phí sản xuất chung - lái xe” (Biểu 2.17).

- *Chi phí đội xe*: Căn cứ vào các Hoá đơn điện, nước sinh hoạt chi cho đội xe, chi phí thuê bãi đỗ xe kế toán cập nhật vào Nhật ký chung và Sổ chi tiết TK 6272 “Chi phí đội xe” (Biểu 2.18).

- *Chi phí hoạt động*: Căn cứ vào Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Biểu 2.28), Hoá đơn chi phí sửa xe do công ty chi, Hợp đồng bảo hiểm xe, Hoá đơn chi phí khác liên quan đội xe kế toán cập nhật vào Nhật ký chung và Sổ chi tiết TK 6273 “Chi phí hoạt động” (Biểu 2.19)

+ Công ty có quy định khoán một số loại chi phí cho từng lái xe như:

<i>Tên loại chi phí</i>	<i>Số tiền khoán / 1 tháng / 1 nhân viên</i>
1. Chi phí điện thoại di động	250.000 đồng
2. Tiền ăn trưa	300.000 đồng
....	

Nếu vượt quá định mức này, lái xe phải tự chi trả trực tiếp hoặc trừ vào lương trong tháng.

- Đối với các vật tư xuất dùng phục vụ cho hoạt động sửa chữa và bảo dưỡng xe, công ty áp dụng phương pháp giá thực tế bình quân cuối kỳ trước để tính giá trị vật liệu xuất trong kỳ.

Công thức:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn kho đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}$$

Với phương pháp Kê khai thường xuyên, hàng ngày căn cứ vào các Phiếu xuất kho (Mẫu 2.19) kế toán lập Bảng kê chứng từ xuất kho (Biểu 2.16) và lên Sổ chi tiết TK 6271 (Biểu 2.17).

Mẫu 2.19 Phiếu xuất kho**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 03 tháng 02 năm 2011

Số ...

Nợ TK 6273

Có TK 1523

Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Minh Quang

Địa chỉ: Tổ xe 1.

Lý do xuất kho:

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Dầu Mobil (1300 15W40)	Lit	8,5	27.098	230.333
	Cộng		8,5		230.333

Tổng số tiền (bằng chữ): Hai trăm ba mươi ngàn ba trăm ba mươi ba đồng

Người nhận

Thủ kho

Ngày 03 tháng 02 năm
2011

Kế toán trưởng

Biểu 2.16 Bảng kê chứng từ xuất kho

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ XUẤT KHO
Tháng 02 năm 2011

XXC02/007

STT	CT Ngày	Số xe	Tên lái xe	Tên vật tư	TK Có	Đơn vị	Lượng X	Giá X	Tiền X	Ghi chú
...	...	...		...	...	...	...	...	...	...
04	03/02	16LD-2394	Nguyễn Minh Quang	Dầu Mobil (1300 15W40)	1523	lit	8,5	27.098	230.333	
05	04/02	16LD-2394	Nguyễn Minh Quang	Nhíp số 2 xe County	1524	cái	1	265.000	265.000	
	16LD-2394 Tổng								495.333	
06	04/02	16LD-2399	Nguyễn Văn Đại	Phốt may ơ trước xe County	1524	cái	2	15.000	30.000	
06	04/02	16LD-2399	Nguyễn Văn Đại	Dầu phanh	1524	hộp	1	40.800	40.800	
06	04/02	16LD-2399	Nguyễn Văn Đại	Bi may ơ County	1524	vòng	1	240.000	240.000	
06	04/02	16LD-2399	Nguyễn Văn Đại	Cúp pen phanh bánh sau xe C	1524	cái	2	9.000	18.000	
	16LD-2399 Tổng								328.800	
...	...	...		...	...	...	...	...	...	...
Tổng									...	

Người lập

Ngày ...tháng ... năm ...
Kế toán trưởng

Biểu 2.17 Sổ chi tiết TK 6271 “Chi phí sản xuất chung – lái xe” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6271

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ Số	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
...						...
03/02	XXC02/007	LX-Nguyễn Minh Quang	Xuất dùng dầu Mobil	1523	230.333	
06/02	PKT02/010	LX-Phan Ngọc Xa	Chi phí điện thoại	111	200.000	
...		...	...			
16/02	PKT02/067	LX-Hoàng Anh Tuấn	Chi phí rửa xe	111	80.000	
...		...	...			
28/02		Kết chuyển	6271-->155			15.657.812
			Cộng		15.657.812	15.657.812

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.18 Sổ chi tiết TK 6272 “Chi phí sản xuất chung - Đội xe” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6272

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
...						...
23/02	PKT02/095	Đội xe A	Thanh toán tiền điện nước sinh hoạt đội A	111	420.000	
...	...					
28/02			Kết chuyển sang TK155			44.151.680
			Cộng		44.151.680	44.151.680

Biểu 2.19 Sổ chi tiết TK 6273 “Chi phí hoạt động” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6273

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
...						...
04/02	PKT02/008	Cty may Nhà Bè	Thanh toán tiền may đồng phục LX	3318	875.000	
...						...
28/02	XXC02/016	Xe Matis 29 LD4652	Chi phí khấu hao xe	2141	1.013.298	
28/02			Kết chuyển sang TK155			7.022.640
			Cộng		7.022.640	7.022.640

Máy tính tự động cập nhật vào Sổ Cái TK 627 (Biểu 2.20)

Biểu 2.20 Sổ Cái TK 627 “Chi phí sản xuất chung” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TK 627

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ Số	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
...						...
03/02	XXC02/007	LX-Nguyễn Minh Quang	Xuất dùng dầu Mobil	1523	230.333	
04/02	PKT02/008	Cty may Nhà Bè	Thanh toán tiền may đồng phục LX	3318	875.000	
06/02	PKT02/010	LX-Phan Ngọc Xa	Chi phí điện thoại	111	200.000	
...					...	...
23/02	PKT02/095	Đội xe A	Thanh toán tiền điện nước đội A	111	420.000	
...	...	...		...		
28/02			Kết chuyển sang TK 155			66.832.132
			Cộng		66.832.132	66.832.132

❖ **Tổng hợp chi phí kinh doanh dịch vụ vận chuyển**

Công ty sử dụng TK 155 “Thành phẩm” để tổng hợp chi phí liên quan đến cung ứng dịch vụ vận chuyển.

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung hạch toán chi phí vào TK 155 và phản ánh giá thành thực tế của sản phẩm dịch vụ vận chuyển đã thực hiện trong kỳ sang TK 6321 “Giá vốn xe công ty” (Biểu 2.22)

Biểu 2.21 Sổ Cái TK 155 “Thành phẩm” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 154

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số			Nợ	Có
30/03	KS001	Kết chuyển 621→155	621	401.178.708	
30/03	KS001	Kết chuyển 622→155	622	210.456.000	
30/03	KS001	Kết chuyển 627→155	627	66.832.132	
30/03	KS002	Kết chuyển 155→6321	6321		678.466.840
			Cộng	678.466.840	678.466.840

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)**Biểu 2.22 Sổ chi tiết TK 6321 “Giá vốn xe công ty” (Trích quý I năm 2011)**

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6321

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số			Nợ	Có
30/03	KS002	Kết chuyển 155→6321	154	678.466.840	
30/03	KS003	Kết chuyển 6321→911	911		678.466.840

			Cộng		678.466.840	678.466.840
--	--	--	-------------	--	--------------------	--------------------

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)**b. Giá vốn xe công tác viên**

Khi nhu cầu vận chuyển nhiều mà doanh nghiệp không đáp ứng hết được, Công ty làm hợp đồng vận chuyển(Mẫu 2.7) với xe Công tác viên và Phiếu đặt xe công tác viên(Mẫu 2.5). Khi đó giá vốn xe công tác viên chính bằng giá chưa thuế ghi trên Hóa đơn GTGT(Mẫu 2.8)

Biểu 2.23 Sổ chi tiết TK 6322 “Giá vốn xe công tác viên ” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6322

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số			Nợ	Có
....					
30/03	KS002	Kết chuyển 155→6321	15	176.437.500	
30/03	KS003	Kết chuyển 6321→911	911		176.437.500
		Cộng		176.437.500	176.437.500

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)**c. Giá vốn hàng bán(thép, VLXD)**

Công ty chỉ nhập Thép, VLXD với số lượng vừa đủ, không nhập kho mà thường xuất trực tiếp cho khách hàng, do đó giá vốn hàng hoá được tính dựa trên giá mua của hoá đơn mua hàng gần nhất và số lượng hàng hóa xuất dùng trên Bảng kê chứng từ xuất hàng hoá.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào Hoá đơn mua hàng (Mẫu 2.20), Bảng kê
Sinh viên: Trần Thị Nga_ Lớp QT1102K

chứng từ nhập hàng hoá (Biểu 2.24) để vào Sổ chi tiết TK 6323 (Biểu 2.25) và Sổ Cái TK 632 (Biểu 2.26)

Biểu 2.24 Bảng kê chứng từ nhập hàng hoá (Trích quý I năm 2011)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NHẬP HÀNG HOÁ

Quý I năm 2011

KN02/032

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng	Chứng từ số	Tên hàng hóa	Khách hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá xuất	Thành tiền	Người nhận hàng (ký)
...	...	...	...	...	...	...	...	...
21/02	058945	Thép góc	Cty CPTM Hải Trường	Kg	1.540	16.000	24.640.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng		...		365.300.000	

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Mẫu 2.20 Hoá đơn mua hàng hoá**HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 20 tháng 02 năm 2011

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

Ký hiệu: BH/2011B

Số: 009316

Đơn vị bán hàng: Công ty CP thép Việt Nhật

Địa chỉ: km9 -Quốc lộ 5 -Hồng Bàng -Hải Phòng

Điện thoại: 0313. 749998 Mã số thuế: 0200289981

Họ tên người mua hàng: Công ty CP TM & DV vận tải Trọng Khánh

Địa chỉ: Km10- Ro Nha- Tân Tiến -An Dương- Hải Phòng

Hình thức thanh toán: k/c Mã số thuế: 0800290724

ST T	Tên hàng hoá dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Thép góc	kg	1.540	16.000	24.640.000
Cộng tiền hàng:					24.640.000
Thuế suất: 10 %		Tiền thuế GTGT:			2.464.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					27.104.000

Số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu một trăm linh bốn ngàn đồng chẵn

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2.25 Sổ chi tiết TK 6323 “Giá vốn hàng hoá thép, VLXD” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6323

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
...	...			...		
21/02	KN02/032	Cty CP thép Việt Nhật	Giá vốn thép gốc	1317	24.640.000	
...	...			...		
28/02		Kết chuyển 6323→911		911		675.864.000
		Cộng			675.864.000	675.864.000

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu 2.26 Sổ Cái TK 632 “Giá vốn hàng bán” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
30/03	KS002	Kết chuyển giá vốn xe công ty		155	678.466.000	
30/03	KS002	Kết chuyển giá vốn xe cộng tác viên		155	176.437.500	
30/03	KS002	Kết chuyển giá vốn hàng bán		155	675.864.000	
28/02	KS006	Kết chuyển 632→911		911		1.530.768.340
			Cộng		1.530.768.340	1.530.768.340

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)**B - Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính tại công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay các ngân hàng, chi phí chuyển tiền tại ngân hàng, vay cá nhân; lỗ do chênh lệch tỷ giá... Căn cứ vào các chứng từ gốc như Hóa đơn thu phí của ngân hàng (Mẫu 2.21) kế toán lập Phiếu chi tiền gửi ngân hàng (Mẫu 2.22) để cập nhật vào Nhật ký chung, Sổ chi tiết và Sổ cái TK 635 (Biểu 2.27)

Mẫu 2.21 Hoá đơn thu phí của ngân hàng

MSB Ngân hàng TMCP hàng hải Việt Nam	HOÁ ĐƠN THU PHÍ VAT RECEIPT	Số (No.) 0060866751 Ngày 21/02/2011 (date) Giờ (time)
Chi nhánh (Branch name): Chi nhánh Hải Phòng Mã số thuế (Branch VAT code): 0200124891		
Mã số khách hàng: Công ty cổ phần TM & DV vận tải Trọng Khánh 00035793 Client No.		
SốTK/TênTK: Ông Nguyễn Mạnh Quý 00570406003004 RB A/C No / A/C Name		
Loại phí: Doanh nghiệp chuyển tiền ra ngoài hệ thống Service charge type		
Số tiền tính phí: 200.000.000 VND (Base amount to calculate charge)		
Nội dung: Narrative		
Số tiền bằng chữ: Credit amount in words	Số tiền (Debit amount in figures): 4.400 VND	
Bốn ngàn bốn trăm đồng		
Phí dịch vụ: 4.000 VND (Charge amount)		
VAT (Tỷ lệ thuế GTGT): 400 VND 10% (VAT amount & rate)		
GIAO DỊCH VIÊN/NV NGHIỆP VỤ User ID GDVC23274	KIỂM SOÁT Override user ID KSV23111	

Mẫu 2.22 Phiếu chi tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

Liên số: 1

Số phiếu: UVI02/011

Tài khoản Có: 11212

PHIẾU CHI TIỀN GỬI NGÂN HÀNG*Ngày 21 tháng 02 năm 2011*

Người nhận

tiền: NHQT – Ngân hàng Quốc tế

Đơn vị: VIB – CN Đồng Đa

Địa chỉ: TT phí kiểm đếm món tiền CK 200.000.000 sang NH Nông

Về khoản: Nghiệp

Kèm theo: 01 Chứng từ gốc

Nội dung	Tài khoản	Số tiền
TT phí kiểm đếm món tiền CK 200.000.000 sang NH Nông Nghiệp	6354 – Phí chuyển khoản	4.400

Tổng cộng số tiền: 4.400

Thuế:

Tổng cộng số tiền: 4.400

*Tổng số tiền (Bằng chữ): Bốn nghìn bốn trăm đồng chẵn***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, họ tên)***NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, họ tên)**Ngày 21 tháng 02 năm 2011***NGƯỜI NHẬN TIỀN***(Ký, họ tên)*

Biểu 2.27 Sổ Cái TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số				Nợ	Có
...						...
21/02	VUI02/011	Ngân hàng MSB	Chi phí chuyển khoản	11212	4.400	
22/02	PKT02/074	KH- Nguyễn Mạnh Quý	Chi phí Lãi vay cá nhân	111	700.000	
...						...
29/02		Kết chuyển	635→911	911		74.870.000
			Cộng		74.870.000	74.870.000

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)**C - Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty bao gồm các chi phí liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả công ty mà không tách riêng được cho bất kỳ hoạt động nào.

Hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí phát sinh tại văn phòng công ty trong quá trình điều hành. Các chi phí này phát sinh không phụ thuộc vào hoạt động xe mà được tập hợp riêng trên TK 642 và được chi tiết thành:

- Chi phí lương và các khoản trích theo lương của nhân viên văn phòng và cán bộ quản lý;
- Chi phí tiện ích (các chi phí điện nước sinh hoạt, phí nổi mạng...);
- Chi phí đồ dùng văn phòng;
- Chi phí bảo trì, sửa chữa, khấu hao TSCĐ;
- Chi phí khác bằng tiền.

Biểu 2.28 Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Trích quý I năm 2011)

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ
Quý I năm 2011

XX02/016

Thẻ TSCĐ	Tên tài sản	Ngày khấu hao	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế đầu kỳ	Giá trị KH trong kỳ	Hao mòn lũy kế cuối kỳ
	Nhà cửa, vật kiến trúc					
NC1	1. Văn Phòng làm Việc	01/01/11	469.570.000	34.346.900	5.869.625	40.216.525
...		...	...	...	...	...
	Cộng		...	...	...	...
	Máy móc thiết bị					
MPT1	1. Máy phôi tô	01/01/11	10.320.000	3.574.334	134.333	3.708.667
MVT1	1. Máy tính laptop	01/01/11	18.720.000	5.571.428	222.857	5.794.285
...		...	...	...	...	...
	Cộng		...	...	...	...
	Phương tiện vận tải					
XE1	1. Xe Matis 4 chỗ 29LD4652	01/01/11	145.915.000	25.332.466	1.013.298	26.345.764
...		...	...	...	...	...
	Cộng		...	...	...	...
	Tổng cộng		2.586.230.000	635.345.600	84.587.000	719.932.600

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quy trình ghi sổ như sau: Kế toán cập nhật chứng từ gốc như Bảng phân bổ lương và BHXH cho nhân viên văn phòng (Biểu 2.13), Bảng tính khấu hao tài sản cố định (Biểu 2.28), Hoá đơn mua hàng, Hoá đơn dịch vụ bưu chính (Mẫu 2.23) ... vào Phiếu kế toán tổng hợp (Mẫu 2.24) trên phần mềm kế toán, máy tính tự động cập nhật số liệu vào Sổ Nhật ký mua hàng, Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.30). Sau đó máy tính tự động vào Sổ chi tiết và Sổ Cái TK 642 (Biểu 2.29)

Mẫu 2.23 Hoá đơn dịch vụ bưu chính

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: BH/2011T

Quyển số: 02043

Số: 0102120

Đơn vị bán hàng: **Tổng công ty viễn thông quân đội Viettel**

Địa chỉ: Số 01 Giang Văn Minh - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04 2.660.308

Mã số thuế: 0100109106-002

Họ tên người gửi: Công ty CP TM & DV vận tải Trọng Khánh

Mã số thuế: 0200695091

Địa chỉ: Km10 Ro Nha Tân Tiến An Dương Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt.

Tời gian tính cước: 12

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	Cước dịch vụ thông tin di động	1.638.000
Cộng tiền hàng:		1.638.000
Thuế suất: 10%	Tiền thuế GTGT:	163.800
Tổng cộng tiền thu:		1.801.800

Số tiền bằng chữ: Một triệu tám trăm linh một nghìn tám trăm đồng

Ngày 22 tháng 02 năm
2011

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Giao dịch viên
(Ký, họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Mẫu 2.24 Phiếu kế toán tổng hợp

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP <i>Ngày 22 tháng 02 năm 2011</i> <i>Số phiếu:</i> PKT02/072				
Nội dung	Tài khoản	Vụ việc	PS Nợ	PS Có
Chi phí dịch vụ thông tin di động	6423		1.638.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	1331		163.800	
Chi phí cước CPN T01/08	3318			1.801.800
Cộng			1.801.800	1.801.800
<i>Bằng chữ: Một triệu tám trăm linh một nghìn tám trăm đồng chẵn.</i> Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i> <i>Ngày... tháng... năm...</i> Người lập biểu <i>(ký, họ tên)</i>				

Biểu 2.29 Sổ Cái TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ Số	Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
...						...
22/02	PKT02/072	Cty TNHH Viettel	Cước dịch vụ thông tin	3318	1.638.000	
...						...
28/02	XX02/015	NV-Vũ Thị Thảo	Chi phí lương	3343	3.500.000	
28/02	XX02/015	NV-Vũ Thị Thảo	Chi phí BHXH	3383	560.000	
28/02	XX02/015	NV-Vũ Thị Thảo	Chi phí BHYT	3384	105.000	
28/02	XX02/015	NV-Vũ Thị Thảo	Chi phí KPCĐ	3382	70.000	
28/02	XX02/015	NV-Vũ Thị Thảo	Chi Phí BHTN	3389	35.000	
28/02	XX02/016	NV-Vũ Thị Thảo	Chi phí khấu hao	2141	222.857	
...						...
28/02	KS008	Kết chuyển	642→911	911		154.735.000
			Cộng		154.735.000	154.735.000

Biểu 2.30 Sổ Nhật ký chung(Trích quý I năm 2011)

Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng
CÔNG TY TM & DVVT TRỌNG KHÁNH

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Quý I năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		LOẠI CT	DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
						
03/02	007	XXC	Chi phí sản xuất chung Nguyên vật liệu Xuất dùng dầu Mobil	6271 1523	230.333	230.333
.....	...					
04/02	008	PKT	Chi phí sản xuất chung Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ Tiền Việt Nam Thanh toán tiền may đồng phục lái xe	6273 133 111	875.000 87.500	962.500
.....	...					
06/02	010	PKT	Chi phí sản xuất chung Tiền Việt Nam Chi phí điện thoại cho LX	6271 111	200.000	200.000
.....	...					
21/02	011	VUI	Chi phí tài chính Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ Tiền gửi ngân hàng Chi phí chuyển khoản NH MSB	635 133 11212	4.400 440	4.840
.....	...					
22/02	102120	HĐ	Chi phí quản lý doanh nghiệp Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ Phải trả người bán Chi phí dịch vụ thông tin di động	6423 1331 3318	1.638.000 163.800	1.801.800
.....	...					
23/02	095	PKT	Chi phí sản xuất chung Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ Tiền Việt Nam Thanh toán điện nước sinh hoạt	6272 133 111	420.000 42.000	462.000
.....	...					
28/02	02	TH	Chi phí nhân công trực tiếp Lương phải trả CNV Tính lương phải trả CNV	622 334	210.456.000	210.456.000

28/02	03	TH	Chi phí nhân công trực tiếp Lương phải trả CNV Chi phí phải trả khác Các khoản trích theo lương	622 334 338	52.614.000 17.888.760	64.189.080
.....	...					
28/02	001	KS	Chi phí NVL trực tiếp Chi phí NCTT Chi phí sản xuất chung Chi chí SX kinh doanh dở dang Kết chuyển CP SX KDDD	621 622 627 154	401.178.708 210.456.000 66.832.132	678.466.840
28/02	002	KS	Giá vốn hàng bán Chi chí SX kinh doanh dở dang Kết chuyển GVHB	632 154	1.530.768.340	1.530.768.340
.....	...					
30/03	05	TH	Chi phí quản lí DN Khấu hao TSCĐ Trích khấu hao TSCĐ	642 214	84.587.000	84.286.489
.....	...					
			Cộng chuyển trang sau			
			...			...
			Tổng cộng			

2.2.3 Hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

2.2.3.1 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty được xác định dựa trên kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết quả đó được tính bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với một bên là giá vốn hàng tiêu thụ và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

$$\begin{array}{rclclcl}
 \text{Kết quả kinh} & = & \text{Doanh thu} & + & \text{Doanh thu} & + & \text{Doanh thu bán} \\
 \text{doanh} & & \text{xe công ty} & & \text{xe cộng tác viên} & & \text{hàng} \\
 & + & \text{Doanh thu} & - & \text{Giá vốn xe công ty} & - & \text{Giá vốn xe cộng} \\
 & & \text{tài chính} & & & & \text{tác viên} \\
 & - & \text{Giá vốn} & - & \text{Chi phí tài chính} & - & \text{Chi phí quản lý} \\
 & & \text{hàng hóa} & & & & \text{doanh nghiệp}
 \end{array}$$

Việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty được tiến hành vào cuối mỗi tháng, dựa trên Báo cáo hoạt động kinh doanh, kế toán trưởng tập hợp số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh quý và năm của toàn công ty.

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty

❖ Chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng trong hạch toán xác định kết quả kinh doanh là tất cả các chứng từ liên quan đến doanh thu, chi phí ở các phần hành trên và các chứng từ khác như Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”:

Công ty không xác định kết quả kinh doanh riêng cho từng hoạt động mà kết chuyển chung vào TK 911.

Tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”:

Tài khoản 421 được chi tiết theo lợi nhuận chưa phân phối năm trước và lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

Trong quá trình xác định kết quả kinh doanh kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như: TK 131, TK 111, TK 333, TK 821....

2.2.3.3 Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh hiện nay tiến hành xác định kết quả kinh doanh chung cho tất cả các loại hoạt động kinh doanh trong Công ty theo tháng. Kết quả kinh doanh của Công ty được xác định bằng cách kết chuyển toàn bộ doanh thu thuần và giá vốn của các dịch vụ cung cấp của xe công ty, xe cộng tác viên và dịch vụ hàng hoá cùng với chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính sang TK 911. Chênh lệch giữa bên Nợ và bên Có của TK 911 sẽ là lãi hoặc lỗ của hoạt động kinh doanh và được kết chuyển sang Sổ chi tiết và Sổ Cái TK 421 (Biểu 2.32). Quá trình này diễn ra như sau: Từ các sổ Cái của các tài khoản có liên quan, máy tính sẽ tự động cập nhập và kết chuyển vào sổ cái tài khoản 911 và sổ cái TK 421 khi kế toán chọn bút toán kết chuyển. Để xem sổ cái TK 911, 421 từ màn hình chính, chọn “Tổng hợp kinh doanh”, chọn “sổ cái tài khoản”, xuất hiện hộp thoại “danh mục tài khoản”, chọn TK 911, 421, nhấn “OK”, xuất hiện hộp thoại “kỳ phát sinh”, chọn “cả quý”, sau đó nhập Quý I/2011, nhấn “OK”, sẽ xuất hiện “Sổ cái tài khoản

911”(Biểu số 2.60) và “Sổ cái tài khoản 421”. Kết thúc kế toán nhân “Thoát” để thoát khỏi màn hình hiện tại.

Biểu 2.31 Sổ cái TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH
SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh trong kỳ			
30/03	KS004	Kết chuyển doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	511		2.105.392.454
30/03	KS005	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		4.574.300
30/03	KS003	Kết chuyển GVHB	632	1.530.768.340	
30/03	KS006	Kết chuyển chi phí tài chính	635	74.870.000	
30/03	KS007	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	154.735.000	
30/03	KS008	Kết chuyển lãi	4212	349.593.414	
		Cộng phát sinh		2.109.966.754	2.109.966.754
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.32 Sổ cái TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” (Trích quý I năm 2011)

CÔNG TY CP TM & DV VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 421

(Quý I năm 2011)

Đơn vị: Đồng

Ngày	Chứng từ	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
	Số			Nợ	Có
		Số ĐDK			<u>542.876.000</u>
		Số PS			
...					...
30/03	KS008	Kết chuyển lãi	911		349.593.414
		Cộng phát sinh		331.870.000	349.593.414
		Số dư cuối kỳ			<u>560.599.414</u>

Biểu 2.33 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.105.392.454
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	2.105.392.454
4. Giá vốn hàng bán	11	1.530.768.340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	574.624.114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.574.300
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	74.870.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	154.735.000
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25)	30	349.593.414
10. Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50	349.593.414
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành(25%)	51	87.398.354
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	262.195.060

2.3 NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

2.3.1 Những kết quả đạt được trong công tác kế toán tại Công ty

2.3.1.1 Về bộ máy kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán có 4 nhân viên khá trẻ năng động sáng tạo, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng người. Đặc biệt kế toán trưởng của công ty là người dày dặn kinh nghiệm trong nghề, hiểu sâu rộng về chế độ kế toán tài chính, am hiểu về nghiệp vụ ngoại thương, thường xuyên nắm bắt những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong định hướng phát triển ngành thương mại vận tải nên đã đảm bảo đáp ứng tốt các yêu cầu của lãnh đạo công ty tránh những bất lợi cho công ty trong kinh doanh. Đồng thời kế toán trưởng cũng là người luôn luôn học hỏi và không ngừng mở rộng kiến thức cho mình về cả chuyên môn lẫn khả năng quản lý.

Các công việc kế toán cũng được phân công một cách cụ thể, do đó giúp cho công tác kế toán được chuyên môn hoá cao, tạo điều kiện cho mỗi người đi sâu hơn vào việc nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của mình và phát huy thế mạnh của từng người làm cho công tác kế toán đạt kết quả cao. Hơn nữa công ty tổ chức công tác kế toán theo mô hình tập trung nên có thể đối chiếu công việc giữa các nhân viên, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc kế toán tổng hợp và lập Báo cáo tài chính. Tuy là mỗi người phụ trách một mảng công việc nhưng sau một vài năm thì các nhân viên đôi phần hành cho nhau.

Trong điều kiện hội nhập hiện nay, công nghệ thông tin đã trở thành một công cụ hữu hiệu không thể thiếu đối với công việc đặc biệt là kế toán với nhiều con số và những phép tính. Nhận thức được điều này từ khi thành lập công ty đã đưa hệ thống máy tính nối mạng vào sử dụng trong công tác quản lý tài chính nói chung và trong công tác kế toán nói riêng.

Thành công của công ty hiện nay không thể không nói đến sự đóng góp đáng kể của công tác kế toán máy. Công ty sử dụng phần mềm kế toán CASH do vậy mỗi một phân hệ nghiệp vụ đã có sẵn các chứng từ cho người sử dụng. Tùy theo tính chất nghiệp vụ mà người sử dụng chọn loại chứng từ cho phù hợp. Khi có

ng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán của phần hành đó có trách nhiệm cập nhật chứng từ đó vào máy. Mỗi loại chứng từ có màn hình cập nhật dữ liệu khác nhau với yếu tố phù hợp với loại nghiệp vụ đó.

2.3.1.2 Về hệ thống chứng từ

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh đã áp dụng khá đầy đủ hệ thống chứng từ theo chế độ kế toán hiện hành (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC). Việc lập và luân chuyển chứng từ được tiến hành nhanh gọn, hợp lý, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ. Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận với đầy đủ các thiết bị lưu trữ (tủ đựng, file, máy vi tính...).

2.3.1.3 Về hệ thống tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản của đơn vị áp dụng theo đúng quy định của Bộ Tài chính, đồng thời Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh đã quy định chi tiết một số tài khoản cho phù hợp với đặc thù của ngành thương mại, dịch vụ vận chuyển. Công ty đã áp dụng đầy đủ các tài khoản trong và ngoài bảng, ngoài ra còn chi tiết đến tài khoản cấp 4, cấp 5 tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phục vụ cho việc quản lý tài sản chặt chẽ, tiết kiệm chi phí và kinh doanh hiệu quả.

2.3.1.4 Về hệ thống sổ sách kế toán

Công ty áp dụng ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung với sự trợ giúp của máy vi tính. Việc áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ là rất phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, đặc biệt kết hợp với việc sử dụng máy vi tính đã góp phần làm tăng năng suất lao động và giảm bớt khối lượng công việc cho phòng kế toán. Việc cài đặt phần mềm trên máy trong công tác kế toán là sự thay đổi phù hợp với tình hình mới, một sự đầu tư đúng đắn và hợp thời. Nhờ đó mà công tác ghi sổ, lập báo cáo và lưu trữ số liệu kế toán được đơn giản hóa, đồng thời tránh được sự trùng lặp số liệu vì số liệu chỉ cần được cập nhật một lần vào máy vi tính từ chứng từ gốc. Đồng thời nó cho phép hoàn thiện được một khối lượng lớn công việc trong một thời gian khá ngắn với độ chính xác cao hơn. Thêm vào đó, việc nối mạng internet đã giúp cho công ty có thể khai thác được các thông tin quan trọng, cập nhật hoá thông tin về thị trường, giá cả, tỷ giá ngoại tệ... phục

vụ đặc lực cho hoạt động dịch vụ vận chuyển phục vụ khách du lịch.

Về Báo cáo tài chính: Công ty không chỉ hoàn thiện các báo cáo tài chính đúng theo quy định của Nhà nước mà còn quy định thêm các báo cáo phục vụ cho mục đích quản trị doanh nghiệp.

2.3.1.5 Về hạch toán doanh thu tại công ty

Công ty đã hạch toán được chi tiết về doanh thu của hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển cho xe công ty, xe cộng tác viên và hoạt động kinh doanh hàng hoá. Việc chia tách doanh thu dịch vụ vận chuyển và doanh thu hàng hoá cũng như việc chi tiết doanh thu theo từng loại xe đã thể hiện công tác kế toán theo dõi doanh thu tại công ty là khá chặt chẽ và phần nào đáp ứng được nhu cầu của nhà quản lý.

2.3.1.6 Về hạch toán chi phí tại công ty

Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh đã tập hợp chi phí hoạt động dịch vụ vận chuyển theo mức tiêu hao nhiên liệu, phí cầu phà bên bãi, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Bên cạnh đó, công ty còn hạch toán riêng chi phí hàng hoá và chi phí tài chính. Như vậy công tác theo dõi về chi phí khá chi tiết, thể hiện sự quản lý về việc sử dụng nguồn tài sản của Công ty là tương đối chặt chẽ.

2.3.2 Một số hạn chế còn tồn tại

2.3.2.1 Về bộ máy kế toán

Một hạn chế lớn nhất trong công tác tổ chức bộ máy kế toán là mặc dù được trang bị máy vi tính cho công tác kế toán đơn giản, nhưng do khối lượng công việc quá lớn, nên chỉ với 4 nhân viên kế toán phải làm việc quá tải. Để hoàn thành công việc, các nhân viên kế toán liên tục phải làm thêm giờ do đó ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần, sức khoẻ của họ và tác động làm giảm năng suất lao động. Do đó, công ty nên tuyển thêm một số kế toán nữa, đặc biệt là kế toán về phần hành chi phí (chi phí lái xe, chi phí lương) và phân ra chi tiết về kế toán thanh toán; kế toán lương; kế toán tiêu thụ, công nợ phải thu; kế toán vật tư, công nợ phải trả; kế toán thuế, TSCĐ, thống kê; thủ quỹ; kế toán quản trị. Hơn nữa, tuy được trang bị máy tính nối mạng nhưng chất lượng các máy tính này chưa tốt, hay bị hỏng, phần mềm kế

toán lại hay bị lỗi khi công việc cần thiết tất cả kế toán cần phải sử dụng, điều này đã gây cản trở tốc độ làm việc và giảm hiệu quả công việc của kế toán.

2.3.2.2 Về hệ thống chứng từ

Thực tế hệ thống chứng từ trong công tác kế toán tại doanh nghiệp hiện nay vẫn còn có nhiều mặt tồn tại đáng quan tâm như: Các chứng từ ban đầu, hệ thống tài khoản vận dụng tại doanh nghiệp cũng như sổ sách kế toán chưa phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các nhân viên, số liệu kế toán còn mang nặng tính thủ công và tốn sức người, sức của, phản ánh thông tin còn chậm, không mang lại hiệu quả kinh tế cao, việc đối chiếu sổ còn gặp nhiều khó khăn....

2.3.2.3 Về hệ thống sổ sách kế toán

Công ty áp dụng ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung với sự trợ giúp của máy vi tính với phần mềm CASH. Song vẫn còn những mặt tồn tại trong phần mềm này mà Công ty chưa khắc phục được theo quy định của Bộ tài chính: mẫu sổ Cái chỉ có cột Ngày ghi sổ, không có Ngày trong cột Chứng từ. Như vậy, việc theo dõi chứng từ trong sổ không rõ ràng, tương đối khó khăn, Ngoài ra, nội dung ghi chép diễn giải các nghiệp vụ vẫn sơ xài,..

Chương 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI TRỌNG KHÁNH

Ngành giao thông vận tải nước ta trong những năm gần đây đang trên đà phát triển mạnh mẽ và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng trong thu nhập kinh tế quốc dân. Từng bước đi lên theo xu hướng phát triển của nền kinh tế nước nhà, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh đã không ngừng đưa ra các biện pháp nhằm tăng sức cạnh tranh như giảm chi phí, hạ giá thành nhưng vẫn luôn giữ vững và nâng cao uy tín chất lượng sản phẩm dịch vụ. Muốn làm được điều đó, công ty cần phải có một bộ máy kế toán được tổ chức hợp lý và hoạt động có hiệu quả, đặc biệt là trong khâu hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó cung cấp một cách chính xác, kịp thời các thông tin về chi phí đầu vào cũng như kết quả đầu ra, sử dụng tốt các nguồn lực góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của công ty.

3.2 MỘT SỐ TỒN TẠI CHỦ YẾU TRONG CÔNG TÁC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

3.2.1 Về hạch toán doanh thu tại Công ty

- Về thời điểm và cách ghi nhận doanh thu

Doanh thu tại Công ty được ghi nhận vào thời điểm Công ty nhận được chứng từ (tức là hoàn thành quá trình vận chuyển hoặc phòng điều hành chuyển chứng từ lên phòng kế toán) chứ không phải vào thời điểm thực hiện dịch vụ, Do đó chỉ tiêu về doanh thu báo cáo trên Báo cáo tài chính không phản ánh chính xác thực tế kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ví dụ: Công ty thực hiện một nghiệp vụ vận chuyển trong vòng 6 ngày từ 26/02 đến ngày 02/03. Khi nhận được chứng từ vào ngày 03/03, kế toán không phân bổ doanh thu cho tháng 2 mà hạch toán toàn bộ số doanh thu của nghiệp vụ

này vào tháng 3. Như vậy là vi phạm các nguyên tắc ghi nhận doanh thu và phản ánh không đúng về tình hình kết quả kinh doanh cả tháng 2 và tháng 3.

3.2.2 Về hạch toán chi phí tại Công ty

- Về việc hạch toán chi tiết chi phí

Hiện nay Công ty đã tiến hành theo dõi tách biệt các chi phí kinh doanh trực tiếp cho từng loại hoạt động dịch vụ trên các tài khoản chi phí chi tiết là điều hoàn toàn hợp lý. Nhưng vẫn tồn tại điều chưa hợp lý là phần chi phí kinh doanh dịch vụ gián tiếp đã không được tách biệt cho từng loại hoạt động mà lại được hạch toán chung vào TK 627 rồi tập hợp vào TK 155, kết chuyển vào giá vốn của xe công ty. Như vậy tất cả các chi phí sản xuất chung đã được tính hết vào chi phí xe công ty, mà không được phân bổ cho các hoạt động khác (như hoạt động kinh doanh thép, VLXD). Do đó chi phí mà hoạt động xe công ty phải gánh chịu trên sổ sách không đúng với thực tế chi phí phát sinh.

- Về thời điểm ghi nhận chi phí

Chi phí tại Công ty được ghi nhận vào thời điểm nhận được chứng từ chứ không phải thời điểm phát sinh chi phí nên chỉ tiêu chi phí trên Báo cáo kết quả kinh doanh không phản ánh đúng thực tế kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo. Ví dụ: Chi phí điện thoại của tháng 01 nhưng đến ngày 21 tháng 02 mới nhận được hoá đơn, kế toán hạch toán vào chi phí của tháng 02 là hạch toán sai kỳ kế toán.

- Về việc phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp

Kế toán chưa tiến hành phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo tiêu thức phù hợp nên không thể theo dõi chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của từng loại hoạt động dịch vụ. Vì vậy, nhà quản trị không thể biết được kết quả kinh doanh riêng của xe công ty, xe cộng tác viên hay dịch vụ hàng hóa để đưa ra quyết định kinh doanh phù hợp.

3.3 NHỮNG ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY

Thứ nhất: Về việc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Hiện nay, công ty hạch toán chung tất cả các chi phí liên quan chung đến toàn

công ty, không liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ vào tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” bao gồm cả các chi phí như chi phí vật tư cho trang trí xe ô tô, phần trăm hoa hồng cho khách hàng... Công ty nên tách các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán hàng này vào tài khoản chi phí bán hàng để xác định riêng khoản chi phí dùng cho hoạt động tiêu thụ.

Tài khoản sử dụng: TK 641 “Chi phí bán hàng”, tài khoản này tập hợp và kết chuyển chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 641:

Bên Nợ: - Tập hợp chi phí thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng;

- Kết chuyển chi phí bán hàng.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết theo các khoản như: chi phí in ấn, chi phí sửa xe ô tô, chi phí quảng cáo, phần trăm hoa hồng cho khách hàng, chi phí xúc tiến khách hàng....

Việc hạch toán chi phí bán hàng có thể được tiến hành như sau: Hạch toán chi phí bán hàng theo từng khoản mục, căn cứ vào các chứng từ phát sinh kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký mua hàng, sổ chi tiết chi phí bán hàng (Biểu 3.1) và Sổ cái TK 641.

Biểu số 3.1 Sổ chi tiết chi phí bán hàng

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ BÁN HÀNG

Tháng ... năm ...

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi Nợ TK 641			
Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chi phí vật tư	% hoa hồng cho khách hàng	...
		Cộng					

Khi đó, công ty sẽ xác định kết quả kinh doanh theo công thức sau:

Kết quả kinh = Doanh thu + Doanh thu + Doanh thu bán hàng

doanh		xe công ty		xe cộng tác viên		hoá
	+	Doanh thu tài chính	-	Giá vốn xe công ty	-	Giá vốn hàng hóa(thép, VLXD)
	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	Chi phí bán hàng

Thứ hai: Về thời điểm và cách ghi nhận doanh thu và chi phí.

Trong thực tế Công ty thực hiện khá nhiều nghiệp vụ vận chuyển có thời gian kéo dài giữa 2 kỳ kế toán. Đặc biệt là vào các kỳ nghỉ lễ như 30/4 – 1/5, Quốc Khánh 2/9, Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán... việc hạch toán doanh thu, chi phí của các nghiệp vụ này khi theo đúng kỳ phát sinh sẽ dẫn đến việc phản ánh kết quả kinh doanh của các kỳ đó không chính xác.

Ví dụ: Nghiệp vụ vận chuyển thép từ Hải Phòng đi Vũng Tàu (6 ngày – 5 đêm) bắt đầu từ ngày 29/1 và kết thúc vào ngày 3/2 có doanh thu là 35.000.000. đồng. Tổng chi phí trực tiếp cho nghiệp vụ này là 20.000.000 đồng. Vì nghiệp vụ này được thực hiện liên quan tới cả tháng 1 và tháng 2, nên theo VAS 14 và IAS 18 “Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó”, và do đó chi phí trực tiếp cho nghiệp vụ này cũng phải tính cho tháng 1 và tháng 2 tương ứng theo việc ghi nhận doanh thu.

Việc tính doanh thu và chi phí của một nghiệp vụ cho 2 kỳ kế toán có liên quan có thể được thực hiện như sau:

Căn cứ theo thời gian phát sinh chi phí để ghi nhận chi phí cho các kỳ tương ứng. Ví dụ: Từ ngày 29/1 đến ngày 31/1 xe đã thực hiện các dịch vụ vận chuyển hàng từ Hải Phòng tới Nghệ An, thì các chi phí về xăng dầu, cầu phà, bến bãi, công tác phí của lái xe...nên được tính vào chi phí của tháng 1. Căn cứ vào các chứng từ phát sinh chi phí trong quá trình thực hiện quãng đường còn lại từ Nghệ An đến Vũng Tàu và quay về Hải Phòng từ ngày 1/2 đến 3/2 để hạch toán chi phí của quãng đường này vào chi phí của tháng 2. Doanh thu của nghiệp vụ vận chuyển sẽ được tính vào tháng 1 và tháng 2 tương ứng theo tỷ lệ chi phí dịch vụ đã thực hiện, và đại diện ở đây là chi phí trực tiếp của các nghiệp vụ vận chuyển xác định cho

từng tháng:

$$\text{Doanh thu/chí phí của vận chuyển tính vào từng tháng} = \frac{\text{Tổng doanh thu/chí phí của chuyển}}{\text{Tổng ngày vận chuyển của chuyển}} \times \text{Ngày vận chuyển của tháng tính}$$

Hoặc để đơn giản chúng ta có thể ghi nhận phần doanh thu và chi phí của dịch vụ vận chuyển cho từng kỳ theo tỷ lệ thời gian thực hiện nghiệp vụ đó. Với ví dụ trên, doanh thu và chi phí của nghiệp vụ sẽ được hạch toán 1/2 vào tháng 1 và 1/2 vào tháng 2.

Thứ ba: Kế toán cần xác định kết quả kinh doanh cho từng loại hoạt động

Việc phân tách kết quả sản xuất kinh doanh cho từng loại hoạt động bằng cách: lập riêng thành 3 bảng Báo cáo kết quả kinh doanh để lưu trong nội bộ doanh nghiệp nhằm giúp ích cho các nhà quản trị có thể thấy được nên đầu tư tập trung vào lĩnh vực nào để đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

Để xác định được kết quả kinh doanh của từng loại hoạt động thì công ty cần phải phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng loại hoạt động này. Chi phí quản lý doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng phản ánh trình độ quản lý của doanh nghiệp. Quy mô của chi phí quản lý doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Vì lẽ đó, loại chi phí này cần phải được quản lý chặt chẽ theo tiêu thức phù hợp trên cơ sở tiết kiệm và đảm bảo nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh.

Kế toán nên tiến hành phân bổ chi phí quản lý doanh nghiệp theo tiêu thức phù hợp như Doanh thu thuần của từng loại hoạt động theo công thức:

Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho từng loại hoạt động	=	Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	*	Doanh thu thuần của từng loại hoạt động
				Tổng doanh thu thuần

Từ đó căn cứ vào Sổ chi tiết xác định kết quả kinh doanh, ban quản lý sẽ biết được loại hoạt động kinh doanh nào mang lại lợi nhuận cao nhất. Trên cơ sở đó có kế hoạch điều chỉnh về tỷ lệ đầu tư vào các loại hoạt động kinh doanh như thế nào là hợp lý.

Thứ tư: Công ty cần quan tâm hơn nữa tới kế toán quản trị

Để đánh giá chi tiết hiệu quả của hoạt động kinh doanh thương mại và vận tải, Công ty có thể tiến hành phân loại doanh thu theo các tiêu thức như:

- Phân loại doanh thu theo thị trường: Công ty có thể chia vùng kinh doanh ra theo vị trí địa lý và theo dõi xem khu vực nào có doanh thu lớn để tiếp tục phát huy, hay vùng thị trường nào có doanh thu thấp cần tìm ra nguyên nhân khắc phục. Cách phân loại này sẽ giúp Công ty có cơ sở để đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng thị trường và đánh giá sức cạnh tranh của Công ty trên từng đoạn thị trường.

- Phân loại doanh thu theo chương trình vận chuyển: Cách phân loại này giúp Công ty có cơ sở để đánh giá kết quả kinh doanh của từng chương trình vận chuyển mà Công ty đã xây dựng và thực hiện. Ví dụ như vận chuyển trong nội thành hay ngoại thành...

- Phân loại theo doanh thu từng loại, dựa vào Báo cáo kết quả kinh doanh của 3 loại doanh thu ở mục trên mà có chính sách đầu tư phát triển hợp lý.

KẾT LUẬN

Để góp phần thúc đẩy sự đi lên của nước nhà, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ vận tải Trọng Khánh luôn nỗ lực hết mình để là cầu nối cho tất các hoạt động cần vận chuyển, giúp việc thông thương giữa các doanh nghiệp trong thành phố, ngoài thành phố và trên khắp cả nước. Và hơn thế nữa công ty muốn đưa hình ảnh mình ra cả các nước bạn lân cận đóng góp vào mức tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và ngành giao thông vận tải Việt Nam nói riêng.

Sau một thời gian thực tập tại công ty, được tìm hiểu tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của công ty, kết hợp với những kiến thức đã được học trong nhà trường, em đã hoàn thành Luận văn tốt nghiệp của mình. Trên cơ sở phân tích và quá trình vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, em đã mạnh dạn đề xuất những kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác hạch toán kế toán tại công ty, đặc biệt là công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian và trình độ nên khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong các thầy cô góp ý và chỉ bảo giúp em hoàn thiện tốt kiến thức bản thân và có thể đúc rút ra những kinh nghiệm trong công việc thực tế sau này.

Đặc biệt, em xin chân thành cảm ơn Cô giáo T.S Giang Thị Xuyên, người đã tận tình hướng dẫn em trong suốt thời gian qua để em có thể hoàn thành một cách tốt nhất Luận văn tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn cô!

Sinh viên thực hiện

Trần Thị Nga